



BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN ASC TÔM

(Bảng báo cáo công bố)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Tên Công ty:	CÔNG TY CP CB & XNK THỦY SẢN THANH ĐOÀN (THADIMEXCO)			
Địa chỉ:	01A, Trương Phùng Xuân, Khóm 7, Phường 8, Cà Mau			
Người liên hệ chính:	Họ và tên:	Anh ĐẶNG VĂN ÚT	Chức danh:	TP. CHẤT LƯỢNG
Thông tin chung về (các) trang trại đăng ký:	Số lượng ao thương phẩm:	4 ao	Diện tích mặt nước (ha):	123,679m ²
	Năm thành lập	1990	Số lượng nhân viên trại:	không áp dụng
	Tên nhà cung ứng thức ăn:	không áp dụng	Tên nhà cung ứng con giống:	VŨ HẢO, TRUNG TÍN,...
	Sản lượng hàng năm:	35 tấn	Thời gian một vụ nuôi:	12 tháng
	Hệ thống xử lý nước:	Nuôi tôm quảng canh, không có hệ thống xử lý nước. Nước thải từ ao được giữ trong tình trạng tốt trong suốt vụ mùa.		
	Các chứng nhận khác:	không áp dụng		
	Thông tin khác:	Trại nuôi tôm quảng canh		

II. PHẠM VI CHỨNG NHẬN

Phiên bản tiêu chuẩn	ASC Shrimp Standard version 1.0 March 2014			
Tên & Địa chỉ (các) địa điểm:	Địa điểm 1:	TRẠI THANH ĐOÀN 2&3	Địa điểm 2:	
	Địa chỉ:	Ấp Cây Thờ, Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn, Việt Nam	Địa chỉ:	
Tọa độ GPS của (các) trang trại	TD2&3:	A: N 08o49'975" -" E 104o58'602"	B: N 08o49'906" -" E 104o58'592"	C: N 08o49'979" -" E 104o58'299"
Hoạt động:	Nuôi bán thâm canh <i>Penaeus monodon</i> (tôm sú)			
Loài nuôi:	<u><i>P. monodon.</i></u>		Loài khác:	không áp dụng
Thủy vực nhận:	Rạch Cây Thờ, Rạch Ông Bái			
Thay đổi phạm vi chứng nhận:	không áp dụng. Đây là lần đánh giá đầu tiên			

Các địa điểm không thuộc phạm vi:	Địa điểm 1: -	Địa điểm 2: -		
	Địa chỉ: -	Địa chỉ: -		
III. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ				
Dạng đánh giá	Lần đầu: X	Giám sát: 1st 2nd 3rd	Tái chứng nhận: NA	Chu kỳ chứng nhận: 1st
Mã số giấy chứng nhận gần nhất:	không áp dụng, đánh giá lần đầu		Hiệu lực từ ngày:	Hiệu lực đến ngày:
Tình trạng chứng nhận hiện tại	không áp dụng, đánh giá lần đầu			
Ngày đánh giá:	29,30,31-07-2014		Thời gian đánh giá: (ngày)	3 ngày
Ngày viết báo cáo:	31-Jul-14		Ngày hoàn chỉnh báo cáo:	7-Aug-14
Đoàn đánh giá:	Trưởng đoàn:	Anh NGUYỄN HUY	Thành viên:	Anh LÝ VĨ CƯỜNG
Kiểm tra hồ sơ và các hành động được tiến hành trước khi tiến hành đánh giá thực tế.	Xem Kế hoạch sức khỏe vật nuôi, BEIA, p-SIA, Quy trình nuôi, Tất cả các tính toán cho ao đã thu hoạch, danh sách các luật áp dụng, bảng danh mục tiền đánh giá.			
Tên và chức danh các cá nhân của trang trại tham gia vào đánh giá:	Mr. Đặng Văn Út - Thanh Đoàn - QM Mr. Lê Chí Cường - Chủ trang trại Mr. Lê Chí Cường - Chủ trang trại Mr. Nguyễn Thanh Phong - BINCA - Nhân viên Ms. Cam Thị Thâm - BINCA - Nhân viên	Tên của các bên quan tâm tham gia vào đánh giá:	Hội Nông Dân, UBND Xã Đất Mới, cộng đồng địa phương, nhà cung ứng giống, bên đánh giá BEIA và p-SIA	
IV. CÁC PHÁT HIỆN ĐÁNH GIÁ				
Tóm tắt lần đánh giá trước: (nếu có)	không áp dụng. Đây là lần đánh giá đầu tiên			
Kết luận phát hiện đánh giá lần trước: (nếu có)		Nhận xét	Không phù hợp nhỏ	Không phù hợp lớn
	Số lượng	không áp dụng		
	Tham chiếu			
Kết luận phát hiện đánh giá hiện tại:	IA	Nhận xét	Không phù hợp nhỏ	Không phù hợp lớn
	Số lượng	0	11	0
	Tham chiếu	không áp dụng	NC EV1~11	không áp dụng
	Tình trạng	không áp dụng	Chấp nhận kế hoạch khắc phục các NC nhỏ.	không áp dụng
Tóm lược lần đánh giá hiện tại:	Có 11 điểm không phù hợp thứ yếu được phát hiện trong quá trình đánh giá ngày 29,30,31-07-2014. NC-EV5 đã được đóng, và trại đã cung cấp kế hoạch hành động khắc phục cho những NC còn lại, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng phức tạp trong lần đánh giá định kỳ kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định.			

V. KẾT LUẬN ĐÁNH GIÁ					
Xác định điểm bắt đầu của CoC:	Đánh giá của hệ thống theo dõi, truy tìm và sự phân biệt trong hoạt động nuôi trồng thủy sản là đủ để đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm được xác định và bán có xác nhận của hoạt động nuôi trồng thủy sản có nguồn gốc từ các đơn vị chứng nhận chứng nhận				
Xác định các sản phẩm nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện để tiếp tục chuỗi hàng trình Chains of Custody	Yêu cầu	Mức độ rủi ro			Nhận xét của đánh giá viên và bằng chứng
		Thấp	Trung bình	Cao	
	1. Hệ thống theo dõi, truy xuất và phân biệt giữa sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận.	X			Có một hệ thống rõ ràng cho việc theo dõi, truy xuất và phân biệt giữa sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận.
	2. Khả năng thay thế chứng sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận trước khi thu hoạch	X			Trang trại chỉ sản xuất một loại sản phẩm và tất cả sản phẩm sẽ được chứng nhận
	3. Khả năng đưa sản phẩm từ bên ngoài vào trang trại được chứng nhận	X			Trang trại có hệ thống truy xuất nguồn gốc và lưu hồ sơ rất tốt. Rất khó để đưa một sản phẩm không được chứng nhận trộn lẫn với sản phẩm được chứng nhận.
	4. Mức độ hoàn thiện của hệ thống quản lý chất lượng.	X			Hệ thống quản lý chất lượng hoàn chỉnh
	5. Sử dụng phương tiện vận chuyển khi thu hoạch.	X			Khi thu hoạch, tôm được vận chuyển lạnh đến nhà máy chế biến bằng ghe
	6. Sử dụng nhà thầu phụ khi thu hoạch	X			Không sử dụng nhà thầu phụ khi thu hoạch.
	Nhận xét của đánh giá viên		Có	Không	Diễn Giải
	Hệ thống quản lý đủ hiệu quả, các sản phẩm nuôi trồng thủy sản sau khi thu hoạch có thể đi tiếp chuỗi hành trình sản phẩm CoC và đủ điều kiện để dán nhãn ASC.		X		Hệ thống quản lý đủ hiệu quả

<p>Xác định các sản phẩm nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện để tiếp tục chuỗi hàng trình Chains of Custody:</p>	<p>Các sản phẩm bao gồm trong phạm vi chứng nhận được chi tiết trong báo cáo này có thể đi vào chuỗi giám sát được chứng nhận và được phép mang nhãn ASC.</p> <p>Các cân nhắc quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống theo dõi, dấu vết và phân biệt trong mở rộng nuôi trồng thủy sản: Người nuôi lưu giữ tất cả các hồ sơ liên quan đến theo dõi, truy suất và tách biệt của tôm thu hoạch như là thông tin thả nuôi cho mỗi đơn vị nuôi và nhà cung ứng giống nhằm chứng minh sự phù hợp với tiêu chuẩn ASC. Trang trại THANH ĐOÀN 2&3 thuộc sở hữu của người nuôi, người nuôi và Công ty THADIMEXCO ký hợp đồng với cam kết rằng tất cả các sản phẩm thu hoạch tại trại THANH ĐOÀN 2&3 được chế biến tại nhà máy chế biến THADIMEXCO. Nhà máy này đã được đánh giá cho tiêu chuẩn MSC/ASC Chain of Custody bởi Bureau Veritas Certification ngày 28-07-2014. Các thông tin liên quan đến nguồn gốc của tôm được gửi cho nhà máy chế biến của THADIMEXCO bao gồm hồ sơ vận chuyển tôm. - Sử dụng tàu chở: Nhằm kiểm soát hoạt động thu hoạch, nhân viên QC từ nhà máy chế biến và người nuôi cùng nhau giám sát việc thu hoạch. Sản phẩm thu hoạch được chứa trong các thùng chứa được niêm phong có nhãn nhận diện, và các nhân viên QC sau đó theo dõi việc vận chuyển sản phẩm trực tiếp đến nhà máy chế biến (cũng của THADIMEXCO). Không có chuyển tàu chở và không có cơ hội cho việc mất nhận diện và/hay mất khả năng truy xuất trong quá trình vận chuyển. - Người thực hiện khai thác và bến đỗ: Sau khi nhận giao hàng từ trang trại, bên thực hiện được cho phép xử lý nguyên liệu thu hoạch từ trang trại THANH ĐOÀN 2&3 là nhà máy chế biến THADIMECO. Chỉ có duy nhất 1 điểm bến đỗ tại nhà máy chế biến THADIMEXCO. - Cơ hội thay thế sản phẩm chứng nhận với sản phẩm không được chứng nhận trong những đơn vị chứng nhận: trang trại THANH ĐOÀN 2&3 chỉ có một hệ thống quản lý nhằm kiểm soát hoạt động nuôi trồng thủy sản, và trang trại không dùng bất kỳ thuốc kháng sinh nào trong bất kỳ trường hợp nào, vì thế tất cả các sản phẩm thu hoạch có cùng một điều kiện. Không có cơ hội cho việc nhầm lẫn giữa hàng ASC và không-ASC trong hoạt động nuôi trồng thủy sản của đơn vị được chứng nhận. - Điểm khởi đầu trong chứng nhận Chuỗi Giám Sát yêu cầu: theo đó, hoạt động vận chuyển được kiểm soát bởi người nuôi và nhân viên QC cho đến vị trí bến đỗ. Chứng nhận Chuỗi Giám sát được yêu cầu từ điểm tiếp nhận đầu tiên sản phẩm tôm tại nhà máy chế biến của THADIMEXCO. Nhà máy chế biến đã được đánh giá cho tiêu chuẩn MSC/ASC CoC bởi Bureau Veritas Certification ngày 28-07-2014. <p>Việc xác định này sẽ giữ người hiệu lực cho đến khi được xem xét lại trong đánh giá định kỳ bởi CAB.</p>
<p>Mô tả điểm của sự thay đổi quyền sở hữu sau khi chuỗi chứng nhận lưu ký là cần thiết</p>	<p>Phạm vi của giấy chứng nhận bao gồm việc nuôi và thu hoạch. Giấy chứng nhận CoC được yêu cầu từ người bán sản phẩm đến nhà máy chế biến. Các sản phẩm được thu hoạch trong hoặc sau ngày đánh giá chứng nhận ASC trại Thanh Đoàn 2&3 lần đầu tiên tiếp tục được phê duyệt mang nhãn ASC.</p>
<p>VI. QUYẾT ĐỊNH CHỨNG NHẬN</p>	
<p>Số giấy chứng nhận:</p>	<p>BUREAU VERITAS CERTIFICATION xác định rằng tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn được đáp ứng đầy đủ và đã được công nhận trang trại THANH ĐOÀN SEAPRODUCTS PROCESSING & IMPORT - EXPORT JOINT STOCK COMPANY - THANH ĐOÀN 2&3 FARM. Công ty, đã được cấp vị trí phù hợp và tình trạng của chúng được liệt kê trong phần "Kết quả đánh giá" trên trong báo cáo.</p>
<p>Ngày cấp:</p>	<p style="text-align: center;">22/10/2014</p>
	<p>Ngày hết hạn: 21/10/2014</p>

Phạm vi chứng nhận;	Aquaculture operations for Shrimp						
Danh sách các điểm không phù hợp còn chưa được khắc phục:	Có 11 điểm không phù hợp thứ yếu được phát hiện trong quá trình đánh giá ngày 29,30,31-07-2014. NC-EV5 đã được đóng, và trại đã cung cấp kế hoạch hành động khắc phục cho những NC còn lại, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng phức phục trong lần đánh giá định kì kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định .						
Các dữ liệu cần bảo mật đối với thông tin thương mại nhạy cảm:							
Chữ ký của Đại diện khách hàng:				Chữ ký của Chuyên gia đánh giá:			
ĐẶNG VĂN ÚT (Đã ký)				NGUYỄN HUY (Đã ký)			
Tên:	ĐẶNG VĂN ÚT	Ngày:	31/7/2014	Tên:	NGUYỄN HUY	Ngày:	08/07/2014

<p>Phạm vi: Tiêu chuẩn ASC Tôm hiện tại bao gồm các loài thuộc giống <i>Litopenaeus</i> và <i>Penaeus</i>. Tiêu chuẩn ASC Tôm và Tài liệu hướng dẫn Đánh giá liên quan được định hướng theo hướng sản xuất cho tôm thẻ chân trắng <i>L. vannamei</i> và tôm sú <i>P. monodon</i>. Các loài tôm khác có đủ điều kiện để chứng nhận nếu chúng có thể đáp ứng các ngưỡng giới hạn thực hiện nuôi tôm được quy định trong tài liệu này.</p>						
<p>HƯỚNG DẪN DÀNH CHO TRANG TRẠI / ĐÁNH GIÁ VIÊN : Tài liệu hướng dẫn đánh giá này được phát triển cùng với bộ Tiêu chuẩn ASC Tôm phiên bản 1.0 ngày 27 tháng 03 năm 2014 được mở rộng thông qua Đối thoại Nuôi Tôm.</p> <p>Phụ lục A (Phục hồi rừng ngập mặn) có thể được tìm thấy ở phần cuối của tài liệu hướng dẫn đánh giá này. Tất cả các tài liệu tham khảo khác (I, II, III, IV, V, VI, VII) trong Hướng dẫn Đánh giá này liên quan đến các Phụ lục có thể được tìm thấy trong tài liệu Tiêu chuẩn ASC Tôm.</p> <p>Tài liệu hướng dẫn được bổ sung bằng một danh sách kiểm tra trước đánh giá nhằm đưa ra các thông tin tối thiểu mà một khách hàng phải có trước khi đánh giá lần đầu. Trước khi đánh giá, khách hàng và tổ chức đánh giá sự tuân thủ (CAB) của họ phải đạt được thỏa thuận rằng việc đánh giá yêu cầu sự viếng thăm cả tại trụ sở chính và vùng nuôi của khách hàng, những thông tin nào được lưu ở từng địa điểm, và các định dạng hồ sơ có thể được chấp nhận (ví dụ như hồ sơ điện tử hoặc bản in ra giấy).</p> <p>Để quyết định mức độ tuân thủ đối với Tiêu chuẩn ASC Tôm, cần phải sử dụng thông tin của chu kỳ vụ nuôi hoàn chỉnh, hoặc tại một điểm thời gian cụ thể trong vụ (ví dụ: thả nuôi) cho một số yêu cầu. Vì lý do này, trong những lần đánh giá đầu tiên các trang trại cần phải trình bày đầy đủ dữ liệu về ít nhất một hoặc nhiều chu kỳ vụ nuôi hoàn chỉnh trên từng vùng nuôi tại thời điểm đánh giá.</p> <p>Vi vậy, tại thời điểm đánh giá đầu tiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> • người nuôi phải có khả năng đưa ra đầy đủ hồ sơ (ví dụ như sử dụng thức ăn, tỉ lệ tôm chết, vv...) của ít nhất 1 chu kỳ vụ nuôi hoàn chỉnh trên từng vùng nuôi (tức là từ khi thả nuôi đến khi thu hoạch) và các thông tin liên quan cho tất cả các vụ nuôi sau khi đã thả nuôi vụ đó. • người chứng nhận phải sử dụng các hồ sơ này của từng vùng nuôi để tính toán mức độ tuân thủ của các tiêu chuẩn liên quan. <p>Áp dụng cho tất cả các yêu cầu liên quan trong Tài liệu Hướng dẫn Đánh giá này: Khách hàng: Trong lần đánh giá đầu tiên: phải cung cấp dữ liệu của ít nhất 1 chu kỳ vụ nuôi hoàn chỉnh trên từng vùng nuôi cho người chứng nhận. Đánh giá viên: Trong lần đánh giá đầu tiên: phải sử dụng dữ liệu của ít nhất 1 chu kỳ vụ nuôi hoàn chỉnh trên từng vùng nuôi để quyết định sự tuân thủ.</p> <p>Lưu ý đối với các trang trại: ngoài việc tuân thủ Tiêu chuẩn ASC Tôm, đánh giá viên có thể quyết định trang trại có cần phải tiến hành chứng nhận một chuỗi giám sát ASC hợp lệ để bảo đảm truy xuất nguồn gốc đáng tin cậy của sản phẩm được chứng nhận ASC tại trang trại.</p>						
<p>NGUYÊN TẮC 1. TUÂN THỦ TẤT CẢ CÁC LUẬT VÀ QUY ĐỊNH CÓ THỂ ÁP DỤNG CỦA QUỐC GIA VÀ ĐỊA PHƯƠNG</p>		C	Major NC	Minor NC	NA	
<p><i>Tiêu chí 1.1: Sự tuân thủ các yêu cầu pháp luật của quốc gia và địa phương được chứng minh bằng tài liệu</i></p>						
	<p>Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):</p>	<p>Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):</p>				
	<p>a. Duy trì hồ sơ cho thấy trang trại có tất cả các đăng ký theo yêu cầu của chính quyền quốc gia và địa phương. Đánh giá viên sẽ cần phải liên hệ với các trang trại trước đánh giá và yêu cầu danh sách các giấy phép tuân thủ pháp luật cần thiết để đảm bảo họ biết rõ các yêu cầu pháp lý của quốc gia. Nguyên tắc 1 cũng xem xét các báo cáo thanh tra chính phủ (nếu/khi các cấp chính quyền làm điều này thường xuyên) như xác minh rằng các giấy phép không phải chỉ "đơn thuần" là các tài liệu có đóng dấu mà còn phản ánh mối quan hệ đang diễn ra đúng theo các điều kiện cấp giấy phép.</p>	<p>A. Xác minh trang trại có tất cả các đăng ký theo yêu cầu của chính quyền quốc gia và địa phương.</p>	C			<p>*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Thanh Đoàn số 2000390561, chỉnh sửa lần 5, ngày 14-05-2010, cấp bởi Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Cà Mau. *Danh sách pháp luật tuân thủ liên quan đến trại Thanh Đoàn 1, cập nhật ngày 21-06-2014, gồm các luật về Thuế đất nông nghiệp, điều kiện vệ sinh thú y dịch tễ, kiểm dịch giống thủy sản, quyền sử dụng đất, quy định quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh Cà Mau.</p>
	<p>b. Có một giấy phép nuôi trồng thủy sản (nếu áp dụng).</p>	<p>B. Xác minh trang trại có giấy phép nuôi trồng thủy sản (nếu áp dụng).</p>	C			<p>*Giấy xác nhận được phép nuôi tôm sú ngày 20-06-2014, ký bởi Chủ tịch UBND Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau</p>
	<p>c. Có một giấy phép thương mại (nếu áp dụng).</p>	<p>C. Xác minh trang trại có giấy phép thương mại (nếu áp dụng).</p>	C			<p>*Đây là hộ nông dân, không yêu cầu cấp giấy phép thương mại cho trang trại. *Giấy xác nhận được phép nuôi tôm sú ngày 20-06-2014, ký bởi Chủ tịch UBND Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau</p>

<p>1.1.1</p>	<p>Tiêu chuẩn: Tuân thủ các luật hoặc các quy định của quốc gia và địa phương.</p> <p>Yêu cầu: Bằng chứng về các giấy phép hoặc tài liệu liên quan khác sẵn có đối với các quy định áp dụng.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>d. Có bất kỳ hợp đồng, giấy đăng ký, hoặc giấy phép nào khác theo yêu cầu của chính quyền quốc gia và địa phương, bao gồm (nếu áp dụng) nhưng không giới hạn các quyền đối với sử dụng đất và/hoặc nước, du nhập và vận chuyển tôm bố mẹ hoặc tôm hậu ấu trùng, sử dụng thuốc hay hóa chất, xử lý chất thải, xả nước thải, kiểm soát lao động và động vật ăn thịt (xem thêm 1.1.3. và 1.1.4).</p>	<p>D. Xác minh sự phù hợp.</p>	<p>C</p>				<p>"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số 06089 QSDD thửa số 103, diện tích 54.420m2, và số 00418 QSDD diện tích: 21867m2, tổng diện tích toàn trang trại: 136,087m2, cấp bởi UBND Xã Đất Mới xác nhận trang trại là đất nuôi trồng thủy sản, thời hạn sử dụng đất: đến 2013.</p> <p>"Giấy xác nhận ủy quyền" ngày 19-06-2014 của Mr. Lê Văn Xuyên và Mr. Nguyễn Văn Phước - chủ đất, ủy quyền cho Ông Lê Chí Cường, và của Ms. Nguyễn Thị Sa cho ông Trần Hoàng Dũng, quản lý và sử dụng mảnh đất trang trại để nuôi tôm sú quảng canh, phê duyệt bởi UBND Xã Đất Mới</p> <p>*Nghị quyết số 49/2013/QH13 ngày 28-06-2013, xác nhận việc gia hạn thời hạn sử dụng đất cho đất Nuôi thủy sản hết hạn</p> <p>"Hồ sơ nộp thuế đất hàng năm từ 2012 - 2014, vd. "Biên lai thu thuế đất" số 0135410 ngày 30-03-2014, cho năm 2014</p>
		<p>e. Cung cấp một danh sách bằng văn bản hoặc dưới dạng kỹ thuật số gồm tất cả các hoạt động vận hành mà trang trại có quy trình. Quy trình được yêu cầu đối với các hành động cần có sự đảo tạo cho các dạng lao động phổ thông tại trang trại, hoặc cho các hoạt động quản lý rủi ro cần thiết cho trang trại.</p>	<p>E. Xác minh rằng danh sách có sẵn và đầy đủ.</p>	<p>C</p>				<p>Danh mục các tài liệu, quy trình của trang trại, trong Hồ sơ đảo tạo ASC cho trang trại. Bao gồm các quy trình: "Quy trình nuôi tôm ASC", "Quy trình xử lý bùn", "Kế hoạch quản lý rác thải", "Quy trình xử lý rác thải", "Các bệnh thường gặp trên tôm nuôi", "Kế hoạch quản lý động vật hoang dã", "kế hoạch quản lý xả thải", "Hướng dẫn an toàn sử dụng vôi", "Quy trình tiếp nhận và phản hồi thông tin pháp lý", "Chính sách giải quyết khiếu nại và xung đột cộng đồng"...</p>
<p>1.1.2</p>	<p>Tiêu chuẩn: Minh bạch trong vấn đề tuân thủ pháp luật.</p> <p>Yêu cầu: Giấy đăng ký và giấy phép hoạt động được cấp bởi cơ quan nhà nước được công bố công khai một tháng sau khi yêu cầu.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Công bố công khai giấy đăng ký và giấy phép của nhà nước (nếu áp dụng). "Công bố công khai" được định nghĩa là "theo một cách mà công chúng dễ dàng tiếp cận được hoặc quan sát được", trong đó bao gồm, nhưng không giới hạn, những việc như sau: được đăng tải một cách nhất quán và đáng tin cậy ở nơi công cộng (ví dụ, bảng hiệu trang trại, mặt trước cửa sổ hoặc trên tường của văn phòng mà công chúng có thể tiếp cận được), hoặc công bố qua email, gửi theo yêu cầu hoặc đăng trên các trang website internet.</p>	<p>A. Xác minh trang trại thực hiện công bố công khai việc tuân thủ pháp luật.</p>	<p>C</p>				<p>Công bố các giấy phép tại Bảng thông tin văn phòng trại, gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy xác nhận được phép nuôi trồng thủy sản, danh mục các pháp luật áp dụng tại trang trại.</p>
		<p>b. Duy trì hồ sơ về các yêu cầu thông tin từ công chúng. Hồ sơ phải bao gồm ngày yêu cầu, tên của người yêu cầu, thông tin được yêu cầu, phản hồi được thực hiện, ngày phản hồi được thực hiện và lý do lý giải cho sự phản hồi chậm trễ nếu phản hồi được thực hiện sau 14 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.</p>	<p>B. Giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước cấp được công bố công khai một tháng sau khi được ban hành bởi các cấp chính quyền thông qua các phương tiện mà họ đã chọn để cung cấp thông tin công cộng.</p>	<p>C</p>				<p>"Hồ sơ ghi nhận yêu cầu cung cấp thông tin pháp lý" đến ngày đánh giá, chưa nhận được yêu cầu cung cấp thông tin về pháp lý.</p> <p>Trang trại xây dựng sẵn "Quy trình tiếp nhận và phản hồi thông tin pháp lý" ngày 15-12-2013</p>
<p>NGUYÊN TẮC 2. XÂY DỰNG TRANG TRẠI Ở NHỮNG NƠI VỪA PHÙ HỢP VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG VỪA BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ HỆ SINH THÁI TỰ NHIÊN QUAN TRỌNG</p>				<p>C</p>	<p>Major NC</p>	<p>Minor NC</p>	<p>NA</p>	
<p>Tiêu chí 2.1: Đánh giá Tác Động Môi Trường Đa Dạng Sinh Học (B-EIA)</p>								
<p>Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):</p>		<p>Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):</p>						

2.1.1	<p>Tiêu chuẩn: Các chủ trang trại phải ủy thác Đánh giá Tác động Môi trường Đa dạng Sinh học có sự tham gia và phải công khai phổ biến các kết quả và tác động bằng ngôn ngữ địa phương thích hợp. Quy trình và tài liệu B-EIA phải tuân theo nguyên tắc chung trong Phụ lục A.</p> <p>Yêu cầu: Báo cáo sẵn có và tuân thủ theo quy trình B-EIA Phụ lục I.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Trình bày một báo cáo B-EIA. Ở những nước mà không có quy trình công nhận chính thức, thì có quyền tùy chọn sử dụng một giảng viên sinh thái học (làm việc cho trường đại học), hoặc một nhà sinh thái học có các ấn phẩm được đánh giá của chuyên gia trong vòng 5 năm qua. Tên của nhà sinh thái học sẽ xuất hiện trong báo cáo công khai sẵn có để đảm bảo trách nhiệm giải trình. Trang trại phải chứng minh rằng họ đang thực hiện các khuyến nghị được đưa ra trong B-EIA và thiết lập một phương thức giám sát B-EIA. Việc này được xem xét lại mỗi 6 năm một lần bởi người thực hiện đánh giá hoặc nhà sinh thái học có liên quan. Kế hoạch hành động / giám sát B-EIA sẽ được giám sát trong từng cuộc đánh giá giám sát.</p> <p>Các điều khoản tham chiếu dựa vào nghĩa vụ của việc sử dụng Đánh giá Tác động Môi Trường cũ làm dữ liệu đầu vào, điều này đương nhiên dẫn đến việc xem xét các tác động đã được liệt kê sử dụng khung hướng dẫn và phương pháp luận trong Phụ lục I.</p>	<p>A. Xác minh trang trại có một báo cáo B-EIA và phương pháp áp dụng tuân thủ theo Phụ lục I. Xem xét toàn bộ từng điểm một danh mục kiểm tra của Phụ lục I. Đảm bảo trang trại đang tuân theo các khuyến nghị và phương thức giám sát của B-EIA. Xác minh trang trại biết rõ Phụ lục A, B-EIA và họ đang thực hiện các điểm phát hiện của đánh giá. Xác minh rằng trang trại quen thuộc với nội dung B-EIA và các biện pháp cần thiết để làm giảm bớt / bồi thường cho hoạt động gây ảnh hưởng đến môi trường.</p> <p>Bình luận bổ sung: Trong quá trình phỏng vấn cộng đồng địa phương, xác minh rằng các bên liên quan đã được nhà sinh thái học tư vấn trong nghiên cứu B-EIA. Hồ sơ từ cuộc họp với các bên liên quan (cộng đồng) để thu thập thông tin nhằm phát triển B-EIA.</p> <p>Trong quá trình đánh giá giám sát, xác minh việc thực hiện các kế hoạch hành động / giám sát B-EIA.</p>		NC-EV1	<p>p-BEIA thực hiện và hoàn tất trong tháng 06-2014 bởi Công ty Tư Vấn GQS, chủ trì bởi Ms. Nguyễn Đặng Hồng Ngọc - Thạc sĩ Khoa học Môi Trường, có "Giấy chứng nhận" số 041362 cấp ngày 04-09-2008 bởi Đại Học Cần Thơ.</p> <p>Ms. Ngọc có kinh nghiệm tham gia các Dự án về Đa dạng sinh học, bao gồm: Dự án bảo tồn cá An Bình, Dự án đa dạng sinh học vùng ngập nước Tân Phước, Dự án ASC cá Phước Anh, Dự án trầm chim Tam Nông.</p> <p>Nội dung của p-BEIA phù hợp với các yêu cầu của Phụ lục I. Phỏng vấn các bên liên quan, xác định BEIA được thực hiện đúng theo yêu cầu của tiêu chuẩn.</p> <p>p-BEIA có nhận diện các tác động nào không thể phục hồi, nhưng chưa nêu rõ các tác động đó do hoạt động cụ thể nào của trang trại nhằm tránh hoặc cải thiện hoạt động đó.</p>
Tiêu chí 2.2: Bảo tồn các khu bảo tồn [13] hoặc môi trường sống quan trọng						
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):			
2.2.1	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép xây dựng trong các Khu Bảo Tồn (PAs).</p> <p>Yêu cầu: Không, ngoại trừ nếu trong các Khu Bảo Tồn mà Sách đỏ IUCN xếp loại V và hệ thống nuôi được coi là loại hình sử dụng đất truyền thống [14], hoặc xếp loại VI và trang trại được xây dựng hợp pháp trước khi có sự chỉ định của Khu Bảo Tồn; và trong cả hai trường hợp đều tuân thủ theo các mục tiêu và kế hoạch quản lý của Khu Bảo Tồn, và diện tích nuôi tôm không quá 25% trên tổng diện tích Khu Bảo Tồn [15].</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp các tọa độ địa lý của trang trại (ví dụ và kinh độ chia theo độ và phút) với tính chính xác gồm hai số thập phân trong phút địa lý (ví dụ, 15 ° 22,65' N, 22 ° 43,78' E sử dụng Hệ Thống Trắc Địa Thế Giới 84 (WGS84) đo tọa độ). Cung cấp điểm trung tâm của vùng sản xuất trong trường hợp các trang trại nhỏ hơn 1 ha, các góc của các đường vành đai trong trường hợp các trang trại lớn hơn.</p> <p>b. Cung cấp bằng chứng về sự chỉ định của Khu Bảo Tồn nếu trang trại được xây dựng trong một Khu Bảo Tồn.</p> <p>c. Đối với các trang trại xây dựng trong Khu Bảo Tồn được IUCN xếp loại V, cung cấp bằng chứng cho thấy hệ thống nuôi có thể được coi là sử dụng đất truyền thống và trang trại không chiếm hơn 25% tổng diện tích Khu Bảo Tồn. Bằng chứng có thể bao gồm các bản đồ Khu Bảo Tồn, các bài viết và báo cáo được đánh giá bởi chuyên gia từ các tổ chức có uy tín.</p>	<p>A. Xác minh rằng các tọa độ địa lý có sẵn và chính xác, và có phải rằng trang trại không được xây dựng trong một Khu Bảo Tồn.</p> <p>B. Xác minh rằng sự chỉ định là chính xác và rằng khu vực này đã không được chỉ định là một Khu Bảo Tồn xếp loại I-IV tại thời điểm xây dựng / hoặc các giấy phép liên quan có được tại thời điểm xây dựng.</p> <p>C. Xác minh bằng chứng cho thấy có sẵn và đáng tin cậy, và trang trại không chiếm hơn 25% diện tích Khu Bảo Tồn. Các đánh giá viên phải đăng ký và tham vấn IBAT trên trang web Bảo tồn Quốc tế https://www.ibatforbusiness.org/login. Đánh giá viên phải xác minh rằng các hoạt động và vị trí trang trại phù hợp với quy hoạch và kế hoạch quản lý của Khu Bảo Tồn.</p>	C		<p>Sơ đồ trại, có tọa độ GPS của trang trại: Thanh Doan 2&3 Farm A: N 08o49'975" -" E 104o58'602" B: N 08o49'906" -" E 104o58'592" C: N 08o49'979" -" E 104o58'299" D: N 08o49'943" -" E 104o58'316"</p> <p>Đánh giá viên xác nhận lại tọa độ bằng cách định vị lại các vị trí các góc bằng thiết bị định vị, xác nhận tọa độ chính xác.</p> <p>Đánh giá p-BEIA xác nhận trang trại không nằm trong khu bảo tồn của Cà Mau.</p> <p>So sánh vị trí trang trại với bản đồ các khu bảo tồn của IUCN từ website https://www.ibatforbusiness.org/login; và các khu bảo tồn của Việt Nam trong "bản đồ rừng ngập mặn và đầm phá biển Việt Nam" theo dự án KC-09 - Viện Hải Dương Học Hà Nội; và "Danh sách các khu bảo tồn Ramsar Việt Nam" ngày 27-11-2012 tại website Ramsar.org.</p> <p>Xác nhận trang trại không nằm trong khu bảo tồn.</p> <p>NA NA. Trang trại không nằm trong khu bảo tồn</p> <p>NA NA. Trang trại không nằm trong khu bảo tồn</p>

		<p>d. Đối với các trang trại xây dựng trong Khu Bảo Tồn được IUCN xếp loại VI, cung cấp bằng chứng cho thấy trang trại được xây dựng hợp pháp trước khi có sự chỉ định của Khu Bảo Tồn. Bằng chứng có thể bao gồm các bản tuyên bố xác nhận của chính quyền, các bài viết và báo cáo được đánh giá bởi chuyên gia từ các tổ chức có uy tín.</p>	<p>D. Xác minh bằng chứng cho thấy có sẵn và đáng tin cậy. Các đánh giá viên phải đăng ký và tham vấn IBAT trên trang web Bảo tồn Quốc tế https://www.ibatforbusiness.org/login. Đánh giá viên phải xác minh rằng các hoạt động và vị trí trang trại phù hợp với quy hoạch và kế hoạch quản lý của Khu Bảo Tồn.</p>				NA	NA. Trang trại không nằm trong khu bảo tồn
		<p>e. Đối với các trang trại xây dựng trong Khu Bảo Tồn được IUCN xếp loại IV, cung cấp bằng chứng cho ASC cho thấy rằng các hoạt động và vị trí của trang trại phù hợp với quy hoạch và kế hoạch quản lý của Khu Bảo Tồn và ASC TAG đã phê duyệt cho trang trại được xem xét để chứng nhận ASC.</p>	<p>E. Xác minh bằng chứng cho thấy có sẵn và đáng tin cậy. Các đánh giá viên phải đăng ký và tham vấn IBAT trên trang web Bảo tồn Quốc tế https://www.ibatforbusiness.org/login. Đánh giá viên phải xác minh rằng các hoạt động và vị trí trang trại phù hợp với quy hoạch và kế hoạch quản lý của Khu Bảo Tồn.</p>				NA	NA. Trang trại không nằm trong khu bảo tồn
2.2.2	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép xây dựng trong hệ sinh thái rừng ngập mặn [16] và các vùng đất ngập nước tự nhiên [17], hoặc các khu vực có tầm quan trọng sinh thái được xác định bởi B-EIA hoặc trong các kế hoạch / danh sách thẩm quyền quốc gia / tỉnh thành / địa phương.</p> <p>Yêu cầu: Không cho phép đối với các trang trại được xây dựng (có hoặc không có giấy phép) sau tháng 5 năm 1999, ngoại trừ các trạm bơm và kênh đào cấp / thoát nước miễn là họ đã được phép của chính quyền và một diện tích tương đương được phục hồi lại [18] như khoản bồi thường. Đối với các trang trại được xây dựng hoặc cho phép trước tháng 5 năm 1999, người nuôi được yêu cầu phải bồi thường/đền bù cho các tác động thông qua sự phục hồi như được xác định bởi B-EIA hoặc các kế hoạch/danh sách thẩm quyền quốc gia/tỉnh thành/địa phương, hoặc 50% của hệ sinh thái bị ảnh hưởng (tùy điều kiện nào lớn hơn) [19].</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn dành cho Khách hàng về Tiêu chuẩn 2.2.2 Bất kỳ loại bỏ rừng ngập mặn nào cũng phải được đền bù bằng cách cho phép tái sinh tự nhiên hoặc tái trồng rừng trên diện tích tương đương, sử dụng các loài bản địa thích nghi với các điều kiện thủy văn cụ thể của vùng nuôi. Khi tái trồng rừng, việc trồng cây được thực hiện để tạo ra rừng với thành phần tương đối giống nhau và phải bao gồm 80% số loài cây đã có trong quần thể rừng nguyên thủy. Việc loại bỏ các vùng đất ngập nước tự nhiên cũng phải được đền bù bằng cách tạo ra các khu vực có đặc điểm sinh thái tương đồng [25].</p> <p>a. Cung cấp một bản tuyên bố xác định năm xây dựng trang trại, chỉ rõ ngày thực hiện bất kỳ sự mở rộng trang trại nào sau đó, và chỉ rõ ngày và lý do của bất kỳ sự chuyển đổi rừng ngập mặn hoặc vùng đất ngập nước nào được tiến hành sau tháng 5 năm 1999. Ngoài ra, đánh giá viên phải sử dụng các bản đồ sử dụng đất của khu vực trước và sau năm 1999. Những tài liệu này thường có sẵn tại các văn phòng chính quyền địa phương (Phòng Kế hoạch). Hình ảnh vệ tinh trước và sau năm 1999 cũng có thể chấp nhận nếu có sẵn.</p> <p>b. Đối với các trang trại đã chuyển đổi các hệ sinh thái rừng ngập mặn / vùng đất ngập nước tự nhiên trước tháng 5 năm 1999, cung cấp vị trí và mô tả (bao gồm cả diện tích bề mặt) của khu vực được phục hồi. Nếu việc tái sinh tự nhiên đã bắt đầu trong các khu vực đã phát quang và nếu cây con đang phát triển tốt, thì việc này phải được tính là "phục hồi". Trong trường hợp này, việc tái sinh thậm chí còn có giá trị hơn so với việc nỗ lực phục hồi mà có thể thành công hoặc không thành công.</p> <p>Đề nghị đánh giá viên nên được cung cấp bằng chứng về các điều kiện của khu vực bị ảnh hưởng để chứng minh sự phục hồi.</p>	<p>A. Xác minh rằng bản tuyên bố là chính xác trong các cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương. Nếu việc chuyển đổi rừng ngập mặn hoặc vùng đất ngập nước diễn ra sau tháng 5 năm 1999 vì những lý do khác ngoài việc xây dựng các trạm bơm, kênh đào, nâng lên thành một NC. Đánh giá viên phải sử dụng các bản đồ sử dụng đất của khu vực trước và sau năm 1999, và nên tham khảo các B-EIA bao gồm các điều kiện sinh thái chuẩn trước khi xây dựng trang trại. Những tài liệu này thường có sẵn tại các văn phòng chính quyền địa phương (Phòng Kế hoạch). Hình ảnh vệ tinh trước và sau năm 1999 cũng có thể chấp nhận nếu có sẵn.</p> <p>B. Xác minh rằng các khu vực phục hồi phù hợp với các yêu cầu và có diện tích bề mặt như được chỉ ra trong B-EIA, như đã nêu trong luật định hoặc chiếm ít nhất 50% diện tích chuyển đổi, tùy điều kiện nào lớn hơn.</p>	C			NA	<p>Giấy xác nhận ngày 20-06-2014, của UBND Xã Đất Mới - trang trại xây dựng năm 1990; Mục 4. Xác nhận trang trại không nằm trong khu vực đất ngập nước, rừng ngập mặn tự nhiên.</p> <p>Quyết định số 96/QDUBND ngày 08-03-2002 cấp bởi UBND xã Đất Mới, xác nhận cho phép trang trại hoạt động nuôi tôm trong vùng đất Quy hoạch Nuôi trồng thủy sản p-BEIA tháng 06-2014 của trang trại Thanh Đoàn 2&3 - xác định đặc điểm vùng đất là vùng nhiễm mặn nhân tạo (thứ sinh) do dân địa phương dẫn nước mặn vào canh tác từ trước 1990.</p> <p>So sánh tọa độ địa lý của trang trại với danh sách các khu bảo tồn Đất ngập nước, rừng ngập mặn Ramsar Việt Nam- ngày 27-11-2012. Và phỏng vấn cộng đồng địa phương - Hội trưởng Nông dân, Chủ tịch Xã Đất Mới. Xác định trang trại không nằm trong khu đất ngập nước và rừng ngập mặn tự nhiên.</p> <p>NA. Trang trại không nằm trong khu đất ngập nước và rừng ngập mặn tự nhiên.</p>

2.3.2	<p>Tiêu chuẩn: Duy trì các môi trường sống quyết định cho các loài có nguy cơ tuyệt chủng trong phạm vi ranh giới trang trại và thực hiện các biện pháp bảo vệ của các khu vực đó.</p> <p>Yêu cầu: Thực hiện các biện pháp bảo vệ các môi trường sống được xác định bởi quá trình B-EIA [30].</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Thực hiện tìm kiếm các tài liệu được công bố và tài liệu xám (tài liệu không được công bố) (ví dụ như báo chí, tạp chí địa phương) để xác định các loài có nguy cơ tuyệt chủng tìm thấy trong vùng.	A. Xem xét tính thích hợp và đầy đủ của các kết quả tìm kiếm và rằng các công nhân nhận biết được các loài có nguy cơ tuyệt chủng và các biện pháp bảo vệ.	C				p-BEIA phần phụ lục, xác định các tài liệu tham khảo. Vd. "Study Report on endangered species distribution & conservation in the Mekong Delta Provinces" bởi WWF, SNV và Đại Học Cần Thơ thực hiện tháng 03-2013
		b. Xác định xem có bất kỳ loài nào tìm thấy trong vùng được đưa vào danh sách như có nguy cơ tuyệt chủng bởi chính quyền quốc gia liên quan.	B. Xem xét nguồn và tính chính xác của danh sách.	C				Danh sách đỏ Việt Nam, và Nghị định số 32/2006/ND-CP về danh sách các loài động thực vật cấm khai thác.
		c. Chuẩn bị một danh sách tất cả các loài có nguy cơ tuyệt chủng tìm thấy trong vùng bằng cách kết hợp các kết quả từ 2.3.1 (a) và 2.3.1 (b) với kết quả tìm kiếm từ cơ sở tìm kiếm dữ liệu của IUCN.	C. Xem xét tính đầy đủ của danh sách. So sánh với kết quả tìm kiếm từ cơ sở dữ liệu IUCN đối với các loài trong danh sách đỏ. Đánh giá viên phải xác minh rằng trang trại tiếp tục thực hiện các khuyến nghị do tư vấn BEIA đưa ra để duy trì môi trường sống.			NC-EV2		p-BEIA tháng 06-2014 của Thanh Đoàn 2&3 - có danh sách các loài động và thực vật bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng. Danh sách các động vật bị đe dọa của trang trại có tham chiếu tài liệu BEIA và nghiên cứu của WWF. Đối chiếu một số loài trong Danh sách các loài bị đe dọa trong của trang trại, nhận thấy kết quả tìm kiếm trên IUCN chưa chính xác. (vd. loài Cú Heo kết quả tìm là: EN, nhưng trên IUCN là: LC)
		d. Chuẩn bị các thủ tục bằng văn bản mô tả cách trang trại tránh các tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể tìm thấy trong trang trại. Thủ tục phải gồm có một mô tả môi trường sống đang được khôi phục, nếu áp dụng.	D. Xem xét thủ tục cho đầy đủ. Đánh giá của trang trại về các tác động đối với các loài được đưa vào danh sách của IUCN phải xem xét: (1) nhóm loài trong danh sách đỏ trong khu vực, (2) nhóm loài trong danh sách đỏ toàn cầu, và (3) ước tính tỷ lệ (%) so với quần thể toàn cầu tìm thấy trong khu vực. Quyết định cách thức để ba biến số này, cũng như các yếu tố khác, được sử dụng nhằm thiết lập các thủ tục trên trang trại để tránh những tác động tiêu cực. Điều quan trọng là nếu quần thể khu vực ổn định hơn hoặc ít ổn định hơn nhưng chỉ chiếm một phần nhỏ trong quần thể toàn cầu, việc này cho thấy đang xảy ra một sự suy giảm rõ ràng. Các loài như vậy được sự quan tâm đặc biệt của trang trại vì các hành động bảo vệ mà trang trại thực hiện rất cụ thể đóng góp vào các hành động có ý nghĩa bảo tồn toàn cầu.	C				"Kế hoạch quản lý động vật hoang dã" ngày 28-06-2012 xác định các hoạt động của trang trại nhằm tránh có tác động đến các loại động vật bị đe dọa. p-BEIA xác định các hoạt động cần thiết nhằm bảo vệ các loại bị đe dọa có khả năng xuất hiện trong trang trại.
		-	E. Trong các phỏng vấn cộng đồng địa phương, xác minh rằng không có bằng chứng cho thấy trang trại hiện đang có tác động tiêu cực đến các loài có nguy cơ tuyệt chủng bằng cách đảm bảo rằng các cuộc họp dân cư khu vực "lập biên bản" và cộng đồng địa phương đã nhận thức được về các loài có nguy cơ tuyệt chủng và về những hành động mà trang trại đang triển khai để bảo vệ các loài đó. Biên bản tóm tắt cuộc họp cũng nên có một danh sách những người tham gia.	C				Phỏng vấn cộng đồng địa phương. Và Xem biên bản các cuộc họp p-BEIA ngày 21-04-2014 có 15 người tham gia, cuộc họp ngày 06-06-2014 có 20 người tham gia. Xác nhận không có bằng chứng cho thấy trang trại hiện đang có tác động tiêu cực đến các loài có nguy cơ tuyệt chủng.
Ghi chú	[26] Các trang trại bắt đầu xây dựng hoặc mở rộng.							
Ghi chú	[27] Còn được gọi là loài có nguy cơ; một quần thể sinh vật đang có nguy cơ trở nên tuyệt chủng do số lượng cá thể ít, bị đe dọa do biến đổi môi trường hoặc các loài thú ăn thịt. Hướng dẫn giải thích sự áp dụng các nhóm loài nằm trong danh sách đỏ và tiêu chí có thể được tìm thấy tại đây: http://www.iucnredlist.org/apps/redlist/static/categories_criteria_3_1 .							
Ghi chú	[28] Bất kỳ quá trình nào tìm thấy ở cấp quốc gia, tỉnh thành, quận huyện, hoặc ở cấp độ khác trong nước để đánh giá tình trạng bảo tồn loài dựa trên một bộ các tiêu chí quy định được công nhận bởi cấp cai quản liên quan. Các quá trình liệt kê như vậy có thể ràng buộc pháp lý (ví dụ như Đạo Luật Loài Có Nguy Cơ Tuyệt Chủng (Endangered Species Act) ở Mỹ hoặc Đạo Luật Loài Có Nguy Cơ (SARA) ở Canada), hoặc có thể không được ràng buộc pháp lý. (ví dụ như danh sách loài được lập ra bởi COSEWIC ở Canada (Ủy ban về tình trạng động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng), hoặc Sách Đỏ ở Việt Nam).							

Ghi chú	[29] Do bất kỳ tổ chức chính phủ hoặc liên chính phủ nào ban hành.								
Ghi chú	[30] Một Đánh Giá Tác Động Môi Trường B-EIA phải xác định môi trường sống quyết định cho tất cả các loài có nguy cơ trên các trang web được đề xuất và thiết kế các công trình như bảo vệ các khu vực này. Yêu cầu đầu tiên là người nuôi nhận thức được các loài khác nhau trên trang trại của họ. Các trang trại lớn phải tìm đến ý kiến của một chuyên gia trong khi các trang trại nhỏ có thể xem xét bao gồm các bên liên quan ở địa phương. Đánh giá B-EIA sẽ cho phép người nuôi chứng minh sự tuân thủ.								
Ghi chú	[31] www.iucnredlist.org								
Ghi chú	[32] Rừng ngập mặn: Một rừng ngập mặn là một quần hợp các cây ưa mặn, cây thân bụi, cây họ cọ, dương xỉ và các loài cây khác sinh trưởng trong vùng nước triều lợ cho đến mặn, trên các bãi bùn, bờ sông và bờ biển trong khu vực nhiệt đới và cận nhiệt đới. Thảm thực vật này có đặc tính chung là sống trong vùng bị ngập khi thủy triều cao nhất và lộ ra khi thủy triều thấp nhất. Tất cả các loài cây ngập mặn cũng có một đặc tính chung là khả năng chịu mặn (Mitsch & Gosselink, 1993).								
Ghi chú	[33] Mangel, M. Levin, P. &Patil, A. 2006. Sử dụng lịch sử phát triển và tiêu chuẩn tồn tại để xếp hạng môi trường sống ưu tiên cho việc quản lý và bảo tồn. Ứng dụng sinh thái. 6(2): 797-806								
Tiêu chí 2.4: Các vùng đệm, rào chắn và hành lang sinh thái									
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):						
2.4.1	<p>Tiêu chuẩn: Các rào chắn ven biển: rào chắn cố định tối thiểu (hoặc tự nhiên) giữa trang trại và môi trường biển [34].</p> <p>Yêu cầu: Theo quy định của pháp luật tại thời điểm xây dựng, hoặc theo quyết định của B-EIA, hoặc theo các tiêu chuẩn trong Hướng dẫn bên dưới, tùy theo điều kiện nào lớn hơn.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng về Tiêu chuẩn 2.4.1 và 2.4.2</p> <p>Đối với các vùng đệm ven sông, thảm thực vật phải tự nhiên và cố định, và phải được bao phủ bởi thực vật tự nhiên phù hợp với vùng ven sông đặc hữu tự nhiên trong vòng dưới 5km của trang trại đang nói đến. Chiều rộng của các vùng đệm hoặc rào chắn, nếu tiếp giáp với một thủy vực tự nhiên, phải tuân thủ các yêu cầu pháp lý tại thời điểm xây dựng, hoặc tuân theo kết luận của B-EIA nếu thiếu những luật định như vậy, hoặc mặc định tuân theo tiêu chuẩn bên dưới, tùy điều kiện nào lớn hơn. Đối với đường bờ biển, đầm phá hoặc hồ, vùng thảm thực vật tự nhiên hoặc phục hồi phải rộng 100 mét. Đối với nguồn nước tự nhiên có giới hạn, chẳng hạn như sông hoặc suối, vùng thảm thực vật tự nhiên hoặc phục hồi phải rộng tối thiểu 25 mét ở cả hai bên. Kênh đào được xây dựng sau khi phát hành Tiêu chuẩn ASC Tóm không thể thay thế kênh rạch tự nhiên. (Cung cấp một bản đồ chỉ ra dải đất ven biển và chiều rộng của nó tương ứng với trang trại).</p>							
		a. Cung cấp một bản đồ hoặc bản phác họa trang trại cho thấy các vùng đệm ven biển và các số đo của chiều rộng vùng đệm.	A. Tham khảo các luật định áp dụng tại thời điểm xây dựng và báo cáo B-EIA, xác minh rằng chiều rộng và tình trạng của vùng đệm là thỏa đáng (bằng cách quan sát trực tiếp).				NA	NA. Trang trại nằm ven Rạch Cây Thờ, không nằm ven biển	
2.4.2	<p>Tiêu chuẩn: Các vùng đệm ven sông: Chiều rộng tối thiểu của thảm thực vật bản địa và tự nhiên cố định giữa các trang trại và môi trường nước/nước lợ [36] tự nhiên [35].</p> <p>Yêu cầu: Theo quy định của pháp luật quốc gia tại thời điểm xây dựng, hoặc theo quyết định cần thiết của B-EIA, hoặc theo các tiêu chuẩn trong Hướng dẫn bên dưới, tùy theo điều kiện nào lớn hơn.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Cung cấp một bản đồ hoặc bản phác họa trang trại cho thấy các vùng đệm ven biển và các số đo của chiều rộng vùng đệm.	A. Tham khảo các luật định áp dụng tại thời điểm xây dựng và báo cáo B-EIA, xác minh rằng chiều rộng và tình trạng của vùng đệm là thỏa đáng (bằng cách quan sát trực tiếp).				NC-EV3	<p>"Giấy xác nhận" của UBND Xã Đất Mới, ngày 24-06-2014, xác nhận con rạch Cây Thờ phía trước là kênh đào, không phải kênh tự nhiên</p> <p>p-BEIA không xác nhận cần duy trì vùng đệm ven sông cho trang trại.</p> <p>Hiện tại trang trại cũng có xây dựng vùng đệm thực vật nhỏ ngay phần đất tiếp giáp của ao và sông, với thảm thực vật cây trồng địa phương.</p> <p>Tuy nhiên, trại nằm ven Rạch Ông Bái, trại chưa duy trì thảm thực vật có bề rộng thích hợp, cũng như chưa có bằng chứng xác nhận nào nguồn gốc rạch là rạch đào</p>	

2.4.3	<p>Tiêu chuẩn: Các hành lang: Chiều rộng tối thiểu của thảm thực vật bản địa và tự nhiên cố định đi qua các trang trại để cho con người và động vật hoang dã tự nhiên di chuyển bằng qua các vùng đất nông nghiệp.</p> <p>Yêu cầu: Theo quy định của pháp luật quốc gia tại thời điểm xây dựng, hoặc theo quyết định cần thiết cho động vật hoang dã của B-EIA, hoặc theo các vấn đề tiếp cận được xác định trong quá trình đánh giá B-EIA/p-SIA. Nhu cầu di chuyển của động vật hoang dã được xác định trong suốt đánh giá B-EIA.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp một bản đồ hoặc bản phác họa trang trại cho thấy các hành lang và các số đo chiều rộng hành lang. Các vấn đề của "các hành lang" trong phạm vi trang trại được thảo luận trong các cuộc họp dân cư khu vực định kỳ là việc làm thích hợp.</p>	<p>A. Tham khảo các luật định áp dụng tại thời điểm xây dựng và báo cáo B-EIA và báo cáo P-SIA, xác minh rằng chiều rộng và tình trạng (bằng cách quan sát trực tiếp) của các hành lang (nếu có) là thỏa đáng. Các vấn đề của "các hành lang" trong phạm vi trang trại được thảo luận trong các cuộc họp dân cư khu vực định kỳ là việc làm thích hợp.</p>	C				<p>p-BEIA tháng 06-2014 của trang trại Thanh Đoàn 2&3, Và Xem biên bản các cuộc họp p-BEIA ngày 21-04-2014 có 15 người tham gia, cuộc họp ngày 06-06-2014 có 20 người tham gia</p> <p>Không xác định cần có vùng đệm cho các sinh vật địa phương và người dân địa phương bằng qua mảnh đất nuôi tôm.</p> <p>Đánh giá quan sát, nhận thấy xung quanh và phía trước trang trại có đường đi dọc bờ ao, có chiều rộng 3-5m trồng cây đước, dương. Động vật hoang dã và người dân địa phương có thể băng qua khoảng vùng đệm này.</p>
Ghi chú	[34] Đối với đường bờ biển mở và liền kề với các thùy vực tự nhiên, vùng thảm thực vật tự nhiên phải rộng 100 mét.							
Ghi chú	[35] Kênh đào nhân tạo hoặc kênh rạch tự nhiên đã qua sửa đổi nhân tạo đáng kể không được xem là nằm trong yêu cầu này.							
Ghi chú	[36] Đối với vùng đệm ven sông, thảm thực vật phải được bao phủ bởi cây cối / rừng / thực vật phù hợp với vùng ven sông đặc hữu tự nhiên trong vòng <5km của trang trại đang nói đến.							
Tiêu chí 2.5: Ngăn ngừa sự nhiễm mặn vào nguồn nước ngọt và nguồn tài nguyên đất								
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):					
2.5.1	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép xả nước mặn vào thùy vực nước ngọt tự nhiên [44].</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Các trang trại nằm trong hoặc kết nối với các thùy vực nước ngọt tự nhiên.</p>	<p>a. Cung cấp bản mô tả về quản lý nước trong trang trại, xác định nguồn nước dẫn vào và xả ra. Mô tả phải bao gồm một điển giải bằng văn bản cách trang trại tránh được sự xâm nhập của nước mặn hoặc nước lợ vào các khu vực tầng ngầm nước ngọt.</p>	<p>A. Xem xét bản mô tả, đánh giá tính chính xác và xác minh (cũng bằng cách quan sát trực tiếp) rằng không có xả nước mặn vào thùy vực nước ngọt. Đánh giá viên cần phải xem xét báo cáo BEIA để xem xét cách thực hiện theo dõi độ mặn của nước vùng phụ cận có liên quan đến các khuyến nghị BEIA và rằng nước trang trại không đang gây ảnh hưởng đến tác động độ mặn.</p>	C				<p>NA. Rạch Cây Thờ, và Rạch Ông Bái là thùy vực nhân tạo, và không phải là thùy vực nước ngọt, có độ mặn dao động từ 17~25ppt > 2ppt.</p> <p>Đo tại thời điểm đánh giá, độ mặn = 22ppt</p>
2.5.2	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép sử dụng nguồn nước ngọt ngầm trong các ao.</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp bản mô tả về quản lý nước trong trang trại, xác định nguồn nước dẫn vào và xả ra, và vị trí các giếng nước ngọt (ngay cả khi dùng theo mùa) .</p>	<p>A. Xem xét mô tả, đánh giá tính chính xác và xác minh (cũng bằng cách quan sát trực tiếp) rằng không có sử dụng nguồn nước ngọt ngầm trong các ao.</p>	C				<p>"Quy trình nuôi tôm sú theo ASC" ngày 16-06-2012, mục 2.4 Cấp nước, nói rõ nước nuôi sử dụng cấp từ Rạch Cây Thờ. Mô hình nuôi của trang trại không bổ sung nước ngọt vào ao nuôi để điều chỉnh độ mặn.</p> <p>Đánh giá quan sát, trang trại có giếng khoan để lấy nước ngọt, nhưng giếng chỉ dùng cho nước sinh hoạt.</p>
<p>Tiêu chuẩn: Độ dẫn riêng của nước hoặc nồng độ chloride trong các giếng nước ngọt được sử dụng bởi trang trại hoặc nằm trong các khu đất lân cận [45]</p>		<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 2.5.3</p> <p>Mục đích thực hiện tiêu chuẩn này là để đảm bảo rằng nguồn nước ngầm và các tầng ngầm nước tự nhiên không bị ảnh hưởng bởi việc nuôi tôm. Để cho các trang trại có đủ điều kiện để chứng nhận, tất cả các giếng nước ngọt hoặc nằm trên trang trại hoặc khu đất lân cận, hoặc bất kỳ giếng nước nào được khai thác bởi trang trại bất kể nằm cách trang trại bao xa, phải được xác định trên bản đồ nông nghiệp (PI ***), và các hồ sơ cho thấy độ dẫn hoặc các giá trị nồng độ chloride độ mặn đối với tất cả các giếng. Các giếng phải có sẵn trong đánh giá đầu tiên. Các giếng nước đã được xác định là "nước ngọt" trước khi đánh giá đầy đủ là những giếng nước có giá trị độ dẫn riêng dưới 1500 µs/cm và / hoặc nồng độ chloride độ mặn dưới 300 mg/L. Các trang trại sẽ được yêu cầu cung cấp các hồ sơ chứng minh việc kiểm nghiệm độ dẫn / độ mặn thực hiện liên tục 6 tháng một lần, với một bộ dụng cụ thí nghiệm trong mùa khô và một bộ trong mùa mưa. Việc giám sát đang thực hiện phải chứng minh rằng tình trạng nước ngọt của các giếng nước được duy trì. Độ dẫn phải được đo bằng máy đo độ dẫn hoặc kiểm tra chloride (không chlorine) nếu độ mặn là < 2 phần ngàn. Nếu giếng nước không có sẵn trên đất đai trang trại, thì giếng nước gần nhất trong vòng 1km có thể được theo dõi (được miễn nếu không có giếng nào trong vòng 1 km của trang trại). Độ dẫn phải được đo bằng máy đo độ dẫn hoặc kiểm tra chloride (không chlorine). Lưu ý các cân nhắc liên quan đến nước bề mặt (so với nước ngầm trong các giếng) có thể được tìm thấy trong 2.5.1.</p>						

2.5.3	<p>Yêu cầu: Đối với tất cả các giếng nước ngọt (được xác định trước khi đánh giá đầy đủ), độ dẫn riêng không được vượt quá 1.500 ms/cm và / hoặc nồng độ chloride không được vượt quá 300 mg/L [46].</p> <p>Áp dụng: Tất cả nước giếng. Tiêu chí này chỉ áp dụng cho nước giếng và không áp dụng cho nước bề mặt. Các trang trại nằm gần các giếng nước ngọt hoặc lấy nước ngọt từ mạch ngầm.</p>	<p>a. Duy trì các hồ sơ hàng tháng về độ dẫn riêng được đo trong một giếng nước ngọt ở tại hoặc ở gần bên trang trại (trong vòng bán kính 1km hoặc giếng gần nhất), hoặc bất kỳ giếng nước nào được sử dụng bởi các trang trại bất kể nằm cách trang trại bao xa. Tiếp tục ít nhất sáu tháng một lần sau buổi đánh giá đầu tiên vào các thời điểm của các giá trị cao nhất và thấp nhất, như đã được xác định trong quá trình giám sát hàng tháng ban đầu.</p> <p>b. Sắp xếp để thực hiện đo độ dẫn riêng khi có mặt của đánh giá viên.</p> <p>c. Cung cấp bằng chứng từ báo cáo B-EIA, nếu nước trong các giếng nước ngọt vượt quá giới hạn độ dẫn / độ mặn được đưa ra bởi yêu cầu và việc gia tăng như vậy là do một hiện tượng nằm ngoài sự kiểm soát của người nuôi.</p>	<p>A. Xác nhận trang trại có các hồ sơ đầy đủ và chính xác về độ dẫn riêng của nước hoặc nồng độ chloride bắt đầu trước ngày đánh giá đầu tiên và tiếp tục sau mỗi sáu tháng, vào các thời điểm của các giá trị cao nhất và thấp nhất, như đã được xác định trong quá trình giám sát hàng tháng ban đầu. Đối với tất cả các giếng nước ngọt.</p> <p>B. Đánh giá viên giám sát đo lường và xác nhận việc tuân thủ các yêu cầu.</p> <p>C. Cung cấp bằng chứng từ báo cáo B-EIA rằng việc gia tăng như vậy là do một hiện tượng nằm ngoài sự kiểm soát của người nuôi.</p>	C				<p>Hồ sơ theo dõi độ dẫn điện nước giếng, đo hàng tháng từ tháng 07-2013 đến ngày đánh giá</p> <p>Thực hiện đo độ dẫn của nước giếng trong phạm vi trang trại, kết quả = 1875ms/cm >1,500ms/cm (giếng sâu 145m) Đo bằng máy đo HANNA, thao tác hiệu chỉnh máy và lấy mẫu đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.</p> <p>Kết quả đo cho thấy độ dẫn điện nước giếng trong trại > 1,500ms/cm. p-BEIA tháng 06-2014, xác định trang trại nằm trong vùng đất nhiễm mặn thứ sinh --> Việc nhiễm mặn nước ngầm không nằm trong sự kiểm soát của trang trại.</p>
2.5.4	<p>Tiêu chuẩn: Độ dẫn riêng của đất hoặc nồng độ chloride trong các cánh đồng nông nghiệp và các hệ sinh thái đất lân cận [47] [48].</p> <p>Yêu cầu: Không gia tăng rỗng so với năm đầu tiên giám sát.</p> <p>Áp dụng: Tất cả các trang trại.</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 2.5.4, 2.5.5 Các thủ tục để đo chloride hoặc độ dẫn riêng trong đất có nguồn gốc từ phương pháp được sử dụng bởi Boyd et al. (2006) đối với đất ao nuôi trồng thủy sản. Mẫu đất phải được lấy bằng cách đóng một lõi lấy mẫu (một ống PVC 1- inch là đủ nhưng cũng có thể sử dụng một lõi lấy mẫu đất chuyên dụng) vào mặt đất bằng một cái búa đến độ sâu 20cm. Mẫu phải được sấy khô (hoặc bằng cách đặt chúng thành các lớp mỏng trên các tấm nhựa và phơi chúng trong không khí ở một nơi ẩm áp, thông gió tốt, hoặc trong lò ở 60°C) và sau đó nghiền thành bột và trộn lẫn (sử dụng cối giã hoặc một máy nghiền đất bằng cơ khí). Sau đó việc đo lường liên quan việc lấy 20g mẫu đất khô và đặt nó trong một cốc chứa thủy tinh, cho vào 40 mL nước cất và lắc hỗn hợp này bằng tay trong năm phút. Độ dẫn riêng có thể được đo trực tiếp trong dung dịch đó hoặc dung dịch đó có thể được lọc và đo nồng độ chloride. Nhân các giá trị đo độ dẫn cụ thể cho hai (2) để hiệu chỉnh lượng pha loãng (40 ml nước cho 20g đất). Các giá trị độ dẫn riêng hơn 1.500 μs/cm hoặc nồng độ chloride trên 300 mg/L cho thấy đất bị nhiễm mặn. Người nuôi phải bắt đầu lập dữ liệu giám sát trước khi đánh giá. Gia tăng rỗng được định nghĩa là tăng 25 % hoặc nhiều hơn so với giá trị ban đầu được đưa ra xem xét trong quá trình đánh giá chứng nhận ban đầu.</p> <p>a. Duy trì các hồ sơ cho mỗi sáu tháng dẫn về độ dẫn riêng được đo trong các cánh đồng nông nghiệp và các hệ sinh thái đất lân cận. B-EIA phải xác định các điểm gốc lấy mẫu và tần suất giám sát. Đánh giá viên phải tham khảo Ghi chú [48] để được hướng dẫn cụ thể về tiêu chí giám sát.</p> <p>b. Sắp xếp để thực hiện đo độ dẫn riêng khi có mặt của đánh giá viên.</p> <p>c. Nếu độ dẫn riêng cho thấy một sự gia tăng rỗng kể từ năm giám sát đầu tiên, cung cấp bằng chứng từ một tổ chức chính quyền độc lập (cơ quan chính phủ, trường đại học) cho thấy rằng việc gia tăng như vậy là do một hiện tượng nằm ngoài sự kiểm soát của người nuôi.</p>	<p>A. Xác nhận trang trại có các hồ sơ đầy đủ và chính xác về độ dẫn riêng và rằng độ dẫn riêng đó không cho thấy bất kỳ sự gia tăng rỗng nào (sự biến động mà không cho thấy xu hướng gia tăng thì không được xem là một sự gia tăng rỗng). Một kiểm tra chéo cần được tiến hành để xác minh rằng các điểm gốc lấy mẫu và tần suất giám sát được tuân theo các báo cáo B-EIA. Đánh giá viên phải xác nhận tính hợp lệ của dữ liệu được giám sát ít nhất tại bốn điểm trong chu vi trang trại (một điểm trên mỗi mặt chu vi). Điểm được giám sát phải giữ nguyên qua các năm và được xác định trên bản đồ nông nghiệp.</p> <p>B. Đánh giá viên giám sát đo lường và xác nhận việc tuân thủ các yêu cầu.</p> <p>C. Cung cấp bằng chứng từ một tổ chức chính quyền độc lập (cơ quan chính phủ, trường đại học) cho thấy rằng việc gia tăng như vậy là do một hiện tượng nằm ngoài sự kiểm soát của người nuôi.</p>	C		NC-EV4		<p>Bản đồ trang trại chỉ ra địa điểm lấy mẫu đất xung quanh trang trại. Hồ sơ theo dõi độ dẫn điện đất xung quanh trại, đo mỗi 6 tháng cho 4 vị trí lấy mẫu đất, đo từ tháng 07-2013 đến ngày đánh giá, vd ngày: 17-07-2014 đo tại 4 điểm: 11,512; 12,025; 11,785; 11,186ms/cm Chỉ mới có kết quả của 1 lần cuối, chưa cho thấy có sự gia tăng rỗng hay không</p> <p>Thực hiện đo độ dẫn của nước giếng trong phạm vi trang trại, kết quả = 7796ms/cm (kết quả trên máy = 1924 ms/cm, pha loãng 4 lần) Đo bằng máy đo HANNA, thao tác hiệu chỉnh máy và lấy mẫu đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.</p> <p>NA. Không có bằng chứng cho thấy có gia tăng rỗng hay không, do đó trại không cung cấp các tài liệu từ một tổ chức chính quyền độc lập (cơ quan chính phủ, trường đại học) cho thấy rằng việc gia tăng như vậy là do một hiện tượng nằm ngoài sự kiểm soát của người nuôi</p>

2.5.5	<p>Tiêu chuẩn: Độ dẫn cụ thể hoặc nồng độ chloride của trầm tích trước khi thải ra bên ngoài trang trại.</p> <p>Yêu cầu: Các giá trị độ dẫn riêng hoặc nồng độ chloride trong chất thải không được vượt quá mức các giá trị đo được của đất trong khu vực chứa chất thải [49].</p> <p>Áp dụng: Tất cả các trang trại</p>	<p>a. Duy trì các hồ sơ về độ dẫn riêng của trầm tích trước khi thải ra bên ngoài trang trại và các độ dẫn riêng trong khu vực chứa chất thải.</p>	<p>A. Xác nhận trang trại có các hồ sơ đầy đủ, chính xác và tuân thủ các yêu cầu.</p>				NA	<p>NA. Quy trình xử lý bùn thải ngày 18-06-2012 Hồ sơ xử lý bùn thải, bùn được tập kết tại các hố chứa bùn xung quanh trang trại, không đưa ra ngoài phạm vi trang trại</p>	
		<p>b. Sắp xếp để thực hiện đo độ dẫn riêng trên khu vực chứa chất thải khi có mặt của đánh giá viên.</p>	<p>B. Đánh giá viên giám sát đo lường và xác nhận việc tuân thủ các yêu cầu.</p>				NA	<p>NA. Quy trình xử lý bùn thải ngày 18-06-2012 Hồ sơ xử lý bùn thải, bùn được tập kết tại các hố chứa bùn xung quanh trang trại, không đưa ra ngoài phạm vi trang trại</p>	
Ghi chú	<p>[44] Thủy vực nước ngọt bề mặt tiếp giáp với đất đai trang trại hoặc nhận nước thải ra từ trang trại. Nước ngọt có đặc điểm là độ dẫn riêng dưới 1.500 µs/cm và nồng độ chloride dưới 300 mg/L. Các giá trị này tương ứng với độ mặn thấp hơn 1 phần ngàn. Các trang trại mà có thể chứng minh rằng vùng đất và nước xung quanh có độ mặn từ 2 phần ngàn trở lên đo bằng một khúc xạ kế cầm tay thì sẽ không được yêu cầu cung cấp các số đo độ dẫn hoặc nồng độ chloride. Các thủy vực nước hiển thị các điều kiện nước ngọt chỉ trong mùa mưa cao điểm được xem là thủy vực nước lợ theo các yêu cầu này.</p>								
Ghi chú	<p>[45] Trường hợp ngoại lệ được thực hiện nếu có thể chứng minh rằng sự xâm nhập nước biển hoặc hiện tượng khác nằm ngoài sự kiểm soát của người nuôi chịu trách nhiệm cho sự gia tăng.</p>								
Ghi chú	<p>[46] Độ dẫn riêng hoặc nồng độ chloride phải được theo dõi ở một tần số thích nghi với các biến động có thể do các yếu tố tự nhiên như chế độ mưa, và các so sánh với các giá trị năm đầu tiên.</p>								
Ghi chú	<p>[47] Trường hợp ngoại lệ được thực hiện nếu có thể chứng minh rằng sự xâm nhập nước biển hoặc hiện tượng khác nằm ngoài sự kiểm soát của người nuôi chịu trách nhiệm cho sự gia tăng.</p>								
Ghi chú	<p>[48] Độ mặn của đất phải được đo 25 mét trong các cánh đồng nông nghiệp và các hệ sinh thái đất lân cận mỗi sáu tháng một lần. Nếu nhiễm mặn được phát hiện ở điểm 25m, việc giám sát có thể được mở rộng hơn khi cần thiết. Không có sự gia tăng lũy tuyến về độ dẫn riêng hoặc nồng độ chloride phải được quan sát qua nhiều năm khi so với năm đầu tiên giám sát.</p>								
Ghi chú	<p>[49] Nếu người nuôi có hợp đồng bên ngoài trang trại để xả đất tại một địa điểm quy định, họ được phép làm miễn là không xả chất thải trong một môi trường sống tự nhiên hoặc đất đai công cộng mà không được phép bằng văn bản của cộng đồng.</p>								
NGUYÊN TẮC 5: QUẢN LÝ SỨC KHỎE VÀ PHÚC LỢI TÒM MỘT CÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM			C	Major NC	Minor NC	NA			
<i>Tiêu chí 5.1: Ngăn ngừa bệnh</i>									
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):						
	<p>Tiêu chuẩn: Thiết lập và duy trì một kế hoạch sức khỏe có hiệu lực tập trung vào: 1) Các mầm bệnh có thể nhiễm vào trang trại từ môi trường xung quanh (vd. kiểm</p>	<p>Hướng dẫn cho Đánh giá viên về 5.1.1: Đánh giá viên phải có khả năng hiểu cách phân tích của các nội dung của kế hoạch sức khỏe và hiểu các rủi ro liên quan đến hoạt động nuôi trồng và làm thế nào trang trại lên kế hoạch cho việc cải tiến liên tục các thực hành sản xuất để nhằm vào các biện pháp này. Đánh giá viên cần phải được đảm bảo rằng trang trại không đang lây nhiễm hay phát tán bệnh ra môi trường xung quanh, có thực hiện các biện pháp ngăn ngừa tốt thích ứng với các rủi ro địa phương và có phương thức để ngăn chặn việc phát tán các bệnh lây nhiễm từ một ao này sang ao khác. Ví dụ, nếu một trang trại quy mô nhỏ, trong khi đang gánh chịu việc tôm chết có thể là gây ra bởi WSD (vd., như được xác định bằng cách kiểm tra các dấu hiệu chung và/hay dùng bộ kiểm tra nhanh), không thải nước ra môi trường tự nhiên, điều này sẽ tuân thủ theo yêu cầu này. Tại các vùng mà khả năng tiếp cận với các chẩn đoán bị giới hạn, thì các dấu hiệu bên ngoài có thể được dùng để thực hiện chẩn đoán.</p>							

<p>5.1.1</p>	<p>soát động vật ăn thịt và vật chủ trung gian), 2) Các mầm bệnh có thể phát tán từ trang trại sang môi trường xung quanh (vd. lọc/khử trùng dòng nước, và kiểm soát chất thải như là tôm-chết) 3) Phát tán các mầm bệnh bên trong trang trại. Nghiêm ngặt để tránh việc nhiễm chéo, phát hiện và ngăn chặn các mầm bệnh phát triển, và theo dõi các biểu hiện bên ngoài của các bệnh lý và của các tôm sắp chết</p> <p>Yêu cầu: Chứng minh rằng kế hoạch sức khỏe có hiệu lực</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp và duy trì một kế hoạch sức khỏe có hiệu lực tập trung vào: 1) Các mầm bệnh có thể nhiễm vào trang trại từ môi trường xung quanh (vd. kiểm soát động vật ăn thịt và vật chủ trung gian), 2) Các mầm bệnh có thể phát tán từ trang trại sang môi trường xung quanh (vd. lọc/khử trùng dòng nước, và kiểm soát chất thải như là tôm-chết) 3) Phát tán các mầm bệnh bên trong trang trại. Nghiêm ngặt để tránh việc nhiễm chéo, phát hiện và ngăn chặn các mầm bệnh phát triển, và theo dõi các biểu hiện bên ngoài của các bệnh lý và của các tôm sắp chết</p>	<p>A. Kiểm tra sự phù hợp của kế hoạch sức khỏe.</p>			<p>NC-EV5</p>	<p>*Quy trình nuôi tôm sú quảng canh theo ASC, ngày 16-06-2012, chi tiết nội dung về quản lý sức khỏe tôm, bao gồm các biện pháp ngăn chặn mầm bệnh vào ao qua ký chủ trung gian, và ngăn lây lan dịch bệnh. Đánh giá thực tế ở trại TD2 và TD3, cống thoát nước không thể đóng kín, không đảm bảo ngăn chặn bùng phát dịch bệnh ra môi trường xung quanh khi có dịch.</p>
<p>5.1.2</p>	<p>Tiêu chuẩn: Sự lọc nước đầu vào để giảm thiểu việc các mầm bệnh xâm nhập</p> <p>Yêu cầu: Có các lưới, vỉ, màng hay tấm chắn với kích cỡ mắt lưới phù hợp [85] ở tất cả trang trại hay ở các đầu vào ao.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đảm bảo rằng tất cả trang trại hay các đầu vào ao có các lưới, vỉ, màng hay tấm chắn với kích cỡ mắt lưới phù hợp.</p>	<p>A. Xác nhận việc sẵn có các lưới, vỉ, màng hay tấm chắn này ở trang trại hay các đầu vào ao.</p>	<p>C</p>			<p>*Bảng tuyên bố mắt lưới ngày 06-08-2013, mắt lưới cấp có kích cỡ là 1mm (2a=2mm) *Đánh giá quan sát, lưới chắn có kích cỡ mắt lưới 1 mm, nhằm ngăn ấu trùng và trứng của các vật chủ trung gian mang mầm bệnh vào ao</p>
<p>Hướng dẫn Khách hàng cho tiêu chí 5.1.3 - Tỷ Lệ Sống (SR)</p> <p>Bước 1 - Tính Toán Tỷ Lệ Sống Của Từng Ao. Ước tính số lượng tôm thu hoạch bằng cách chia sinh khối tôm thu hoạch được cho trọng lượng trung bình cơ thể tôm và SR có thể được ước tính cho mỗi ao theo công thức sau: % Tỷ Lệ Sống Ao = [(Sinh khối thu hoạch/Trọng lượng Trung Bình cơ thể tôm)/Số lượng Giống Thả Nuôi] Người nuôi tôm có trách nhiệm đối với tất cả số đếm được, bao gồm các số lượng PL thả nuôi và các số lượng từ trại giống. Số lượng PL thả nuôi cần được tính khi chuyển PL từ trại giống sang trang trại, kể cả là chúng được thả nuôi trực tiếp vào các ao nuôi tăng trưởng hay vào một số khu chứa trung gian, như bể ương tạo dòng hay ao ương.</p> <p>Bước 2 - Tỷ lệ Sống Trung Bình Hàng năm là giá trị trung bình được tính đối với tất cả các ao đã thu hoạch trong suốt 12 tháng qua và được tính như sau: SR tính bằng % = ((% Tỷ lệ sống của ao 1 x Số lượng hậu ấu trùng trong ao 1) + (% Tỷ lệ sống của ao 2 x Số lượng hậu ấu trùng trong ao 2) + ... + (Tỷ lệ sống của ao n x Số lượng hậu ấu trùng trong ao n)) / Tổng số lượng hậu ấu trùng trong tất cả các ao.</p> <p>Hệ thống đếm số lượng là quan trọng đối với Tiêu chuẩn ASC Tôm nhằm mô tả phương thức đếm số lượng PL để cho việc tính SR có ý nghĩa. Tất cả Tỷ lệ sống của các ao đơn lẻ bằng 95% hay cao hơn là kết quả không có thật bắt nguồn từ việc đánh giá không đúng số lượng hậu ấu trùng và vì thế không thể đưa vào trong tính toán tỷ lệ sống trung bình hàng năm.</p>							

5.1.3	<p>Tiêu chuẩn: Tỷ lệ sống trung bình hàng năm của trang trại [86] (SR): 1) Các hệ thống ao nuôi không cho ăn và không có cung cấp khí thường trực 2) Các hệ thống ao nuôi có cho ăn và không có cung cấp khí thường trực [87] 3) Các hệ thống ao nuôi có cho ăn và có cung cấp khí thường trực</p> <p>Yêu cầu: SR >25% SR >45% SR >60%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Trang trại cần chứng minh thực tế trang trại trong bảng đếm của trang trại và chúng có thể có hay không có tương quan với các biên nhận mua hàng. Duy trì các hồ sơ cho thấy tổng số lượng tôm được thả nuôi vào trong mỗi khu nuôi trong suốt 12 tháng. Đối với các đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và các hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu). Trong trường hợp trại giống cung cấp cho trang trại là hợp nhất với trang trại, số lượng con giống ra khỏi trại giống có thể được dùng để thay thế.</p>	<p>A. Xem xét các bảng đếm số lượng hậu ấu trùng của trang trại. Bảng hậu ấu trùng của trang trại phải có sai số không vượt ranh giới 5%. Nếu công ty không hợp nhất (nhà cung ứng ấu trùng + trang trại) 1 lần đếm là đủ. Đánh giá viên cần phải xác nhận sự chính xác của phương pháp đếm mà trang trại sử dụng.</p>	C				<p>*Quy trình đếm tôm ngày 10-07-2012, đếm dựa trên mẫu chuẩn, lấy mẫu 3% để kiểm, phương pháp đếm phù hợp. Hồ sơ mua tôm giống, bao gồm "Bảng giám sát đếm tôm giống" cho từng đợt nhập giống. Vd. Ao 1&2, ngày 29-03-2014, Ao 1: nhập 256,000pls, ao 2 nhập: 84,000kgs, tổng cộng: 342,000PLs, từ nhà cung ứng giống Trung Tín. Bảng tổng kết các thông số ao nuôi khi thu hoạch, tổng kết cho từng ao cho toàn vụ năm 2012-2013, Ao 1: thả giống: 1024,0000pcs, thu hoạch: 9,228.8kgs, số lượng: 263,288 con.</p>
		<p>b. Duy trì các hồ sơ thu hoạch cho mỗi vụ nuôi (vd. các biên nhận bán hay các biên nhận của các nhà máy chế biến) để có khả năng cho thất tổng số lượng tôm được thu hoạch trong mỗi khu nuôi. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	<p>B. Xem xét các hồ sơ. Xác nhận rằng các hồ sơ là đầy đủ để xác định rõ số lượng tôm được thu hoạch từ mỗi khu nuôi.</p>	C				<p>Biểu mẫu giao nhận tôm, cho mỗi lần thu hoạch, vd đợt thu hoạch ngày 24-06-2014, thu hoạch 116kgs, kích cỡ 34.2g/con, số lượng: 3,392 con. Bảng tổng kết các thông số ao nuôi khi thu hoạch, tổng kết cho từng ao cho toàn vụ năm 2012-2013, Ao 1: thả giống: 1024,0000pcs, thu hoạch: 9,228.8kgs, số lượng: 263,288 con.</p>
		<p>c. Tính toán trung bình Tỷ lệ Chết Thực Tế (xem bên trên). Cung cấp các tính toán cho đánh giá viên. Tính toán nên được dựa trên số lượng ấu trùng đếm được của trại giống nếu trại giống là hợp nhất với trang trại. Đối với các trang trại có các nhà cung ứng giống độc lập, các tính toán nên được dựa trên các số lượng đếm được của trang trại và tham khảo chéo với các số lượng đếm được của trại giống.</p>	<p>C. Xem xét các tính toán của trang trại nhằm xác minh sự chính xác và tham khảo chéo với các số lượng đếm được của trại giống. Phân loại hệ thống nuôi trồng là 1 trong 3 loại và xác nhận tỷ lệ chết trung bình thực tế để chứng thực đối với yêu cầu.</p>	C				<p>Bảng tổng kết các thông số ao nuôi khi thu hoạch, tổng kết cho từng ao cho toàn vụ năm 2012-2013, Ao 1: tỷ lệ sống 25.7%; Ao 2: tỷ lệ sống 25.3%. Nuôi tôm mô hình quảng canh, không có sục khí và cho ăn, kết quả trên cho thấy phù hợp</p>
5.1.4	<p>Tiêu chuẩn: Phần trăm hậu ấu trùng (PLs) thả nuôi Sạch Bệnh (SPF) [88] hay Kháng Bệnh (SPR) [89] đối với tất cả các mầm bệnh quan trọng [90].</p> <p>Yêu cầu: 100% nếu sản có thương mại [91], tức là, nếu đối với các loài đã có, ít nhất 20% lượng PL thả nuôi trong nước</p>	<p>a. Có sở hữu các biên nhận và/hay các tuyên bố từ nhà cung ứng hậu ấu trùng chỉ ra tình trạng SPF và SPR của con bố mẹ của trại giống và các hậu ấu trùng đã kiểm tra các bệnh nào. Duy trì các hồ sơ trong suốt 12 tháng. Đối với các đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	<p>A. Nếu quốc gia và các loài được liệt kê bởi người nuôi là quốc gia/các loài mà 100% hậu ấu trùng được yêu cầu là SPF/SPR, xác nhận rằng tất cả hậu ấu trùng thả nuôi được bắt nguồn từ con bố mẹ SPF hay SPR.</p>	C				<p>NA. Tôm sú giống SPF và SPR chưa có thương mại sẵn có tại thị trường Việt Nam</p>

	<p>thực tế ở trong trại nuôi trong quốc gia từ con giống SPF hay SPR, thì việc cung ứng này dường như là sản phẩm thương mại, PL được kiểm tra đối với tất cả các mầm bệnh quan trọng có thể được sử dụng.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>b. Duy trì danh sách OIE về các bệnh của hậu ấu trùng nào phải được kiểm tra (xem Hướng dẫn ở trên).</p>	<p>B. Xác nhận rằng danh sách OIE là chính xác và rằng các hậu ấu trùng đã được kiểm tra đối với các bệnh liên quan được liệt kê trong OIE.</p>	C				<p>Danh sách OIE 2014 phiên bản 3rd sẵn có Thông tư 52/TT/2012/BNNPTNT về các bệnh nguy cơ gây dịch bệnh</p>
		<p>c. Nếu có bất cứ bệnh nào được liệt kê trong OIE mà không liên quan (xem hướng dẫn), phải có bằng chứng (vd. các tài liệu được đánh giá của chuyên gia hay các bản sao của các tuyên bố chính thức của các Cơ Quan Chức Năng)</p>	<p>C. Xem xét bằng chứng và xác nhận sự chính xác của nó.</p>			NC-EV6	<p>*Giấy chứng nhận kiểm dịch" số 0015232 ngày 16-03-2014, kiểm tình trạng tôm giống theo TCVN 8318:2010 *Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 689/DVKT ngày 21-03-2014, kiểm các bệnh theo OIE: parasite, MBV, WSSV, YHV, IHHNV, HPV, TSV, IMNV. Mỗi lô tôm giống nhập vào trại đều được kiểm tra về các bệnh phổ biến và các bệnh trong OIE bởi Phòng Thú Y địa phương và bởi phòng thí nghiệm. Tuy nhiên, trang trại chưa kiểm tra bệnh NHP cho tôm post.</p>	
Ghi chú	[85] Sự giải thích về kích cỡ mắc lưới phải được chứng minh cho đánh giá viên và được dựa trên các nhân tố rõ ràng về bệnh địa phương (vd. sự hiện diện, các vật chủ trung gian có thể có, v.v...).							
Ghi chú	[86] Tỷ lệ sống không bao gồm tỷ lệ sống của trại giống.							
Ghi chú	[87] Cung cấp khí thường trực là ám chỉ công suất sưởi được lắp đặt trong hơn 90% giai đoạn nuôi thương phẩm để duy trì sinh khối cao vượt quá công suất chứa tự nhiên của hệ thống nuôi trồng và để tương ứng với tỷ lệ cho ăn nhằm đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng tối đa có thể. Sưởi khí khẩn cấp không được xem là sưởi khí thường trực.							
Ghi chú	[88] Sạch Bệnh: một từ được dùng đối với động vật mà được đảm bảo là sạch đối với các mầm bệnh cụ thể. Giống được chứng nhận được đi cùng với danh sách các mầm bệnh không xuất hiện							
Ghi chú	[89] Kháng Bệnh mô tả đặc điểm di truyền của tôm biểu hiện kháng một mầm bệnh cụ thể. Tôm SPR thường là kết quả của một chương trình lai tạo được lập ra để tăng cường sự đề kháng với loại virus cụ thể. Với các yêu cầu này, chương trình dùng một - phương pháp lựa chọn khối (vd. chọn tất cả con sống từ một ao) được chấp nhận, cung cấp - chứng minh có tính khoa học tình trạng kháng bệnh của con giống.							
Ghi chú	[90] Tất cả các bệnh, mà dễ gây tổn thương đối với các loài được nuôi, được liệt kê bởi OIE hay cơ quan chứng năng quốc gia							
Ghi chú	[91] Xem Phụ lục về chi tiết các ngoại lệ và SPR/ SPF thích hợp.							
Ghi chú	[92] http://www.oie.int							
Tiêu chí 5.2: Kiểm soát động vật ăn thịt [93]								
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):					
	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép đối với việc kiểm soát động vật ăn thịt bằng cách gây chết có chủ đích đối với bất kỳ các loài được bảo tồn, bị đe dọa hay có nguy cơ tuyệt chủng được xác định rõ bởi Danh Sách Đỏ [94] Liên Minh Quốc Tế về Bảo Tồn</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chuẩn 5.2.1 Yêu cầu này không áp dụng đối với xử lý nước ao. Kiểm soát động vật ăn thịt bằng cách gây chết có chủ đích được định nghĩa là tích cực cố gắng để giết một động vật. Việc sử dụng các hàng rào và thiết bị ngăn động vật ăn thịt thụ động rất được khuyến khích.</p>	<p>a. Duy trì một danh sách tất cả các thiết bị kiểm soát động vật ăn thịt và các vị trí của nó.</p> <p>A. Xem quy trình kiểm soát động vật ăn thịt và danh sách các thiết bị kiểm soát động vật ăn thịt.</p>	C			<p>Danh sách các thiết bị ngăn động vật ăn thịt trong trại, ngày 16-06-2014, chi tiết vị trí các thiết bị ngăn động vật ăn thịt trong trang trại</p>	

5.2.1	<p>Thiên Nhiên, hay các danh sách chính thức khác [96].</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>b. Duy trì một danh sách tất cả các loài được bảo tồn, bị đe dọa hay có nguy cơ tuyệt chủng có khả năng đến trại và thể hiện danh sách với các loài liên quan ở các nơi có liên quan trong trại.</p>	B. Xem xét danh sách cho chính xác.	C					Kế hoạch quản lý động vật hoang dã ngày 24-06-2012, và p-BEIA tháng 06-2014 trang trại Thanh Đoàn 1, có danh sách các động vật được bảo tồn, bị đe dọa hay có nguy cơ tuyệt chủng
				C. Đánh giá các khu nuôi để xác minh không có các kiểm soát động vật ăn thịt bằng cách gây chết nào có thể gây ra tử vong cho các loài được bảo tồn, bị đe dọa hay có nguy cơ tuyệt chủng.	C				Đánh giá quan sát tại các khu nuôi, xác nhận không có các kiểm soát động vật ăn thịt bằng cách gây chết nào có thể gây ra tử vong cho các loài được bảo tồn, bị đe dọa hay có nguy cơ tuyệt chủng.
5.2.2	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép việc sử dụng đạn chì và hóa chất chọn lọc để kiểm soát động vật ăn thịt.</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chuẩn 5.2.2 Chỉ có những hóa chất được đăng ký ở quốc gia đang sản xuất mới có thể được sử dụng. Thêm vào đó, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải được tuân thủ theo các yêu cầu của điểm 5.3.5.</p>							
		<p>a. Trang trại kiểm soát động vật ăn thịt và duy trì danh sách các thiết bị kiểm soát động vật ăn thịt (như ở điểm 5.2.1a).</p>	A. Xem xét danh sách các thiết bị kiểm soát động vật ăn thịt và xác nhận không có các đạn chì hay các hóa chất không được phê duyệt được sử dụng để kiểm soát động vật ăn thịt.	C				Danh sách các thiết bị ngăn động vật ăn thịt trong trại, ngày 05-01-2014, chi tiết vị trí các thiết bị ngăn động vật ăn thịt trong trang trại	
			B. Kiểm tra trang trại để xác minh rằng không có sử dụng đạn chì hay các hóa chất không được phê duyệt để kiểm soát động vật ăn thịt.	C				Đánh giá quan sát tại các khu nuôi, xác nhận rằng không có sử dụng đạn chì hay các hóa chất không được phê duyệt để kiểm soát động vật ăn thịt	
5.2.3	<p>Tiêu chuẩn: Trong trường hợp việc kiểm soát động vật ăn thịt bằng cách gây chết được sử dụng, một chương trình theo dõi cần bản phải sẵn có nhằm lập văn bản tần suất các lần đến trại, chủng loại của các loài và số lượng động vật tương tác với trang trại.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Nếu việc kiểm soát động vật ăn thịt bằng cách gây chết được sử dụng, cần xây dựng và duy trì một chương trình theo dõi.</p>	A. Xem xét các kết quả của chương trình theo dõi và xác minh sự thích hợp và chính xác của kết quả.	C				Kế hoạch quản lý động vật hoang dã ngày 28-06-2012, có sử dụng dây thuốc cá để diệt cá tạp khi cải tạo ao. Theo dõi ghi vào biểu mẫu giám sát cá chết khi cải tạo ao	
		<p>b. Trang trại phải nhận diện và theo dõi tất cả các sự việc khi kiểm soát động vật ăn thịt bằng cách gây chết được sử dụng, ghi rõ ngày, các loài, phương pháp sử dụng và lý do dùng phương pháp gây chết thay vì là lựa chọn các phương pháp không gây chết khác.</p>	B. Xác minh chương trình theo dõi của trang trại về việc bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng.	C				Bảng theo dõi cá chết khi cải tạo ao, ghi lại tất cả các loại cá chết được phát hiện, vd ngày 27-07-2013: cá chêm: 16 con, cá thòi lòi: 9 con, Cá nâu: 8 con, dùng dây thuốc cá. Kiểm tra hồ sơ, không có loài bị đe dọa	
Ghi chú	[93] Động vật ăn thịt: Bất cứ động vật nào sống bằng cách săn các loài động vật khác								
Ghi chú	[94] Danh sách đỏ IUCN có thể truy cập được thông qua trang web www.iucnredlist.org.								
Ghi chú	[95] Quá trình liệt kê quốc gia: Bất kỳ quy trình nào tìm thấy ở cấp quốc gia, tỉnh thành, quận huyện, hoặc ở cấp độ khác trong nước để đánh giá tình trạng bảo tồn loài dựa trên một bộ các tiêu chí quy định được công nhận bởi các cai quản liên quan. Các quá trình liệt kê như vậy có thể ràng buộc pháp lý (ví dụ như Đạo Luật Loài Có Nguy Cơ Tuyệt Chủng (Endangered Species Act) ở Mỹ hoặc Đạo Luật Loài Có Nguy Cơ (SARA) ở Canada), hoặc có thể không được ràng buộc pháp lý. (ví dụ như danh sách loài được lập ra bởi COSEWIC ở Canada (Ủy ban về tình trạng động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng), hoặc Sách Đỏ ở Việt Nam).								
Ghi chú	[96] Ghi chú: Không áp dụng đối với xử lý nước ao và bất kỳ động vật dưới nước nào có bên trong đó.								
Tiêu chí 5.3: Quản lý và điều trị bệnh									
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):						
		<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chuẩn 5.3.1 Yêu cầu này áp dụng cho tất cả các kháng sinh, tất cả các phương pháp áp dụng và cho cả sử dụng trực tiếp và thức ăn có trộn thuốc. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các trại giống, ở trại hay không ở trại vùng nuôi.</p>							
		<p>a. Trang trại cần chuẩn bị một danh sách tất cả các thuốc thú y, các hóa chất và các chế phẩm sinh học được dùng trong trang trại trong vòng 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	A. Xem xét danh sách các thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học của trang trại.	C					NA. Danh sách hóa chất sử dụng trong trại ngày 05-01-2014, chỉ có vôi và dây thuốc cá

5.3.1	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép sử dụng các kháng sinh và thức ăn có trộn thuốc trên các sản phẩm được dán nhãn ASC (trang trại có thể được chứng nhận nhưng các sản phẩm riêng lẻ tiếp nhận thức ăn có trộn thuốc sẽ không được quyền mang nhãn ASC).</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>b. Cung cấp các hồ sơ chi tiết việc sử dụng bất kỳ thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học nào cho mỗi khu nuôi trong trang trại trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	<p>B. Xem xét các hồ sơ trang trại nhằm xác nhận việc sử dụng các sản phẩm của trang trại. Trong khi đánh giá tại trại, xác minh là không có bằng chứng việc sử dụng không có ghi chép thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học (tức là không có các vật chứa hay các cung cấp không được thống kê kho).</p>	C				<p>Trang trại nuôi quảng canh không sử dụng bất cứ thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học nào khác ngoài vôi.</p> <p>Nhật ký ao nuôi có ghi chép sử dụng rải vôi xung quanh ao khi mưa, vd ao 1, ngày 11-06-2014, dùng 135kg vôi, xử lý ao khi mưa</p> <p>Đối chiếu với sổ kho vôi, ngày 11-06-2014, tồn đầu: 180kgs, xuất: 135kgs cho ao 1, xuất: 45kgs cho ao 2, tồn cuối: 0 kgs.</p>	
5.3.2	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép sử dụng các loại kháng sinh được phân loại là nguy hại nghiêm trọng đến con người bởi Tổ Chức Sức Khỏe Thế Giới [97] (WHO), thậm chí là nếu được cho phép bởi cơ quan thẩm quyền trực tiếp của quốc gia.</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Duy trì một danh sách tất cả các kháng sinh được sử dụng tại trang trại trong vòng 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p> <p>b. Trang trại không sử dụng bất cứ các kháng sinh nguy hại nghiêm trọng đến con người được phân loại bởi WHO và các kháng sinh bị cấm bởi cơ quan chức năng quốc gia trong vòng 12 tháng qua.</p> <p>c. Chứng minh kiến thức thực hiện về các kháng sinh nguy hại nghiêm trọng đến con người được phân loại bởi WHO và các kháng sinh bị cấm bởi cơ quan chức năng quốc gia và cho thấy rằng chúng không được sử dụng trong trang trại.</p>	<p>A. Xem xét danh sách các kháng sinh được sử dụng.</p> <p>B. Kiểm tra chéo danh sách của các kháng sinh được trang trại sử dụng với danh sách kháng sinh nguy hại nghiêm trọng đến con người trong danh sách WHO và các kháng sinh bị cấm bởi cơ quan chức năng quốc gia.</p> <p>C. Xem xét kiến thức của người nuôi về các kháng sinh bị cấm.</p> <p>D. Trong quá trình đánh giá tại trại, xác minh rằng không có bằng chứng về sử dụng các kháng sinh nguy hại nghiêm trọng đến con người thông qua quan sát trực tiếp và đánh giá.</p>	NA	NA	NA	NA	<p>NA. Trang trại nuôi quảng canh không sử dụng bất cứ thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học nào khác ngoài vôi.</p> <p>NA. Danh sách hóa chất sử dụng trong trại, chỉ có vôi và dây thuốc cá. Trang trại nuôi quảng canh không sử dụng bất cứ thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học nào khác</p> <p>NA. Danh sách hóa chất sử dụng trong trại, chỉ có vôi và dây thuốc cá. Trang trại nuôi quảng canh không sử dụng bất cứ thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học nào khác</p> <p>NA. Danh sách hóa chất sử dụng trong trại, chỉ có vôi và dây thuốc cá. Trang trại nuôi quảng canh không sử dụng bất cứ thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học nào khác</p>	
5.3.3	<p>Tiêu chuẩn: Thông tin về lưu trữ và sử dụng hóa chất.</p> <p>Yêu cầu: Hồ sơ về lưu trữ và sử dụng phải sẵn có đối với tất cả các sản phẩm.</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chuẩn 5.3.5 Để biết danh sách các thuốc bảo vệ thực vật bị cấm hay hạn chế sử dụng, tham khảo các tài liệu sau:53 Phụ lục III của Hiệp định Rotterdam về Đồng Thuận Dựa Trên Nguyên Tắc Bảo Trước và Cung Cấp Thông Tin http://www.pic.int/TheConvention/Chemicals/AnnexIIIChemicals/tabid/1132/language/en-US/Default.aspx Stockholm Convention on Persistent Organic Pollutants, Annex A, B and C: http://www.pops.int/documents/convtext/convtext_en.pdf http://www.pops.int/documents/convtext/convtext_en.pdf Các thuốc bảo vệ thực vật được WHO khuyến nghị phân loại theo mức nguy và hướng dẫn phân loại: http://www.who.int/ipcs/publications/pesticides_hazard_2009.pdf</p>	<p>a. Duy trì các không gian lưu trữ đối với tất cả thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học được cung cấp trong 5.3.1a</p>	A. Xác minh rằng các không gian lưu trữ là sẵn có và phù hợp để lưu trữ an toàn và bảo quản chất lượng.	C				<p>Đánh giá quan sát, vôi được bảo quản trong kho vôi có khóa ngoài</p>

	Áp dụng: Tất cả		b. Cung cấp các hồ sơ chi tiết việc sử dụng bất kỳ thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học cho mỗi ao trong trang trại trong vòng 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	B. Xem xét các hồ sơ nhằm xác nhận các sản phẩm sử dụng của trang trại. Trong khi đánh giá tại trang trại, xác minh rằng không có bằng chứng về sự sử dụng thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học không được ghi chép lại (tức là, không có vật chứa rỗng hay các cung cấp không được thống kê kho).	C				Nhật ký ao nuôi có ghi chép sử dụng rải vôi xung quanh ao khi mưa, vd ao 1, ngày 11-06-2014, dùng 135kg vôi, xử lý ao khi mưa Đối chiếu với sổ kho vôi, ngày 11-06-2014, tồn đầu: 180kgs, xuất: 135kgs cho ao 1, xuất: 45kgs cho ao 2, tồn cuối: 0 kgs.
5.3.4	Tiêu chuẩn: Công nhân trang trại sử dụng thích hợp các sản phẩm hóa chất Yêu cầu: Bảng chứng sẵn có đào tạo và hướng dẫn cho công nhân về nhận thức Áp dụng: Tất cả		a. Xây dựng các Quy Trình Vận Hành Tiêu Chuẩn (SOP) đối với việc sử dụng các thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học	A. Xem xét nội dung SOP về sử dụng và áp dụng an toàn các thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học	C				Hướng dẫn an toàn khi sử dụng vôi ngày 03-07-2012, chi tiết về sử dụng và áp dụng an toàn vôi
			b. Đảm bảo rằng các nhân viên hiểu rõ với SOP.	B. Xác minh nhận thức của nhân viên thông qua phỏng vấn về các quy trình đối với việc sử dụng thích hợp hóa chất và rằng họ có tiếp cận tới các hướng dẫn hiện hành.	C				Hồ sơ tập huấn tiêu chuẩn ASC hôm ngày 25-06-2014, đào tạo về Hướng dẫn an toàn khi sử dụng vôi ngày 16-06-2012, ký tên bởi lao động trong trang trại.
			-	C. Trong quá trình đánh giá tại trại, xác minh rằng không có bằng chứng việc không tuân thủ theo SOP.	C				Đánh giá quan sát xác minh rằng không có bằng chứng việc không tuân thủ
5.3.5	Tiêu chuẩn: Cho phép xử lý nước bằng các thuốc bảo vệ thực vật bị cấm hay hạn chế sử dụng bởi Hiệp định Rotterdam về Đồng Thuận Dựa Trên Nguyên Tắc Bảo Trước và Cung Cấp Thông Tin (PIC), Hiệp định Stockholm về Các Chất Ô Nhiễm Hữu Cơ Khó Phân Hủy (POPs) hay được phân loại như là "cực kỳ nguy hiểm" hay "rất nguy hiểm" (phân loại Ia và Ib) bởi Tổ Chức Sức Khỏe Thế Giới (WHO). Yêu cầu: Không Áp dụng: Tất cả		a. Duy trì một danh sách tất cả các sản phẩm được dùng trong trang trại (như trong 5.3.1a) trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	A. Xem xét sự đầy đủ của danh sách các sản phẩm được sử dụng	C				Danh sách hóa chất sử dụng trong trại ngày 05-01-2014, chỉ có vôi và dây thuốc cá
			b. Chuẩn bị tuyên bố thể hiện rằng trang trại không dùng bất kỳ thuốc bảo vệ thực vật nà bị cấm hay hạn chế sử dụng bởi Hiệp định Rotterdam về Đồng Thuận Dựa Trên Nguyên Tắc Bảo Trước và Cung Cấp Thông Tin (PIC), Hiệp định Stockholm về Các Chất Ô Nhiễm Hữu Cơ Khó Phân Hủy (POPs) hay được phân loại như là "cực kỳ nguy hiểm" hay "rất nguy hiểm" (phân loại Ia và Ib) bởi Tổ Chức Sức Khỏe Thế Giới (WHO)	B. Xem xét các tuyên bố trong quá trình đánh giá tại trang trại, xác minh rằng không có việc cho phép việc xử lý nước bằng các thuốc bảo vệ thực vật nà bị cấm hay hạn chế sử dụng bởi Hiệp định Rotterdam về Đồng Thuận Dựa Trên Nguyên Tắc Bảo Trước và Cung Cấp Thông Tin (PIC), Hiệp định Stockholm về Các Chất Ô Nhiễm Hữu Cơ Khó Phân Hủy (POPs) hay được phân loại như là "cực kỳ nguy hiểm" hay "rất nguy hiểm" (phân loại Ia và Ib) bởi Tổ Chức Sức Khỏe Thế Giới (WHO)	C				"Bảng tuyên bố không sử dụng thuốc, hóa chất, chất cấm" ngày 03-07-2012, ký bởi đại diện trang trại Mr. Đặng Văn Út
5.3.6	Tiêu chuẩn: Cho phép thái bất kỳ các hóa chất nguy hại nào [98] trước khi nó được trung hòa [99]. Yêu cầu: Không Áp dụng: Tất cả		a. Duy trì SOP tại điểm 5.3.4a và đảm bảo rằng nó bao gồm các quy trình trung hòa.	A. Xem xét sự thích hợp của SOP	C				Quy trình nuôi tôm sú quảng canh ngày 16-06-2012, mục 4.1 Quy trình trung hòa vôi và dây thuốc cá.
			b. Đảm bảo rằng các nhân viên rầm rõ SOP.	B. Phỏng vấn các nhân viên và đánh giá sự phù hợp.	C				Hồ sơ tập huấn tiêu chuẩn ASC hôm ngày 25-06-2014, Hướng dẫn an toàn khi sử dụng vôi ngày 16-06-2012, ký tên bởi các lao động trong trang trại
			-	C. Trong quá trình đánh giá tại trang trại, xác minh không có bằng chứng việc không tuân thủ theo SOP.	C				Đánh giá quan sát, xác nhận không có bằng chứng việc không tuân thủ theo SOP
			a. Cung cấp các hồ sơ chi tiết việc sử dụng bất kỳ các chế phẩm sinh học nào tại trang trại trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	A. Xem xét các hồ sơ để xác nhận các sản phẩm trang trại sử dụng. Trong khi đánh giá tại trang trại, xác minh rằng không có bằng chứng về sự sử dụng thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học không được ghi chép lại (tức là, không có vật chứa rỗng hay các cung cấp không được thống kê kho). Cung cấp hồ sơ nhập xuất tồn chi tiết các chế phẩm sinh học được sử dụng và liều dùng trong 12 tháng qua.				NA NA. Chỉ sử dụng vôi và dây thuốc cá. Trang trại nuôi quảng canh không sử dụng chế phẩm sinh học	

5.3.7	Tiêu chuẩn: Sử dụng các dòng vi khuẩn chế phẩm sinh học ngoại trừ việc sử dụng sản phẩm lên men để làm giống cho các lò khác.	b. Đối với danh sách được cung cấp trong 5.3.7.a, cho thấy rằng mỗi loại sản phẩm đều được phê duyệt cho nuôi trồng thủy sản bởi cơ quan chức năng liên quan. Nếu cơ quan pháp luật phụ trách nuôi trồng thủy sản không phê duyệt các chế phẩm sinh học hay các chất sinh học khác, khi đó các nhà sản xuất nên có khả năng xem các hồ sơ mua, các hóa đơn và thông tin sản phẩm liên quan đến các chế phẩm sinh học được sử dụng.	B. Xác nhận rằng các sản phẩm sử dụng được liệt kê đều được phê duyệt cho nuôi trồng thủy sản					NA	NA. Chỉ sử dụng vôi và dây thuốc cá. Trang trại nuôi quảng canh không sử dụng chế phẩm sinh học
	Yêu cầu: Chỉ các chế phẩm sinh học được phê duyệt bởi cơ quan chức năng thích hợp mới có thể được sử dụng.							NA	NA. Chỉ sử dụng vôi và dây thuốc cá. Trang trại nuôi quảng canh không sử dụng chế phẩm sinh học
	Áp dụng: Tất cả	c. Nếu có thực hành lên men tại trang trại, duy trì và tuân thủ phương thức được cung cấp bởi các nhà cung ứng, bao gồm thực hiện tất cả các sự phỏng ngừa yêu cầu để đảm bảo chúng không có các dòng lây nhiễm.	C. Xác minh rằng các phương thức là sẵn có, thích hợp và được tuân thủ theo.					NA	NA. Chỉ sử dụng vôi và dây thuốc cá. Trang trại nuôi quảng canh không sử dụng chế phẩm sinh học
	d. Nếu có thực hành lên men tại trang trại, đảm bảo rằng các sản phẩm lên men không được sử dụng để làm giống cho các lò lên men tiếp theo và rằng tất cả các lò phải được lấy giống từ nguồn chế phẩm sinh học thương mại.	D. Xác minh thông qua đánh giá tại trang trại và phỏng vấn nhân viên rằng không có các dấu hiệu của các sản phẩm lên men đã và đang được sử dụng để làm giống cho việc lên men các lò tiếp theo.					NA	NA. Chỉ sử dụng vôi và dây thuốc cá. Trang trại nuôi quảng canh không sử dụng chế phẩm sinh học	
Ghi chú	[97] Phiên bản 3 của danh sách WHO về các thuốc chống vi khuẩn nghiêm trọng hay rất quan trọng được ban hành năm 2009 và sẵn có ở http://www.who.int/foodborne_disease/resistance/CIA_3.pdf								
Ghi chú	[98] Các hóa chất nguy hiểm cần được nhận dạng thông qua một đánh giá rủi ro. Các sản phẩm nguy hiểm phổ biến được sử dụng trong nuôi tôm là vôi, chất khử trùng, sodiummetabisulfite, thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm cả thuốc cá tự nhiên như hạt trà và rotenone (tham khảo Boyd và Massaut 1999 và Gräslund và Bengtsson 2001 đối với xem xét rủi ro các hóa chất).								
Ghi chú	[99] Điều này không có nghĩa là chất thải phải được trung hòa pH; nhưng cần phải đảm bảo rằng các hóa chất đã được phá hủy và nước xử lý phải được giữ lại trong một thời gian thích hợp trước khi thải ra nhằm đảm bảo các động vật trong nước tiếp nhận chất thải không bị giết chết. Nếu nước được thải, tác dụng của vôi cần đã được trung hòa một cách tự nhiên vào thời điểm nước được thải. Đối với các hóa chất áp dụng cho các ao, người nuôi cần phải chờ đến khi việc trung hòa đạt hiệu quả trước khi thải nước ao. Tiêu chuẩn này có nghĩa muốn nhằm vào trường hợp các hóa chất được sử dụng trong khi thu hoạch (metabisulphite, chlorine) có thể bị đổ ra các kênh cống cộng. Tiêu chuẩn được phát triển để nó trở nên khắt khe hơn bởi vì một số người cũng lo ngại về các hóa chất sử dụng trong các ao. Trong trường hợp này, người nuôi chỉ cần cho thấy rằng họ không thải nước trước một vài thời điểm. Đối với các hóa chất được sử dụng trong thu hoạch thì họ cần phải trừ bỏ lượng còn lại đổ vào kênh hay ao lắng của trang trại, hay trung hòa nó bằng hóa chất trước khi thải ra kênh cống cộng.								
NGUYÊN TẮC 6: QUẢN LÝ NGUỒN GỐC TÔM BỐ MẸ, LỰA CHỌN CON GIỐNG VÀ CÁC HIỆU QUẢ CỦA VIỆC QUẢN LÝ CON GIỐNG				C	Major NC	Minor NC	NA		
<i>Tiêu chí 6.1: Sự có mặt của các loài tôm ngoại lai hay loài tôm du nhập</i>									
	Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):							
	Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chuẩn 6.1.1 - Sử dụng các loài tôm không phải là bản địa Áp dụng: Tiêu chuẩn 6.1.1 chỉ áp dụng đối với các trang trại nuôi trồng các loài không phải là bản địa. Các trang trại chỉ nuôi trồng loài bản địa được ngoại lệ đối với tiêu chuẩn này. Tuy nhiên bằng chứng để chứng minh phải có để cho thấy rằng các loài nuôi trồng là bản địa đối với một vùng. Các trang trại có thể cung cấp bằng chứng từ các nguồn độc lập có danh tiếng như các tài liệu được đánh giá của chuyên gia, IUCN, FAO hay các tổ chức quốc tế khác. Khi được xác nhận, các đánh giá viên có thể ghi là "không áp dụng" đối với cả tiêu chí này. Để chứng minh sự phù hợp với tiêu chuẩn 6.1.1, trang trại phải cung cấp các giấy phép của trại giống và các giấy chứng nhận nhập khẩu. Các thông tin thêm từ ICES về các nguyên tắc thực hành về việc du nhập và di chuyển các sinh vật biển có thể tìm thấy tại http://www.ices.dk/reports/general/2004/icescop2004.pdf .) Người nuôi tôm phải chứng minh rằng họ có kiến thức công việc về các nguyên tắc và đã tuân thủ với các nguyên tắc đó đối với việc nuôi trồng các loài không phải là địa phương								
	Tiêu chuẩn: Sử dụng các loài tôm không phải bản địa [104]. Yêu cầu: Được cho phép, miễn là chúng	a. Các đánh giá viên kiểm tra bằng cách đánh giá các tài liệu của trang trại rằng nhà cung ứng hậu ấu trùng có nhận diện các loài (tên Latin) tôm được nuôi. Duy trì các hồ sơ về mua hậu ấu trùng trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ của trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	A. Xác nhận rằng các loài nuôi được nhận dạng chính xác trong các hồ sơ mua.	C					Hồ sơ mua tôm sú giống Postlarvae cho từng đợt nhập giống, xác định tên loài của tôm giống. Vd. Ao 1&2, ngày 29-03-2014, Ao 1: nhập 256,000pls, ao 2 nhập: 84,000pls, tổng cộng: 342,000PLs, từ nhà cung ứng giống Trung Tín., mua tôm sú, loài <i>penaeus monodon</i>

<p>6.1.1</p>	<p>được sản xuất thương mại có tính địa phương [105] VÀ không có bằng chứng [106] rằng các loài đó có sự thiết lập hay có tác động lên hệ sinh thái lân cận VÀ có các tài liệu (các giấy phép trại giống, các giấy chứng nhận nhập khẩu, vv.) chứng minh sự phù hợp với các quy trình du nhập được nhận dạng bởi các hướng dẫn của cơ quan nhập khẩu của địa phương, quốc gia và quốc tế (vd, OIE và ICES [107]).</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>b. Chuẩn bị các bằng chứng tài liệu (các tài liệu được đánh giá của chuyên gia, IUCN, FAO hay các tổ chức quốc tế khác). Nếu các loài không phải là bản địa, vui lòng tham khảo điểm c và d (bên dưới).</p> <p>c. Chuẩn bị các bằng chứng tài liệu (các tài liệu được đánh giá của chuyên gia, các tuyên bố chính thức của chính quyền [cơ quan chức năng] hay các tham khảo khác có thể so sánh được rằng các loài được sản xuất thương mại có tính địa phương.</p> <p>d. Nếu các loài không phải là bản địa, cung cấp các bằng chứng tài liệu (các tài liệu được đánh giá của chuyên gia, các tuyên bố chính thức của chính quyền [cơ quan chức năng] hay các tham khảo khác có thể so sánh được chỉ ra không có các tác động tiêu cực.</p> <p>Tác động tiêu cực gây ra bởi con giống tự thiết lập bao gồm nhưng không hạn chế với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - thay đổi đa dạng di truyền của tôm hoang dã thông qua giao phối - sự cạnh tranh (vd. sự chiếm chỗ với các loài địa phương) - sự phá hủy môi trường sống <p>e. Nếu các loài không phải là bản địa, cung cấp các bằng chứng tài liệu (các giấy phép trại giống, giấy chứng nhận nhập khẩu, v.v.) chứng minh sự phù hợp với các quy trình du nhập được nhận dạng bởi các hướng dẫn của cơ quan nhập khẩu của địa phương, quốc gia và quốc tế (vd, OIE và ICES)</p>	<p>B. Xác nhận rằng các hồ sơ cho thấy các loài được nuôi là loài bản địa đối với hệ thống thủy vực nếu như các loài được nuôi là bản địa đối với hệ thống thủy vực, cung cấp các bằng chứng bằng tài liệu (các tài liệu được đánh giá của chuyên gia, IUCN, FAO hay các tổ chức quốc tế khác). Nếu các loài không phải là bản địa, vui lòng tham khảo điểm c và d (bên dưới).</p> <p>C. Xác nhận rằng các tài liệu cho thấy các loài được nuôi được sản xuất thương mại có tính địa phương nếu như các loài đó không phải là bản địa, cung cấp Chuẩn bị các bằng chứng tài liệu (các tài liệu được đánh giá của chuyên gia, các tuyên bố chính thức của chính quyền [cơ quan chức năng] hay các tham khảo khác có thể so sánh được rằng các loài được sản xuất thương mại có tính địa phương.</p> <p>D. Xem xét, ít nhất là, bằng chứng rằng không có tác động tiêu cực và đánh giá sự chính xác và tính thích hợp bằng các phương tiện như xem trên internet, bằng, ít nhất là, tìm trên Google.</p> <p>E. Xem xét các bằng chứng và đánh giá sự chính xác và tính thích hợp của chúng bao gồm tài liệu trại giống về sự phù hợp OIE và các luật nhập khẩu địa phương và quốc gia.</p>	<p>C</p>				<p>Tài liệu FAO Cultured Aquatic Species Information Programme - <i>Penaeus monodon</i> (Fabricius, 1798), xác nhận tôm sú là loài bản địa tại biển Việt Nam</p> <p>NA NA. Tôm sú là loài bản địa tại biển Việt Nam</p> <p>NA NA. Tôm sú là loài bản địa tại biển Việt Nam</p> <p>NA NA. Tôm sú là loài bản địa tại biển Việt Nam</p>
<p>Tiêu chuẩn: Phương pháp ngăn ngừa phải sẵn có nhằm ngăn chặn xổng thoát khi thu hoạch và trong quá trình nuôi tăng trưởng (A-F):</p>								
<p>A. Có các màng hay tấm chắn hiệu quả với kích cỡ mắt lưới phù hợp đối với vật nuôi nhỏ nhất tại trại; có gấp đôi màng chắn đối với các loài không phải là bản địa.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp các hồ sơ của trang trại chỉ ra kích cỡ của tôm (vd..trung bình trọng lượng được ghi hàng tháng). Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p> <p>b. Duy trì các hồ sơ chỉ ra kích cỡ của mắt lưới hay tấm chắn của toàn bộ trang trại, và hồ sơ cho thấy vì sao kích cỡ mắt lưới được lựa chọn là phù hợp nhất với vật nuôi nhỏ nhất có trong trang trại tại thời điểm sử dụng. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ của trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p> <p>c. Nếu các loài nuôi không phải là bản địa, đảm bảo rằng luôn có gấp hai lần màng chắn được sử dụng tại cả điểm cấp nước và thải nước.</p>	<p>A. Xem xét các hồ sơ về kích cỡ tôm trong các đơn vị chứa khác nhau.</p> <p>B. Xem xét các hồ sơ về kích cỡ mắt lưới hay vỉ lưới. Xác nhận rằng kích cỡ lưới/vỉ được lựa chọn là phù hợp với vật nuôi nhỏ nhất có tại trang trại tại thời điểm sử dụng.</p> <p>C. Trong khi đánh giá tại trang trại, kiểm tra kích cỡ của lưới hay vỉ nhằm xác định sự phù hợp. Nếu có loài không phải là bản địa được nuôi trồng, xác nhận rằng trang trại có sử dụng gấp hai lần màng chắn.</p>	<p>C</p> <p>C</p>					<p>Hồ sơ mua tôm sú giống Postlarvae cho từng đợt nhập giống, xác định tên loài của tôm giống. Vd. Ao 1&2, ngày 29-03-2014, Ao 1: nhập 256,000pls, ao 2 nhập: 84,000pls, tổng cộng: 342,000PLs, từ nhà cung ứng giống Trung Tín., mua tôm sú, loài <i>penaeus monodon</i></p> <p>*Bảng tuyên bố mắt lưới ngày 06-08-2013, mắt lưới cấp có kích cỡ là 1mm (2a=2mm). Kích thước lưới phù hợp để ngăn tôm nhỏ nhất xổng thoát.</p> <p>NA NA. Tôm sú là loài bản địa tại biển Việt Nam</p> <p>Hồ sơ chi tiết cao trình đỉnh lư 25 năm, xác nhận bởi Trung Tâm Quan Trắc Môi Trường huyện Năm Căn, Cà Mau. Đỉnh lư cao nhất là vào năm 2012</p>
	<p>B. Các bờ bao hay bờ đê xung quanh ao có độ cao và sự xây dựng phù hợp nhằm ngăn chặn nước tràn khi có sự biến lư lư</p>	<p>a. Cung cấp các hồ sơ chính thức hay tuyên bố chỉ ra mực nước cao nhất ở địa phương (mực nước sông, mực nước triều, mực nước lũ, v.v...) trong 25 năm qua.</p>	<p>A. Xem xét các hồ sơ bao gồm ≥ 25 năm hay tuyên bố từ cơ quan chính quyền thiết lập mực cao nhất của nước cao khi xảy ra lũ lụt.</p>	<p>C</p>				

	<p>ngành nghề nước trên khi có sự kiện từ vụ bất thường [108].</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>b. Có một tuyên bố từ cơ quan thẩm quyền địa phương hay các tổ chức có uy tín báo cáo về cao trình của bờ (m trên mực nước biển) tại điểm thấp nhất. Chỉ ra vị trí điểm thấp của bờ trên bản đồ trang trại.</p>	<p>B. Xem xét tuyên bố và bản đồ. Trong khi đánh giá tại trang trại. Xem xét bằng chứng và xác minh rằng cao trình của bờ thấp nhất là đủ đối phó với cao trình trong 25 năm.</p>				NC-EV7	<p>Hồ sơ đo cao trình bờ ao, thực hiện bởi Công ty Tư Vấn Đại Phát tháng 05-2014, chỉ ra điểm thấp nhất của bờ ao, cao hơn đỉnh lũ cao nhất là năm 2012</p> <p>Chưa có hồ sơ về chức năng của công ty Đại Phát về Quang trắc/đo đạc</p>
6.1.2	<p>C. Thực hiện kiểm tra thường xuyên, định kỳ và ghi chép vào sổ cố định.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp các hồ sơ trang trại trong sổ cố định đối với việc định kỳ và thường xuyên kiểm tra mức lưới hay vì sử dụng trong các đơn vị sản xuất (vd. ao nuôi tăng trưởng).</p>	<p>A. Xem xét các hồ sơ để thẩm tra việc kiểm tra thường xuyên và định kỳ.</p>	C				<p>Nhật ký ao nuôi, kiểm tra mức lưới hàng ngày, từ 2012-2014</p>
	<p>D. Lập hồ sơ định kỳ sửa chữa hệ thống.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu các hồ sơ về làm thông thoáng và sửa chữa trong một sổ cố định. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xem xét sổ nhằm xác minh việc sửa chữa được thực hiện và được ghi chép lại</p>	C				<p>Kế hoạch kiểm tra, vệ sinh, bảo trì dụng cụ và thiết bị trong trại nuôi ngày 05-01-2014</p> <p>Nhật ký ao nuôi ghi chép hồ sơ định kỳ sửa chữa hệ thống, từ 2012-2014</p>
	<p>E. Áp dụng và quản lý các thiết bị bẫy nhằm thử thực tế xống thoát; dữ liệu được ghi chép.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Nhận dạng số lượng và vị trí của tất cả các thiết bị bẫy. Mệnh đề 'thiết bị bẫy' không bao gồm các mức lưới hay vì chắn.</p>	<p>A. Xem xét làm thế nào trang trại sử dụng các thiết bị bẫy để theo dõi xống thoát.</p>	C				<p>Sơ đồ trang trại, chỉ ra vị trí đặt bẫy xống thoát tại cống thải</p>
	<p>F. Duy trì một hồ sơ về kiểm tra thường xuyên (ít nhất hàng tuần) bẫy và theo dõi xống thoát.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>b. Định hình các bẫy một cách thích đáng và đặt nơi thích hợp nhằm đảm bảo việc theo dõi xống thoát có hiệu lực trên toàn trang trại.</p>	<p>B. Xem xét các hồ sơ về kiểm tra và theo dõi xống thoát.</p>	C				<p>Nhật ký ao nuôi, ghi chép hồ sơ định kỳ kiểm tra bẫy xống thoát, từ 2012-2014, chưa có trường hợp xống thoát nào được phát hiện</p>
	<p>G. Định hình các bẫy một cách thích đáng và đặt nơi thích hợp nhằm đảm bảo việc theo dõi xống thoát có hiệu lực trên toàn trang trại.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>c. Định hình các bẫy một cách thích đáng và đặt nơi thích hợp nhằm đảm bảo việc theo dõi xống thoát có hiệu lực trên toàn trang trại.</p>	<p>C. Trong khi đánh giá tại trang trại, đánh giá nhằm xác minh rằng các bẫy được định hình một cách thích đáng và đặt nơi thích hợp nhằm đảm bảo việc theo dõi xống thoát có hiệu lực trên toàn trang trại.</p>	C				<p>Đánh giá quan sát, xác nhận rằng các bẫy được định hình một cách thích đáng và đặt nơi thích hợp nhằm đảm bảo việc theo dõi xống thoát có hiệu lực trên toàn trang trại.</p>
	<p>H. Phát triển và áp dụng các phương thức bắt lại xống thoát.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Phát triển và áp dụng các phương thức bắt lại xống thoát</p>	<p>A. Xem xét các phương thức bắt lại xống thoát và đánh giá rằng các phương thức được áp dụng, có các hồ sơ về xống thoát, hồ sơ về các hành động được thực hiện và các hồ sơ về cải biến quy trình nhằm ngăn ngừa xống thoát lặp lại.</p>	C				<p>Nhật ký ao nuôi, ghi chép hồ sơ định kỳ kiểm tra bẫy xống thoát, từ 2012-2014, chưa có trường hợp xống thoát nào được phát hiện.</p> <p>Xống thoát được bắt lại trong bẫy xống thoát để kiểm tra hiệu lực hệ thống cống chắn</p>
6.1.3	<p>Tiêu chuẩn: Xống thoát và các hành động được thực hiện nhằm ngăn ngừa xống thoát lặp lại.</p> <p>Yêu cầu: Sản có các hồ sơ cho đánh giá.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Khi xống thoát được phát hiện, ghi chép bất cứ hành động nào được thực hiện nhằm ngăn ngừa xống thoát lặp lại. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xem xét tính thích hợp của bất kỳ các hành động được thực hiện bởi trang trại nhằm ngăn ngừa xống thoát lặp lại.</p>				NA	<p>NA. Nhật ký ao nuôi, ghi chép hồ sơ định kỳ kiểm tra bẫy xống thoát, từ 2012-2014, chưa có trường hợp xống thoát nào được phát hiện.</p>
Ghi chú	[104] Vào thời điểm công bố Tiêu chuẩn ASC Tôm.							
Ghi chú	[105] Có tính địa phương: trong phạm vi quốc gia sản xuất.							
Ghi chú	[106] GSC công nhận rằng việc thiết lập - không có bằng chứng thì rất khó và vấn đề này sẽ được theo dõi bởi Nhóm Cố Vấn Kỹ Thuật ASC những người sẽ thẩm tra việc này cho từng trường hợp nhằm xác định sẽ áp dụng như thế nào trong từng địa phương khác nhau.							
Ghi chú	[107] Hội đồng Quốc tế đối với thềm dò đại dương.							
Ghi chú	[108] Các sự kiện lũ lụt bất thường xét theo các sự kiện lũ lụt trong vòng 25 năm							
Tiêu chí 6.2: Nguồn gốc của hậu ấu trùng hay tôm bố mẹ								
	Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):						

6.2.1	<p>Tiêu chuẩn: PL và tôm bố mẹ có tình trạng và nguồn gốc sạch bệnh thích hợp đáp ứng các nguyên tắc nhập khẩu của vùng, quốc gia và quốc tế (vd., OIE và ICES)</p> <p>Yêu cầu: Tài liệu được cung cấp chứng minh sự phù hợp trong vòng hai năm từ ngày công bố của tiêu chuẩn đối với tôm sú bố mẹ hoang dã có nguồn gốc địa phương; áp dụng ngay tức thì trong mọi trường hợp</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp bằng chứng tài liệu chứng minh việc kiểm tra hậu ấu trùng đối với tất cả các mầm bệnh liên quan (xem danh sách trong 5.1.4b và các bằng chứng bổ sung trong 5.1.4c) trừ khi các mầm bệnh không xuất hiện tại quốc gia. Duy trì các hồ sơ về mua hay tiếp nhận hậu ấu trùng trong 12 tháng. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p> <p>b. Đối với tôm bố mẹ trang trại sử dụng không phải là tôm sú tự nhiên và đối với hậu ấu trùng thả nuôi bắt nguồn từ tôm sú bố mẹ hoang dã từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi. Cung cấp bằng chứng tài liệu chứng minh việc kiểm tra tôm bố mẹ đối với tất cả các mầm bệnh liên quan (xem danh sách trong 5.1.4b và các bằng chứng bổ sung trong 5.1.4c). Duy trì các hồ sơ về hậu ấu trùng mua vào trong suốt 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p> <p>c. Nếu trang trại hợp nhất với trại giống, nhân viên nên có kiến thức công việc về các nguyên tắc du nhập/nhập khẩu liên quan đến yêu cầu này.</p>	<p>A. Xem xét các bằng chứng và xác nhận tính chính xác.</p> <p>B. Xem xét các bằng chứng và xác nhận tính chính xác.</p> <p>C. Đánh giá kiến thức công việc của quản lý trang trại về các nguyên tắc.</p>	C				<p>*Giấy chứng nhận kiểm dịch" số 0015232 ngày 16-03-2014, kiểm tình trạng tôm giống theo TCVN 8318:2010, mua giống từ nhà cung ứng Trung Tín</p> <p>*Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 689/DVKT ngày 21-03-2014, kiểm các bệnh theo OIE: parasite, MBV, WSSV, YHV, IHNV, HPV, TSV, IMNV.</p> <p>NA. Tôm bố mẹ là tôm sú khai thác tự nhiên tại vùng biển Cà Mau.</p> <p>Tờ khai xuất xứ tôm giống, trại giống Trung Tín, ngày 29-03-2014, xác nhận tôm PL xuất xứ từ tôm bố mẹ khai thác tự nhiên biển Cà Mau</p> <p>NA. Trang trại không hợp nhất với trại giống</p>
6.2.2	<p>Tiêu chuẩn: Phần trăm tổng hậu ấu trùng từ trại giống khép kín (tức là, tôm bố mẹ được nuôi trong trang trại)</p> <p>Yêu cầu: P. vannamei, P. indicus, P. stylirostris 100% P. monodon phải được tăng thêm qua thời gian, và đạt 100% trong vòng 6 năm sau khi công bố tiêu chuẩn.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp một khai báo từ nhà cung ứng hậu ấu trùng nhận dạng tên các loài (tên Latin) của tôm nuôi và nguồn gốc tôm bố mẹ (bao gồm cả tôm bắt hoang dã hay tôm nuôi nhốt). Duy trì các hồ sơ về hậu ấu trùng mua vào trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	<p>A. Xem xét các khai báo và xác minh rằng chỉ có tôm bố mẹ nuôi nhốt được dùng đối với tất cả các loài ngoại trừ P. monodon và từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, cũng đối với tôm bố mẹ P. monodon.</p>	C				<p>Có khai báo từ nhà cung ứng giống tên Latin của loài.</p> <p>Vd. Biểu mẫu theo dõi nhập giống ngày 29-03-2014, mua tôm sú, loài penaeus monodon.</p> <p>Sẵn có tuyên bố của trang trại, xác nhận đang tìm kiếm nguồn giống tôm sú sản xuất từ tôm bố mẹ nuôi khép kín.</p>
6.2.3	<p>Tiêu chuẩn: Nguồn gốc của tôm bố mẹ bắt hoang dã</p> <p>Yêu cầu: Chỉ được bắt nguồn từ tôm bố mẹ khai thác tại địa phương [114].</p> <p>Áp dụng: Các trang trại sử dụng giống được sinh sản từ tôm P. monodon bố mẹ hoang dã</p>	<p>a. Cung cấp một khai báo từ nhà cung ứng hậu ấu trùng nhận dạng nguồn gốc (bờ biển nơi thu hoạch và quốc gia thu hoạch) của tôm bố mẹ. Duy trì các hồ sơ về hậu ấu trùng mua vào trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	<p>A. Xem các khai báo và xác minh rằng chỉ có tôm bố mẹ được khai thác theo cùng bờ biển của quốc gia nơi đặt trang trại được sử dụng</p>	C				<p>Tờ khai xuất xứ tôm giống, trại giống Trung Tín, ngày 29-03-2014, xác nhận tôm PL xuất xứ từ tôm bố mẹ khai thác tự nhiên biển Cà Mau, Việt Nam</p>
6.2.4	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép sử dụng hậu ấu trùng khai thác hoang dã ngoại trừ tôm theo đồng nước triều tự nhiên vào ao</p>	<p>a. Sở hữu một tuyên bố từ (các) nhà cung ứng giống rằng tôm giống không phải là khai thác hoang dã (vd. tôm giống nguồn gốc từ tôm bố mẹ được giữ trong tình trạng giam cầm).</p>	<p>A. Xem xét việc trang trại có các tuyên bố của các nhà cung ứng giống.</p>	C				<p>Tờ khai xuất xứ tôm giống, trại giống Trung Tín, ngày 29-03-2014, xác nhận tôm PL xuất xứ từ tôm bố mẹ khai thác tự nhiên biển Cà Mau, Việt Nam</p>

	<p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>b. Duy trì các biển nhận giống đối với tất cả các sự kiện thả nuôi. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	<p>B. Xem xét rằng trang trại duy trì các hồ sơ chính xác đối với việc lấy giống.</p>	C				<p>Hồ sơ mua tôm sú giống Postlarvae cho từng đợt nhập giống, xác định tên loài của tôm giống. Vd. Biểu mẫu theo dõi nhập giống ngày 29-03-2014, mua tôm sú, loài penaeus monodon</p>
Ghi chú	[114] Lấy từ cùng quốc gia, thủy vực, và/hay quần thể phụ di truyền.							
Tiêu chí 6.3: Tôm biến đổi di truyền [116]								
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):					
6.3.1	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép việc nuôi trồng tôm biến đổi di truyền (bao gồm tôm cận huyết của dòng tôm được điều chỉnh di truyền)</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Khi tôm biến đổi di truyền sẵn có về phương diện thương mại đối với ngành công nghiệp, trang trại nên cung cấp một khai báo từ trại giống lấy giống rằng trang trại không dùng tôm được điều chỉnh di truyền (biến đổi di truyền).</p>	<p>A. Xem xét khai báo về không dùng các dòng tôm được điều chỉnh di truyền.</p>	C				<p>Tờ khai xuất xứ tôm giống, trại giống Trung Tín, ngày 28-03-2014, xác nhận tôm PL được sản xuất từ tôm bố mẹ khai thác tự nhiên biển Cà Mau, Việt Nam, không phải là tôm biến đổi gen, điều chỉnh di truyền (biến đổi di truyền)</p>
Ghi chú	[116] Tôm biến đổi di truyền: một nhóm của GMOs, là các sinh vật được giải các DNA bắt nguồn từ các loài khác. Một số GMOs không chứa DNA từ các loài khác và vì thế không biến đổi di truyền mà là chuyển gen đồng loài							
NGUYÊN TẮC 7: SỬ DỤNG CÁC TÀI NGUYÊN MỘT CÁCH CÓ HIỆU QUẢ VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG				C	Major NC	Minor NC	NA	
Tiêu chí 7.1 - Truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thô trong thức ăn								
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):					
7.1.1	<p>Tiêu chuẩn: Bảng chứng về truy xuất nguồn gốc cơ bản của các thành phần thức ăn, bao gồm cả nguồn gốc, các loài, nước xuất xứ và phương pháp thu hoạch được chứng minh bởi các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi [118].</p> <p>Yêu cầu: Danh sách của tất cả các thành phần chiếm hơn 2% thức ăn được cung cấp sẵn có trên tờ thông tin in sẵn của công ty.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Sở hữu một bản tuyên bố (trên tờ thông tin in sẵn của công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi) của nhà cung cấp thức ăn xác định tất cả các thành phần thức ăn chiếm hơn 2% của thức ăn chăn nuôi.</p> <p>b. Đối với tất cả các thành phần chiếm hơn 2%, cung cấp bản sao của các bản tuyên bố của bên thứ 3 như đã nêu tại hóa đơn từ nhà cung cấp thành phần thức ăn chỉ ra nước xuất xứ và khu vực đánh bắt (đối với các sản phẩm cá) theo khu vực đánh bắt cá chủ yếu và các phân khu của FAO. (http://www.fao.org/fishery/cwp/handbook/H/en), các loài và phương pháp thu hoạch. Lưu ý: không phải tất cả các khu vực chủ yếu đều có các phân khu để báo cáo cho FAO.</p>	<p>A. Xác nhận rằng trang trại có các hồ sơ</p> <p>B. Xem xét tính đầy đủ của các tuyên bố và xác nhận sự tuân thủ</p>				NA	<p>NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn</p> <p>NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn</p>

7.1.2	<p>Tiêu chuẩn: Việc chứng minh chuỗi giám sát và truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm thủy sản trong thức ăn thông qua một thành viên của ISEAL hoặc chương trình chứng nhận phù hợp ISO 65 mà cũng kết hợp Quy Tắc Ứng Xử Khai Thác Thủy Sản Có Trách Nhiệm của FAO [119].</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp bằng chứng của bên thứ 3 (thông qua một thành viên của ISEAL hoặc chương trình chứng nhận phù hợp ISO 65 mà cũng kết hợp Quy Tắc Ứng Xử Khai Thác Thủy Sản Có Trách Nhiệm của FAO) chứng minh chuỗi giám sát và truy xuất nguồn gốc cho tất cả các thành phần từ biển trừ các sản phẩm từ phụ phẩm. Một danh sách các chương trình thích hợp có sẵn trên trang web của ASC. Có thể tuân theo các bước sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xác định tất cả các nhà cung cấp thức ăn cho Trang trại. 2. Chuẩn bị một danh sách của tất cả các loại thức ăn được mua trong 12 tháng qua. 3. Đối với từng loại thức ăn, yêu cầu từ nhà cung cấp thức ăn một danh sách của tất cả các sản phẩm thủy sản đã được sử dụng như thành phần thức ăn. 4. Nếu các thành phần thức ăn chăn nuôi có gồm đầu vào được chứng nhận (theo yêu cầu này), yêu cầu nhà cung cấp thức ăn cung cấp bằng chứng chứng nhận truy xuất nguồn gốc của bên thứ 3 (ví dụ như giấy chứng nhận chuỗi giám sát). 	A. Xem xét chứng cứ và xác nhận sự tuân thủ.				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn	
Ghi chú	[118] Truy xuất nguồn gốc phải ở một mức độ chi tiết cho phép các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi chứng minh sự tuân thủ các yêu cầu trong tài liệu này. Sự tuân thủ sẽ ở dạng tài liệu của bên thứ ba về các chương trình đảm bảo chất lượng và truy xuất nguồn gốc của các thành phần. Yêu cầu này cũng giá định rằng các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi sẽ làm sẵn cho các trang trại một danh sách đầy đủ các thành phần thức ăn và nhận thức được rằng các phần liên quan của báo cáo đánh giá viên có thể được tiết lộ cho các nhà mua bán lẻ mặc dù các nguồn gốc thành phần có thể không được tiết lộ.								
Ghi chú	[119] Tổ Chức Lương Nông của Liên Hiệp Quốc (FAO).								
Tiêu chí 7.2 - Nguồn gốc của các thành phần thức ăn dưới nước và trên mặt đất									
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):						
7.2.1a	<p>Tiêu chuẩn: Khung thời gian cho 100% (cân bằng khối lượng) bột cá và dầu cá được sử dụng trong thức ăn có nguồn gốc từ thủy sản [122] được chứng nhận của một thành viên ISEAL đầy đủ [123] có hướng dẫn cụ thể thúc đẩy phát triển bền vững sinh thái của đánh bắt thủy sản tạp.</p> <p>Yêu cầu: Trong vòng năm năm sau ngày công bố các tiêu chuẩn</p> <p>Áp dụng: Tất cả, sau tháng 3 năm 2019</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 7.2.1b - 100% Bột Cá & Dầu Cá từ Nguồn Gốc Được Chứng Nhận.</p> <p>Các trang trại được yêu cầu có thông tin chi tiết từ các nhà cung cấp thức ăn của họ về nguồn gốc của các sản phẩm thủy sản được sử dụng như thành phần thức ăn. Đó là trách nhiệm của trang trại để có được thông tin liên quan từ nhà cung cấp. Tuy nhiên, ASC công nhận rằng các nhà cung cấp thức ăn sẽ cần một khoảng thời gian để đi vào sự tuân thủ tiêu chuẩn này.</p> <p>Áp dụng: Tiêu chuẩn 7.2.1a có hiệu lực vào tháng 3 năm 2019. Trong thời gian đó, các trang trại có thể chọn lựa để cho thấy sự tuân thủ với một trong hai tiêu chuẩn 7.2.1a hoặc tiêu chuẩn 7.2.1b (họ không bị bắt buộc phải tuân thủ theo cả hai tiêu chuẩn). Nếu một trang trại lựa chọn để tuân thủ 7.2.1b, thì tiêu chuẩn 7.2.1 không được áp dụng và đánh giá viên phải ghi chép sự việc này vào trong báo cáo đánh giá.</p> <p>Lưu ý: các điều khoản bột cá và dầu cá được sử dụng trong hướng dẫn đánh giá này đều áp dụng như nhau đối với các sản phẩm từ thủy sản không xương sống như mực hoặc các loài không phải cá khác.</p>	<p>a. Sở hữu một bản tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn xác định nguồn gốc của tất cả các sản phẩm bột cá và dầu từ biển được sử dụng như thành phần thức ăn (để xác định giống, loài và khu vực thu hoạch). Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho các sản phẩm bột cá và dầu có nguồn gốc từ biển tại trang trại.</p> <p>b. Cung cấp bằng chứng cho thấy các sản phẩm đầu cá và bột cá được sử dụng trong thức ăn là từ các nguồn được chứng nhận phù hợp các tiêu chuẩn của một thành viên ISEAL.</p>	A. Xác nhận trang trại có bản tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn xác định nguồn gốc của tất cả các sản phẩm bột cá và dầu từ biển được sử dụng như thành phần thức ăn (để xác định giống, loài và khu vực thu hoạch).				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
			B. Xem xét bằng chứng và xác nhận sự tuân thủ.				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn	

	<p>Tiêu chuẩn: Điểm FishSource [122] [124] [125], cho (các) thủy sản mà từ đó tối thiểu 80% khối lượng bột cá và dầu cá được lấy (Xem Phụ lục IV, phần phụ 3 dành cho giải thích về chấm điểm FishSource) a. đối với Fishsource Tiêu chí 4 (đánh giá sinh khối sinh sản) b. đối với Fishsource Tiêu chí 1, 2, 3 và 5</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 7.2.1b - Điểm FishSource của các Sản Phẩm Được Sử Dụng trong Thức Ăn Để xác định các điểm FishSource của loài cá được sử dụng như thành phần thức ăn, làm theo sau đây: - đến trang http://www.fishsource.org/ - chọn "Species" thả xuống tab bên trái - chọn loài được sử dụng bởi các trang trại như một nguồn bột cá hoặc dầu cá - xác nhận rằng việc tìm kiếm xác định loài chính xác, sau đó chọn tab trên cùng có ghi "Scores" - Xem lại các điểm để xác minh sự phù hợp.</p> <p>Nếu các kết quả cho thấy các loài không đáp ứng được tất cả các tiêu chí, thì thức ăn không đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn. Nếu các loài chưa được đánh giá (tức là nó không được liệt kê trên trang web của FishSource), thì thức ăn không đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn. Liên hệ với FishSource thông qua Quan Hệ Đối Tác Ngành Cá Bền Vững để xác định loài làm một ưu tiên để đánh giá.</p>						
7.2.1b	<p>Yêu cầu: a. 8 b. 6 hoặc tuân thủ đề nghị thay thế tạm thời 7.1.1c Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Sở hữu bản tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn như đối với tiêu chuẩn 7.2.1a. Nếu các sản phẩm cá bao gồm các sản phẩm không tuân thủ các điểm FS đặt trong yêu cầu này hoặc không là một phần của một Chương trình Cải tiến (IP) theo quy định tại yêu cầu này, bản tuyên bố cũng phải nêu rõ mức tối đa bao gồm các sản phẩm cá không tuân thủ (các tính toán cân bằng khối lượng có thể được sử dụng). Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại trang trại.</p>	A. Xác minh rằng trang trại sở hữu thông tin về thành phần thức ăn.				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
		<p>b. Đối với các trang trại không sử dụng thức ăn có chứa bột cá và dầu cá từ một phần nhà sản xuất của một Chương trình Cải tiến (IP). Cung cấp một điểm FS cho từng loài được sử dụng như một thành phần thức ăn (hoặc cho tất cả các loài ghi trong 7.1.1b.b) trong tất cả các thức ăn được sử dụng bởi các trang trại trong vòng 12 tháng qua. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chăn nuôi chỉ áp dụng cho cá tại trang trại.</p>	B. Xem xét các điểm FS cho các loài được sử dụng trong thức ăn và xác minh sự phù hợp. Kiểm tra chéo đối với các loài được liệt kê trong bảng kê khai nhà cung cấp thức ăn.				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
7.2.1c	<p>Tiêu chuẩn: Thiếu một đánh giá FishSource một thủy sản có thể được tham gia vào một Chương trình Cải tiến. (Dự án Cải tiến Thủy sản minh bạch và công khai (FIP) với báo cáo công khai định kỳ (tham khảo Phụ lục VII)). Yêu cầu: Xem Phụ lục VII cho các chi tiết về tuân thủ Áp dụng: Tất cả</p>	<p>c. Đối với các trang trại sử dụng thức ăn có chứa bột cá và dầu cá từ một phần nhà sản xuất của một Chương trình Cải tiến (IP). Cung cấp bằng chứng (ví dụ như thông tin liên lạc, thỏa thuận, biên bản cuộc họp, v.v) mà các nhà sản xuất bột cá và dầu cá đã tham gia một IP với một kế hoạch làm việc công khai sẵn có và báo cáo tiến độ ít nhất là hàng năm . Một bên tư vấn phải đảm bảo rằng các mốc quan trọng trong Kế hoạch Hành động đang được tuân theo hàng năm và các báo cáo về tiến độ sẽ được thông báo công khai.</p>	C. Xem xét bằng chứng và xác nhận tính chính xác (tuân thủ Phụ lục VII) Một bên tư vấn phải đảm bảo rằng các mốc quan trọng trong Kế hoạch Hành động đang được tuân theo hàng năm và báo cáo về tiến độ sẽ được thông báo công khai.				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
7.2.2	<p>Tiêu chuẩn: Tỷ lệ phần trăm của các thành phần không-từ-biến từ các nguồn được chứng nhận của một chương trình chứng nhận của thành viên ISEAL để nhằm vào sự phát triển bền vững về mặt môi trường và xã hội. Yêu cầu: 80% đối với đậu nành và dầu cọ trong vòng 5 năm kể từ ngày công bố Tiêu chuẩn ASC Tôm. Áp dụng: Tất cả, sau tháng 3 năm 2019</p>	<p>a. Sở hữu một bản tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn xác định tỷ lệ phần trăm của đậu nành và thành phần cọ được chứng nhận bởi một tiêu chuẩn tuân thủ hướng dẫn ISEAL dành cho phát triển bền vững về mặt môi trường và xã hội.</p>	A. Xác nhận trang trại có bản tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn xác định tỷ lệ phần trăm tương ứng của đậu nành và thành phần cọ được chứng nhận cho một tiêu chuẩn tuân thủ ISEAL.				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
		<p>b. Cung cấp bằng chứng cho thấy các sản phẩm đậu nành và dầu cọ được sử dụng trong thức ăn (như được liệt kê trong 7.2.2a) là từ các nguồn được chứng nhận như tuân thủ theo các tiêu chuẩn của một thành viên ISEAL.</p>	B. Xem xét bằng chứng và xác nhận sự tuân thủ. Đánh giá viên phải chứng kiến bản sao giấy chứng nhận cũng như bản tuyên bố về việc tuân thủ của nhà sản xuất thức ăn.				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn

Ghi chú	[122] Yêu cầu này được áp dụng đối với bột cá và đầu cá từ thủy sản tạp và không áp dụng đối với các phế phẩm hoặc phụ phẩm được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi.							
Ghi chú	[123] Chẳng hạn như Hội đồng Quản lý Biển (MSC) khuyến khích các bước tích cực đối với việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của thủy sản đánh bắt.							
Ghi chú	[124] http://www.fishsource.org/							
Ghi chú	[125] Hoặc điểm tương đương bằng cách sử dụng phương pháp tương tự							
Tiêu chí 7.3: Sử dụng các thành phần biến đổi gen (GM) trong thức ăn chăn nuôi								
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):					
		<p>Hướng dẫn cho Khách hàng và Đánh giá viên về Tiêu chuẩn 7.3.1</p> <p>Bảng chứng về sự có mặt hay không có mặt của các thành phần GM trong các thức ăn phải được thu thập bởi các đánh giá viên. Bảng chứng phải bao gồm các công bố và hồ sơ của nhà sản xuất thức ăn và kiểm tra thí nghiệm của một mẫu thức ăn (ví dụ như bằng cách sử dụng các công cụ sinh học phân tử để xác nhận sự có mặt hay không có mặt của GM - theo giới hạn phát hiện và dung sai thường được chấp nhận trong các luật hiện hành). Ba kết luận có thể có khả năng phát sinh, tùy thuộc vào việc thu thập được các bằng chứng rõ ràng về sự có mặt hay không có mặt của các GMO hoặc còn các nghi ngờ trong trường hợp không có các công bố rõ ràng từ các nhà sản xuất thức ăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thức ăn sử dụng được đảm bảo không-GM - Thức ăn sử dụng có chứa các thành phần GM - Thức ăn sử dụng có thể chứa các thành phần GM <p>Các kết luận như vậy từ việc phân tích các bằng chứng cần phải được truyền đạt thông qua các chuỗi giám sát theo cây quyết định trong Tiêu chuẩn.</p>						
7.3.1	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép thức ăn có chứa thành phần biến đổi gen CHỈ KHI thông tin về việc sử dụng các thành phần GM trong thức ăn nuôi tôm sẵn có để dùng cho các nhà bán lẻ và người tiêu dùng cuối cùng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông tin công khai trên các báo cáo đánh giá nếu các thành phần GMO đã được sử dụng trong thức ăn nuôi tôm b. Thông tin công khai nếu các thành phần GMO được sử dụng trong thức ăn nuôi tôm được chứng nhận ASC cho toàn bộ chuỗi cung ứng cho đến nhà bán lẻ. Toàn bộ thông tin công khai trên các báo cáo được đánh giá viên xét duyệt được công bố trên một cơ sở dữ liệu để dùng truy cập trên trang web ASC (nếu có). Cơ sở dữ liệu này phải sẵn có theo yêu cầu của nhà bán lẻ và người tiêu dùng, nếu có. c. Sử dụng các công cụ thông tin nhanh chóng, thích hợp và thân thiện với người dùng để thông báo cho các nhà bán lẻ và người tiêu dùng về tất cả các sản phẩm được chứng nhận. <p>Yêu cầu: Có [132]</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Sở hữu một bản tuyên bố (trên tờ thông tin in sẵn của công ty sản xuất thức ăn) của nhà cung cấp thức ăn xác định tất cả các thành phần thức ăn chiếm hơn 2% của thức ăn (theo như 7.1.1a). Bản tuyên bố phải chỉ rõ tình trạng GMO của từng thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không-GM (Các kết quả thí nghiệm kiểm tra DNA được yêu cầu kèm theo bản tuyên bố của nhà sản xuất thức ăn). - GM - không biết 	<p>A. Xác nhận rằng trang trại có các hồ sơ. Thông tin liên lạc với ASC để thông báo về một cơ sở dữ liệu chuyên dụng.</p>				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
7.3.2	<p>Tiêu chuẩn: Danh sách (Ghi chú) các thành phần thức ăn chăn nuôi không chứa bất kỳ GMO nào.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Những người nuôi sử dụng thức ăn không có GM</p>	<p>a. (theo như 7.3.1a) Sở hữu một bản tuyên bố (trên tờ thông tin in sẵn của công ty) của nhà cung cấp thức ăn xác định tất cả các thành phần thức ăn chiếm hơn 2% của thức ăn. Bản tuyên bố phải cho biết tình trạng GMO của từng thành phần như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không-GM - GM - không biết 	<p>A. Xác nhận rằng trang trại có các báo cáo và rằng không có thành phần nào có tình trạng "GM".</p>				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
	<p>Tiêu chuẩn: Truy xuất nguồn gốc thức ăn Không-GMO bởi nhà sản xuất thức ăn và tại trang trại.</p>	<p>a. Các nhà sản xuất thức ăn phải cung cấp một danh sách cho người nuôi về tất cả các thành phần có khả năng có nguồn gốc GM.</p>	<p>A. Xem xét danh sách và các tài liệu hỗ trợ được lập nên thông qua việc tìm kiếm tài liệu và xác nhận tính chính xác của danh sách bao gồm các giấy chứng nhận Bảo toàn Nhận dạng (IP), nếu sẵn có.</p>				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn

7.3.3	<p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Những người nuôi sử dụng thức ăn không có GM</p>	<p>b. Duy trì các hồ sơ cho biết nguồn gốc (bao gồm nước xuất xứ) của tất cả các thành phần được liệt kê trong 7.3.3a</p>	<p>B. Xác minh sự truy xuất danh sách thành phần ngược về nguồn gốc ban đầu.</p>				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn	
7.3.4	<p>Tiêu chuẩn: Các mẫu lấy ngẫu nhiên bởi đánh giá viên được xét nghiệm âm tính bằng PCR</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Những người nuôi sử dụng thức ăn không có GM</p>	<p>a. Cho phép đánh giá viên lấy mẫu từ các loại thức ăn khác nhau sẵn có tại trang trại.</p>	<p>A. Thu thập các mẫu và nộp cho một phòng thí nghiệm được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc các phòng thí nghiệm được điều hành bởi các trường đại học / cơ quan chính phủ để sử dụng PCR hoặc xét nghiệm phân tử khác có khả năng xác định các sản phẩm biến đổi gen. Xác nhận tình trạng không-GM của các mẫu thức ăn.</p>				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn	
Ghi chú	[132] Được chứng nhận hữu cơ hoặc Không-GMO bởi một tổ chức chứng nhận được công nhận.								
Criterion 7.4: Efficient use of wild fish [136] for fishmeal and oil									
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):						
7.4.1	<p>Tiêu chuẩn: Tỷ Lệ Tương Đương Lượng Cá Lâm Thức Ăn (FFER) [137] L. vannamei và P. monodon</p> <p>Yêu cầu: L. vannamei ≤1.35:1 và P. monodon ≤1.9: 1</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về 7.4.1. FFERm = (% bột cá trong thức ăn x eFCR) / 22.2 Trong trường hợp một trang trại sử dụng các thức ăn khác nhau, một hàm lượng bột cá trung bình được căn phải được tính toán như sau: % bột cá trong thức ăn = [(% bột cá Thức ăn A x số lượng Thức ăn A được sử dụng) + (% bột cá Thức ăn B x số lượng Thức ăn B được sử dụng) + ... + / Tổng số lượng của các Thức ăn A, B+...+]</p> <p>Xin lưu ý rằng các phụ phẩm thủy sản đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững và truy xuất nguồn gốc trong 7.1 và 7.2 không tính trong những tính toán này và do đó có thể được sử dụng để hỗ trợ các nhà sản xuất với việc đạt được tuân thủ.</p>							
		<p>a. Sở hữu (các) bản tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn cho biết tỷ lệ trung bình của bột cá và dầu cá trong từng loại thức ăn được sử dụng. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	<p>A. Xác minh rằng trang trại sở hữu thông tin về tỷ lệ bao gồm của bột cá và dầu cá cho tất cả các loại thức ăn.</p>				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn	
		<p>b. Duy trì các hồ sơ (ví dụ như các biên nhận) cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 chu kỳ sản xuất đầy đủ trên một vùng nuôi (Xem phần mở đầu).</p>	<p>B. Xác minh trang trại lưu giữ các hồ sơ cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch.</p>				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn	
		<p>c. Tính toán FFER trung bình được căn</p>	<p>C. Xem xét các tính toán để xác minh tính chính xác. Xác nhận sự tuân thủ.</p>				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn	
7.4.2a	<p>Tiêu chuẩn: Tỷ Lệ Chuyển Đổi Thức Ăn Kinh Tế (eFCR)</p> <p>Yêu cầu: Các hồ sơ sẵn có</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng và Đánh giá viên về Tiêu chuẩn 7.4.2a eFCR được tính toán cho tất cả các vụ thu hoạch trên thời kỳ 12 tháng qua. eFCR = Thức ăn, Kg hoặc MT / Sản lượng nuôi trồng thủy sản tịnh, Kg hoặc MT (trọng lượng tịnh). Dữ liệu thô của tất cả các đơn vị nuôi phải sẵn có và cần được kiểm tra ngẫu nhiên bởi đánh giá viên trong khi đánh giá.</p>							
		<p>a. Sở hữu các biên nhận và/hoặc tuyên bố từ nhà cung cấp thức ăn cho thấy khối lượng thức ăn được mua. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xem xét các hồ sơ để xác nhận trang trại có các hồ sơ cho tất cả các giống nuôi.</p>				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn	
		<p>b. Duy trì các hồ sơ cho thấy loại thức ăn và tổng trọng lượng được sử dụng.</p>	<p>B. Xác minh rằng trang trại có các hồ sơ đầy đủ và chính xác đối với thức ăn.</p>				NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn	

	Áp dụng: Tất cả	c. Duy trì các hồ sơ (ví dụ như các biên nhận) cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch theo các ao. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	C. Xác minh trang trại lưu giữ các hồ sơ theo các ao cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch.					NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
		d. Tính toán eFCR và sản lượng cho từng vụ thu hoạch trong 12 tháng qua bằng cách sử dụng các công thức được đưa ra trong tiêu chuẩn. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	D. Xem xét tính chính xác và đầy đủ của các tính toán.					NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
		e. Tính toán eFCR trung bình được cân cho chu kỳ sản xuất hoàn chỉnh bằng cách sử dụng các công thức được đưa ra trong tiêu chuẩn.	E. Xem xét tính chính xác của các tính toán.					NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
		Hướng dẫn cho Khách hàng và Đánh giá viên về Tiêu chuẩn 7.4.2b Hiệu quả Sử dụng Protein (PRE) = [% protein trong tôm được thu hoạch / (eFCR x % protein trong thức ăn)] x 100% Trong trường hợp một số công thức thức ăn được sử dụng, hàm lượng protein trung bình được cân cần được tính toán dựa trên số lượng của các thức ăn khác nhau được tiêu thụ trong khoảng thời gian 12 tháng qua.							
7.4.2.b	Tiêu chuẩn: Hiệu quả Sử dụng Protein Yêu cầu: Các hồ sơ sẵn có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì các hồ sơ cho thấy loại thức ăn và số lượng được sử dụng. Yêu cầu này áp dụng cho tất cả các thức ăn được sử dụng trong các vụ nuôi được bao gồm trong tính toán. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	A. Xác minh trang trại có các hồ sơ đầy đủ và chính xác đối với thức ăn được sử dụng.					NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
		b. Sở hữu các tài liệu liên quan của % hàm lượng protein từ các nhà cung cấp thức ăn cho tất cả thức ăn được sử dụng trong các vụ nuôi được bao gồm trong tính toán. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	B. Xác minh trang trại có các tài liệu đối với % protein. Đối với những người sử dụng TN, chuyển đổi protein được thực hiện bằng cách tính toán TN * 6.25. Tài liệu có thể là các nhãn dán trên túi thức ăn hoặc trên bảng công bố hóa đơn thức ăn.					NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
		c. Sử dụng các kết quả 7.4.2.a. và hàm lượng protein cho toàn bộ con tôm được tham chiếu trong tài liệu khoa học để tính toán PRE.	C. Xem xét các tính toán của trang trại. Kiểm tra chéo các hồ sơ mua bán đối với số lượng thức ăn được trang trại báo cáo.					NA	NA. Trang trại nuôi tôm sú quảng canh, không sử dụng thức ăn
Ghi chú	[136] Các phế phẩm thủy sản mà đáp ứng các tiêu chí bền vững và truy xuất nguồn gốc trong 7.1 và 7.2 không tính vào cá tự nhiên sau đây cho các tính toán bột cá và dầu cá và do đó có thể được sử dụng để hỗ trợ các nhà sản xuất trong việc đạt được tuân thủ.								
Ghi chú	[137] Tỷ Lệ Tương Đương Lượng Cá Lầm Thức Ăn (FFER): số lượng cá tự nhiên được sử dụng trên số lượng cá nuôi được sản xuất (x:x).								
Tiêu chí 7.5: Lượng ô nhiễm chứa của dòng chảy									
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):						

		<p>Hướng dẫn cho Khách hàng và Đánh giá viên về Tiêu chuẩn 7.5.1 và 7.5.2</p> <p>Đối với các trang trại hoạt động trên một dòng chảy thông qua hệ thống có xây dựng bằng đất hoặc các đày bằng đất: họ có 2 lựa chọn để tính toán lượng chứa các chất dinh dưỡng. Đối với những trang trại đó để đơn giản hóa phương trình (1) dưới đây có thể được sử dụng và dòng chảy thải được hiệu chỉnh cho các thất thoát chất dinh dưỡng trong trầm tích, không khí và có trong tôm khi thu hoạch. Đối với những trang trại hoạt động trong hệ thống thâm canh với các đày không làm bằng đất (ví dụ như các lớp lót hoặc bê tông), họ phải sử dụng công thức 2 dưới đây vốn chỉ đề ra các lượng chứa chất dinh dưỡng bị phân hủy trong dòng chảy vào và các dòng chảy thải:</p> <p>(1) Lượng N kg/tấn tôm = đầu vào N tính bằng kg x 0.3 / tấn tôm được sản xuất Lượng P kg/tấn tôm = đầu vào P tính bằng kg x 0.2 / tấn tôm được sản xuất Trong đó: Đầu vào NP = kg của các đầu vào NP từ các thức ăn và phân bón NP thức ăn (kg) = (kg Thức ăn 1 được áp dụng) x (% NP chứa trong Thức ăn 1) + (kg Thức ăn 2 được áp dụng) x (% NP chứa trong Thức ăn 2) + v.v... + NP phân bón (kg) = (kg Phân bón 1 được áp dụng) x (% N/P chứa trong Phân bón 1) + (kg Phân bón 2 được áp dụng) x (% NP chứa trong Phân bón 2) + v.v....</p> <p>Các trang trại có kiểm soát việc xả nước thải và thực sự có thể đo lượng nước thải: Lượng NP (kg/tấn tôm) = ((nồng độ NP trong nước thải tính bằng mg/L – nồng độ NP trong nước cung cấp tính bằng mg/L) x trọng lượng nước thải tính bằng m3) / 1000 x tấn tôm được sản xuất</p> <p>(2) Trang trại không thể đo lượng nước thải: Lượng NP (kg/tấn tôm) = (((nồng độ NP trong nước thải tính bằng mg/L – nồng độ NP trong nước cung cấp tính bằng mg/L) x lượng nước ao trong m3 x Số lượng trung bình của chu kỳ sản xuất trên mỗi ao trong 12 tháng) + ((nồng độ nước NP trong ao tính bằng mg/L – nồng độ NP trong nước cung cấp tính bằng mg/L) x lượng nước ao tính bằng m3 x % thay nước trung bình hàng ngày x số lượng trung bình của chu kỳ sản xuất trên mỗi ao trong 12 tháng)) / 1000 x tấn tôm được sản xuất trong 12 tháng</p> <p>Lưu ý: NP là viết tắt của N hoặc P tùy thuộc vào tiêu chuẩn mà công thức áp dụng</p>						
		<p>a. Duy trì các hồ sơ cho tỷ lệ thay nước hàng ngày, bao gồm cả sơ đồ cho thấy dòng chảy chung qua trang trại. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xác minh trang trại lưu giữ các hồ sơ cho thấy tỷ lệ thay nước hàng ngày bao gồm cả sơ đồ cho thấy dòng chảy chung qua trang trại.</p>	C				<p>Nhật ký ao nuôi, ghi chép lượng nước thay cho tất cả các sự kiện thay nước của trang trại. Vs. TD2 ao 1, ngày 01-02-2014, thay 5,000m3 nước Tổng kết từ 01-07-2013 đến 29-07-2014, tổng lượng nước thay: TD2 = 3,479,850m3, TD3 = 2,167,500m3</p>
		<p>b. Duy trì hồ sơ cho thấy loại thức ăn và phân bón và số lượng được sử dụng. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	<p>B. Xác nhận trang trại có các hồ sơ đầy đủ và chính xác đối với thức ăn được sử dụng.</p>				NA	<p>NA. Trang trại không sử dụng thức ăn</p>
	<p>Tiêu chuẩn: Lượng thải Nitrogen trên mỗi tấn tôm được sản xuất trong khoảng thời gian 12 tháng [139].</p>	<p>c. Duy trì hồ sơ (ví dụ như biên nhận) cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	<p>C. Xác minh trang trại lưu giữ các hồ sơ cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch.</p>	C				<p>Biểu mẫu giao nhận tôm, cho mỗi lần thu hoạch, vd TD 2, ao 1, thu hoạch ngày 24-06-2014, thu hoạch 116kgs, kích cỡ 34.2g/con, số lượng: 3,392 con. Bảng tổng kết các thông số ao nuôi khi thu hoạch, tổng kết cho toàn vụ năm 2013-2014, thu hoạch: TD2: 13,646.9 kgs TD3: 12,476.2 kgs</p>
7.5.1	<p>Yêu cầu: Ít hơn 25.2 kg N trên mỗi tấn tôm đối với tôm thẻ chân trắng L. vannamei. Ít hơn 32.4 kg N trên mỗi tấn tôm đối với tôm sú P. monodon.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>d. Các trang trại hoạt động các ao đất với tỷ lệ thay nước hàng ngày là 10% hoặc thấp hơn: Có bằng chứng (hoặc từ nhà sản xuất, từ một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc các phòng thí nghiệm do các cơ quan chính phủ/trường đại học điều hành) cho thấy hàm lượng N trong mỗi thức ăn và phân bón được sử dụng.</p>	<p>D. Xác minh trang trại có bằng chứng.</p>				NA	<p>NA. Trang trại không sử dụng thức ăn</p>

		<p>e. Các trang trại KHÔNG hoạt động các ao đất với tỷ lệ thay nước hàng ngày là 10% hoặc thấp hơn: - Nộp các kết quả của nồng độ N trong nước thải từ một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận đầy đủ tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc các phòng thí nghiệm do các cơ quan chính phủ/trường đại học điều hành. - Nộp các kết quả của nồng độ N trong nước cung cấp từ một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận đầy đủ tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc các phòng thí nghiệm do các cơ quan chính phủ/trường đại học điều hành.</p>	<p>E. Xác nhận phòng thí nghiệm đủ điều kiện thích hợp để kiểm soát việc kiểm nghiệm nước. Xem xét các kết quả kiểm nghiệm.</p>	C			<p>Phiếu kết quả thử nghiệm ngày 30-06-2014 TD2: - Nước cấp: TN = 0.05mg/L, TP = ND - Nước thải: TN = 0.08mg/L, TP = ND TD3 - Nước cấp: TN = 0.00mg/L, TP = ND - Nước thải: TN = 0.07mg/L, TP = ND Kết quả kiểm bởi phòng thí nghiệm được chứng nhận ISO17025 với VILAS 681</p>
		<p>f. Các trang trại KHÔNG hoạt động các ao đất với tỷ lệ thay nước hàng ngày là 10% hoặc thấp hơn: Duy trì các ghi chép về lượng nước lấy vào. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	<p>F. Xác minh trang trại lưu giữ các ghi chép đầy đủ về lượng nước lấy vào.</p>			NA	<p>NA. Trang trại hoạt động ao đất</p>
		<p>g. Trong tình huống mà nó không thực tế cho các trang trại để đo chính xác lượng nước thải (ví dụ như do ngập lụt không thường xuyên theo mùa), các trang trại phải cung cấp một sơ đồ mô tả trang trại và kích thước và trọng lượng của mỗi đơn vị nuôi.</p>	<p>G. Xác minh tính chính xác thông qua quan sát trực tiếp. Đối với các đánh giá lần đầu: đánh giá viên phải kiểm tra chéo tính chính xác của bản đồ trang trại ít nhất 1 ao được chọn ngẫu nhiên bằng cách sử dụng Google Maps, hình ảnh vệ tinh hoặc các phương tiện tương tự (nếu thông tin chi tiết có sẵn).</p>			NA	<p>NA. Trang trại dùng thước đo mực nước, có thể đo được lượng nước thải</p>
		<p>h. Trong tình huống mà nó không thực tế cho các trang trại để đo chính xác lượng nước thải (ví dụ như do ngập lụt không thường xuyên theo mùa), trang trại phải cung cấp một hồ sơ của các sự kiện thả nuôi và thu hoạch trong mỗi đơn vị nuôi và tính toán số trung bình của các chu kỳ sản xuất trên mỗi ao trong 12 tháng</p>	<p>H. Xem xét các hồ sơ và xác minh tính chính xác của tính toán.</p>			NA	<p>NA. Trang trại dùng thước đo mực nước, có thể đo được lượng nước thải</p>
		<p>i. Trong tình huống mà nó không thực tế cho các trang trại để đo chính xác lượng nước thải (ví dụ như do ngập lụt không thường xuyên theo mùa), các trang trại phải nộp các kết quả hàm lượng N trong nước ao từ một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận đầy đủ tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc các phòng thí nghiệm do các cơ quan chính phủ/trường đại học điều hành.</p>	<p>I. Xác nhận phòng thí nghiệm có đủ điều kiện thích hợp để kiểm soát việc kiểm nghiệm nước. Xem xét các kết quả kiểm nghiệm.</p>			NA	<p>NA. Trang trại dùng thước đo mực nước, có thể đo được lượng nước thải</p>
		<p>j. Trong tình huống mà nó không thực tế cho các trang trại để đo chính xác lượng nước thải (ví dụ như do ngập lụt không thường xuyên theo mùa), các trang trại phải cung cấp bằng chứng cho thấy % thay nước trung bình hàng ngày.</p>	<p>J. Xem xét bằng chứng và xác nhận tính chính xác.</p>			NA	<p>NA. Trang trại dùng thước đo mực nước, có thể đo được lượng nước thải</p>
		<p>k. Áp dụng công thức liên quan và tính toán lượng thải N trên mỗi tấn tôm được sản xuất.</p>	<p>K. Xem xét các tính toán của trang trại để xác nhận trang trại tuân thủ theo Yêu cầu.</p>	C			<p>Kết quả tính toán: - TD2: TN = 7.65 kg/tấn tôm thu hoạch. - TD3: TN = 12.16 kgs/tấn tôm thu hoạch Xác nhận lượng thải TN đạt yêu cầu tiêu chuẩn</p>
		<p>a. Duy trì hồ sơ cho thấy loại thức ăn và phân bón và số lượng được sử dụng. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xác nhận trang trại có các hồ sơ đầy đủ và chính xác đối với thức ăn được sử dụng.</p>	C			<p>Nhật ký ao nuôi, ghi chép lượng nước thay cho tất cả các sự kiện thay nước của trang trại. Vs. TD2 ao 1, ngày 01-02-2014, thay 5,000m3 nước Tổng kết từ 01-07-2013 đến 29-07-2014, tổng lượng nước thay: TD2 = 3,479,850m3, TD3 = 2,167,500m3</p>
		<p>b. Duy trì hồ sơ (ví dụ như biên nhận) cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	<p>B. Xác minh trang trại lưu giữ các tài liệu cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch.</p>			NA	<p>NA. Trang trại không sử dụng thức ăn</p>

7.5.2	<p>Tiêu chuẩn: Lượng thải Phốt-phát trên mỗi tấn sản phẩm trong 1 khoảng thời gian 12 tháng.</p> <p>Yêu cầu: Ít hơn 3.9 kg P trên mỗi tấn tôm đối với tôm thẻ chân trắng L. vannamei. Ít hơn 5.4 kg P trên mỗi tấn tôm đối với tôm sú P. monodon.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>c. Các trang trại hoạt động các ao đất với tỷ lệ thay nước hàng ngày là 10% hoặc thấp hơn: Có bằng chứng (hoặc từ nhà sản xuất, từ một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc các phòng thí nghiệm do các cơ quan chính phủ/trường đại học điều hành) cho thấy hàm lượng P trong mỗi thức ăn và phân bón được sử dụng.</p>	C. Xác minh trang trại có bằng chứng.	C			<p>Biểu mẫu giao nhận tôm, cho mỗi lần thu hoạch, vd TD 2, ao 1, thu hoạch ngày 24-06-2014, thu hoạch 116kgs, kích cỡ 34.2g/con, số lượng: 3,392 con. Bảng tổng kết các thông số ao nuôi khi thu hoạch, tổng kết cho toàn vụ năm 2013-2014, thu hoạch: TD2: 13,646.9 kgs TD3: 12,476.2 kgs</p>	
		<p>d. Các trang trại KHÔNG hoạt động các ao đất với tỷ lệ thay nước hàng ngày là 10% hoặc thấp hơn: Có bằng chứng (hoặc từ nhà sản xuất, từ một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc các phòng thí nghiệm do các cơ quan chính phủ/trường đại học điều hành) cho thấy hàm lượng P trong mỗi thức ăn và phân bón được sử dụng.</p>	D. Xác nhận phòng thí nghiệm có đủ điều kiện thích hợp để kiểm soát việc kiểm nghiệm nước. Xem xét các kết quả kiểm nghiệm.				NA	NA. Trang trại không sử dụng thức ăn
		<p>e. Các trang trại KHÔNG hoạt động các ao đất với tỷ lệ thay nước hàng ngày là 10% hoặc thấp hơn: - Nộp các kết quả của nồng độ N trong nước thải từ một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận đầy đủ tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc các phòng thí nghiệm do các cơ quan chính phủ/trường đại học điều hành. - Nộp các kết quả của nồng độ N trong nước cung cấp từ một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận đầy đủ tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc các phòng thí nghiệm do các cơ quan chính phủ/trường đại học điều hành.</p>	E. Xác nhận phòng thí nghiệm đủ điều kiện thích hợp để kiểm soát việc kiểm nghiệm nước. Xem xét các kết quả kiểm nghiệm.			NC-EV8		<p>Phiếu kết quả thử nghiệm ngày 30-06-2014 TD2: - Nước cấp: TP = ND - Nước thải: TP = ND TD3 - Nước cấp: TP = ND - Nước thải: TP = ND Kết quả kiểm bởi phòng thí nghiệm được chứng nhận ISO17025 với VILAS 681. Tuy nhiên kết quả kiểm không ra kết quả cụ thể do ngưỡng phát hiện của phương pháp kiểm cao hơn hàm lượng TP trong nước (0.1mg/L)</p>
		<p>f. Các trang trại KHÔNG hoạt động các ao đất với tỷ lệ thay nước hàng ngày là 10% hoặc thấp hơn: Duy trì các ghi chép về lượng nước lấy vào. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).</p>	F. Xác minh trang trại lưu giữ các ghi chép đầy đủ về lượng nước lấy vào.				NA	NA. Trang trại hoạt động ao đất
		<p>g. Trong tình huống mà nó không thực tế cho các trang trại để đo chính xác lượng nước thải (ví dụ như do ngập lụt không thường xuyên theo mùa), các trang trại phải cung cấp một hồ sơ mô tả trang trại và kích thước và trọng lượng của mỗi đơn vị nuôi.</p>	G. Xác minh tính chính xác thông qua quan sát trực tiếp. Đối với các đánh giá lần đầu: đánh giá viên phải kiểm tra chéo tính chính xác của bản đồ trang trại ít nhất 1 ao được chọn ngẫu nhiên bằng cách sử dụng Google Maps, hình ảnh vệ tinh hoặc các phương tiện tương tự (nếu thông tin chi tiết có sẵn).				NA	NA. Trang trại dùng thước đo mực nước, có thể đo được lượng nước thải
		<p>h. Trong tình huống mà nó không thực tế cho các trang trại để đo chính xác lượng nước thải (ví dụ như do ngập lụt không thường xuyên theo mùa), các trang trại phải cung cấp một hồ sơ của các sự kiện thả nuôi và thu hoạch trong mỗi đơn vị nuôi và tính toán số trung bình của các chu kỳ sản xuất trên mỗi ao trong 12 tháng</p>	H. Xem xét các hồ sơ và xác minh tính chính xác của tính toán.				NA	NA. Trang trại dùng thước đo mực nước, có thể đo được lượng nước thải
		<p>i. Trong tình huống mà nó không thực tế cho các trang trại để đo chính xác lượng nước thải (ví dụ như do ngập lụt không thường xuyên theo mùa), các trang trại phải nộp các kết quả hàm lượng N trong nước ao từ một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận đầy đủ tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc các phòng thí nghiệm do các cơ quan chính phủ/trường đại học điều hành.</p>	I. Xác nhận phòng thí nghiệm có đủ điều kiện thích hợp để kiểm soát việc kiểm nghiệm nước. Xem xét các kết quả kiểm nghiệm.				NA	NA. Trang trại dùng thước đo mực nước, có thể đo được lượng nước thải
		<p>j. Trong tình huống mà nó không thực tế cho các trang trại để đo chính xác lượng nước thải (ví dụ như do ngập lụt không thường xuyên theo mùa), các trang trại phải cung cấp bằng chứng cho thấy % thay nước trung bình hàng ngày.</p>	J. Xem xét bằng chứng và xác nhận tính chính xác.				NA	NA. Trang trại dùng thước đo mực nước, có thể đo được lượng nước thải

		k. Áp dụng công thức liên quan và tính toán lượng thải N trên mỗi tấn tôm được sản xuất.	K. Xem xét các tính toán của trang trại để xác nhận trang trại tuân thủ theo Yêu cầu.				NA	Kết quả phân tích cho thấy hàm lượng TP trong nước thải rất thấp (<0.1mg/L).
7.5.3	<p>Tiêu chuẩn: Có trách nhiệm xử lý và thải bùn và loại bỏ trầm tích ra khỏi các ao và kênh đào</p> <p>Yêu cầu: Không xả hoặc xử lý bùn và trầm tích ra các kênh giao thông đường thủy và vùng ngập nước cộng đồng.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng và Đánh giá viên về Tiêu chuẩn 7.5.3 Các bãi xử lý trầm tích phải được bao quanh bởi bờ bao để tránh dòng chảy, và nếu chúng đang nằm trong khu vực có đất rất thấm hoặc trong một khu vực nước ngọt, chúng phải được lót bằng đất sét hoặc nhựa để tránh sự xâm nhập. Các bờ bao phải cao 0.75m và lớn hơn hai lần khu vực cần thiết cho khối lượng trầm tích được lưu trữ để ít nhất một nửa (0,375 mét) của chiều cao lưu trữ cho lượng mưa phải có sẵn. Số thể tích lưu trữ thêm này phải giữ được lượng mưa từ sự kiện mưa bất thường xét trong 100-năm ở hầu hết các khu vực và ngăn chặn dòng chảy từ các trầm tích được tích trữ.</p>						
		a. Cung cấp một kế hoạch chi tiết về quản lý bùn và trầm tích. Kế hoạch này sẽ đảm bảo rằng không có bùn hoặc trầm tích dưới mọi hình thức được thải trực tiếp vào các vùng nước tiếp nhận hoặc các hệ sinh thái tự nhiên.	A. Xem xét kế hoạch quản lý bùn/ trầm tích của trang trại.	C				Quy trình xử lý bùn ngày 16-06-2012, bùn được nạo vét khi cải tạo ao, và tập trung vào khu chứa bùn tại bờ ao để xử lý
		b. Duy trì các hồ sơ của việc thải bỏ và/hoặc di dời bùn và các trầm tích. Đối với các kiểm toán đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 3 tháng.	B. Xem xét các hồ sơ để xác nhận việc thải bỏ theo kế hoạch.	C				Nhật ký ao nuôi, ghi chép chi tiết các hoạt động xử lý bùn đáy ao, vd. ao 2 ngày 08-07-2013, bơm 149m3 bùn, dùng để gia cố nền nhà
		c. Nếu bùn / trầm tích được chuyển giao cho một bên bên ngoài, phải có một bản tuyên bố từ bên nhận trong đó xác định trọng lượng bùn, ngày giao, và sử dụng dự kiến. Các bên phải công bố rằng bùn sẽ không được thải trực tiếp vào các vùng nước tiếp nhận hoặc các hệ sinh thái tự nhiên.	C. Nếu Có đối với (c), xác nhận trang trại có bằng chứng bằng tài liệu thích hợp.				NA	NA. Bùn không được chuyển cho bên khác
		d. Nếu một chỗ chứa bùn / trầm tích được sử dụng, phải cung cấp một bản đồ cho thấy vị trí của nó trong trang trại hoặc các văn bản cho thấy quyền tiếp cận hợp pháp đến chỗ chứa (hoặc quyền sở hữu hoặc một tuyên bố của chủ trang trại về quyền sử dụng).	D. Nếu Có đối với (d), kiểm tra chỗ chứa bùn trong quá trình viếng thăm tại trang trại.	C				Quy trình xử lý bùn ngày 16-06-2012, bùn được nạo vét khi cải tạo ao, và tập trung vào khu chứa bùn xung quanh trang trại để xử lý. Xem "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số 06089 QSDD thửa số 103, diện tích 54,420m2, và số 00418 QSDD diện tích: 21867m2, tổng diện tích 76,287m2 (TD2), và số 08038 cho diện tích 29,900m2, và số 08039 cho 29,900m2, tổng diện tích: 59,800m2 (TD3), toàn tang trại: 136,087m2, cấp bởi UBND Xã Đất Mới xác nhận trang trại, cho thấy quyền tiếp cận hợp pháp đến chỗ chứa.
		E. Trong cuộc phỏng vấn cộng đồng và công nhân địa phương, xác minh không có bằng chứng cho thấy trang trại thải bùn / trầm tích trực tiếp vào các vùng nước tiếp nhận trên các hệ sinh thái tự nhiên ít nhất là trong 1 năm trước.				NC-EV9	Đánh giá quan sát, trại TD2 có một đoạn bờ ao đắp bùn ướt, có rủi ro về nhiễm bẩn môi trường ao nuôi và khu vực lân cận khi trời mưa.	

7.5.4	<p>Tiêu chuẩn: Xử lý nước thải từ các ao được sục khí cố định.</p> <p>Yêu cầu: Bằng chứng cho thấy tất cả các nước thải đi qua một hệ thống xử lý [139], và nồng độ của các chất rắn lắng trong nước thải <3,3 ml / L [140].</p> <p>Áp dụng: Các trang trại có ao được sục khí cố định.</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng và Đánh giá viên về Tiêu chuẩn 7.5.4</p> <p>Các bể lắng phải được xây dựng theo các thông số kỹ thuật sau: Thời gian duy trì thủy lực (HRT) = chín giờ; (Điều này sẽ tránh cho các bể không bị làm sạch thường xuyên để duy trì một HRT tối thiểu là sáu giờ). Thiết kế của bể phải bao gồm các tính năng kiểm soát làm giảm ăn mòn và rò rỉ (ví dụ như kết cấu đất thích hợp, nền chặt tốt và bao phủ thảm cỏ); Nước vào bể mặt của bể thông qua một đập nước hoặc bơm; Nước ra khỏi bể mặt của bể thông qua một đập nước trên phía đối diện; Nếu bể là hình vuông hoặc gần như vậy, một vách ngăn phải được cung cấp để tránh chấp mạch dòng chảy; Một hệ thống dẫn nước phải được cung cấp để các bể có thể được dọn trống. Các cọc đo phải được đặt ở năm điểm trong bể. Các cọc đo sẽ mở rộng theo chiều cao của mực nước toàn bộ bể. Chúng sẽ được sử dụng để ước tính độ sâu trung bình của trầm tích tích tụ. Độ sâu trầm tích không thể vượt quá một phần tư (25%) của chiều sâu bể ban đầu, được đo bằng khoảng cách từ đỉnh cọc đến bề mặt của trầm tích.</p> <p>Lựa chọn thay thế các bể lắng để xử lý nước thải Các trang trại mà không có đủ không gian cho một bể lắng có thể sử dụng các ao sản xuất liên kế với ao đang được thu hoạch như các bể lắng. Một lựa chọn thay thế khác là sử dụng các kênh đào thoát nước như các bể lắng, ở đó có thể lắp đặt các cửa ngăn trong khoảng không gian giữa hai kênh nằm dưới đáy để giữ lại trầm tích. Việc sử dụng các ao sản xuất và kênh đào thoát nước như các bể lắng cho phép xử lý và tái chế tất cả các nước từ các ao thu hoạch là một thực tế mà Tiêu chuẩn sẽ khuyến khích. Ngoài ra, các dải cỏ, các rãnh thảm thực vật hoặc các vùng đất ngập nước nhân tạo khác có thể được sử dụng để xử lý nước thải ao. Các chất rắn lơ lửng và các chất thải khác được loại bỏ như nước thải đi qua hoặc thông qua các thảm thực vật.</p>				NA	NA. Trang trại không dùng hệ thống sục khí cố định	
		a. Cung cấp một kế hoạch xử lý nước thải chi tiết bao gồm việc tính toán thời gian duy trì thủy lực.	A. Xem xét kế hoạch xử lý nước thải của trang trại.				NA	NA. Trang trại không dùng hệ thống sục khí cố định
		b. Duy trì một bể lắng được quản lý theo các thông số kỹ thuật của yêu cầu này.	B. Trong quá trình viếng thăm tại chỗ, kiểm tra bể lắng hoặc một lựa chọn thay thế phù hợp và xác minh sự phù hợp.				NA	NA. Trang trại không dùng hệ thống sục khí cố định
		c. Duy trì các hồ sơ xả nước từ bể lắng hoặc một lựa chọn thay thế phù hợp. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 3 tháng.	C. Xem xét các hồ sơ để xác nhận quản lý nước thải phù hợp theo kế hoạch.				NA	NA. Trang trại không dùng hệ thống sục khí cố định
		d. Duy trì các hồ sơ đo lường các chất rắn lắng tụ về tất cả các trường hợp xả nước tuân theo các thông số kỹ thuật trong [140]	D. Xem xét tính đầy đủ các hồ sơ và xác minh sự phù hợp.				NA	NA. Trang trại không dùng hệ thống sục khí cố định
		e. Sắp xếp để thực hiện đo lường các chất rắn lắng tụ khi đánh giá viên có mặt ở trang trại.	E. Chứng kiến việc đo lường các chất rắn lắng tụ để xác nhận sự tuân thủ các thủ tục.				NA	NA. Trang trại không dùng hệ thống sục khí cố định
		<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 7.5.5 - Đo Lường Tỷ Lệ Thay Đổi trong Nồng Độ Oxy Hòa Tan Ban Ngày</p> <p>Nồng độ Oxy Hòa Tan (DO) phải được đo trong thủy vực tiếp nhận 0,3 mét bên dưới mặt nước một giờ trước khi mặt trời mọc và hai giờ trước khi mặt trời lặn (nhiệt độ và độ mặn cũng phải được ghi nhận tại thời điểm đo DO). Các giá trị DO phải được thể hiện như là một tỷ lệ phần trăm của độ bão hòa, và sự khác biệt giữa các giá trị lúc mặt trời lặn và mặt trời mọc (biến động DO ban ngày) phải được tính toán. Việc đo lường phải được thực hiện ít nhất hai lần một tháng và có thể được thực hiện thường xuyên như hàng ngày. Trong trường hợp vùng ven bờ biển bị ảnh hưởng bởi thủy triều, ngày phải được chọn sao cho thời gian đo (một giờ trước khi mặt trời mọc và hai giờ trước khi mặt trời lặn) tương ứng với thủy triều cao và thấp, để phân ánh sự thay đổi liên quan đến cơ chế thủy triều. Sự biến động DO ban ngày trung bình hàng năm phải nhỏ hơn 65%. Các trang trại nuôi tôm có thể thải ra các kênh, dòng suối kết nối với các vùng nước mở lớn hơn của một con sông hoặc cửa sông. Địa điểm lấy mẫu cho nồng độ DO trong vùng nước tiếp nhận cho một trang trại cụ thể phải được đặt trong phân khúc của hệ thống nước mà nước thải được xả trực tiếp vào đó. Các điểm lấy mẫu phải nằm bên ngoài khu vực nơi mà việc trộn lẫn chưa xong và nồng độ của một số biến số chất lượng nước thường được nâng lên trên môi trường xung quanh đối với lượng nước tiếp nhận. Các mẫu phải được lấy tại một số điểm ít nhất là 200 mét từ cửa xả, nhưng gần bờ để tránh một tình huống nguy hiểm liên quan đến thu thập mẫu. Trang trại có thể chứng minh rằng nồng độ của tổng N và tổng P trong nước xả thấp hơn trong thủy vực tiếp nhận, hoặc không xả bất kỳ lượng nước nào kể từ khi đánh giá cuối cùng (hoặc trong 12 tháng qua trong trường hợp đánh giá đầu tiên) thông qua việc sử dụng các kỹ thuật tuần hoàn nước, thường được miễn tuân thủ theo tiêu chuẩn này. Trong một số trường hợp, các trang trại có thể không thể xác định một địa điểm thích hợp để lấy mẫu mà nằm 200m dưới cửa xả trang trại (ví dụ như khi sử dụng phương pháp lọc sinh học). Các trang trại như vậy có thể yêu cầu một sự thay đổi (đối với đánh giá viên nếu họ có thể chứng minh rằng các điểm lấy mẫu để theo dõi được đặt tại điểm có thể là đầu tiên trong thủy vực tiếp nhận, nơi mà có một khoảng cách lớn giữa các cửa xả và thủy vực tiếp nhận.</p>						

7.5.5	<p>Tiêu chuẩn: Tỷ lệ phần trăm thay đổi trong nồng độ oxy hòa tan (DO) vào ban ngày so với DO ở trạng thái bão hòa trong thủy vực tiếp nhận [141] đối với độ mặn và nhiệt độ cụ thể của nước.</p> <p>Yêu cầu: ≤ 65%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Cung cấp các số đo DO.	A. Xem xét bộ dữ liệu để xác nhận việc giám sát bao gồm khung thời gian được yêu cầu.	C			Hồ sơ theo dõi biến động DO ngày và đêm, đo DO thủy vực nhận từ 2013-2014, 2 tuần/lần, hồ sơ năm 2014: + TD2: dao động từ 3.1 - 4.9mg/L + TD3: dao động từ 3.0 - 4.9mg/L
		b. Hiệu chỉnh tất cả các thiết bị ở tần số và theo phương pháp được khuyến cáo của nhà sản xuất. Nhiệt độ, độ mặn và độ cao thì phải được điều chỉnh để hiệu chỉnh hoặc tính toán.	B. Xác minh các kỹ thuật viên trang trại hiệu chỉnh thiết bị theo yêu cầu.	C			Đánh giá quan sát, kỹ thuật viên trang trại hiệu chuẩn thiết bị đo phù hợp
		c. Tính phần trăm thay đổi trong DO cho từng ngày theo dõi bằng cách sử dụng phương trình trong Phụ lục D.	C. Xem xét các tính toán để xác nhận tính chính xác.	C			Hồ sơ theo dõi biến động DO ngày và đêm, các lần đo trong năm 2014 biến động %DDO: TD2: vd ngày 17-07-2014., + sáng (4:35am) DO=3.6mg/L; To = 28.7oC; Mặn = 18ppt; bảo hòa: 6.87mg/L
		d. Sử dụng các kết quả 3.2.1.c để tính toán sự thay đổi phần trăm trung bình trong DO trong toàn bộ khoảng thời gian theo dõi 12 tháng. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	D. Xác nhận sự thay đổi tỷ lệ phần trăm trung bình trong DO là ≤ 65%.	C			Hồ sơ theo dõi biến động DO ngày và đêm trung bình toàn thời gian đo, năm 2014 biến động %DDO: TD2: 23.26% TD3: 22.28% Kết quả đo đến ngày đánh giá < 65%
		e. Sắp xếp để lấy số đo DO khi đánh giá viên có mặt ở trang trại.	E. Chứng kiến trang trại đo DO để xác nhận sự tuân thủ các thủ tục. Các giá trị tại chỗ phải nằm trong phạm vi của dữ liệu trang trại cho DO. Nếu một số đo nằm ngoài phạm vi được quan sát, nâng lên thành một điểm không tuân thủ.	C			Đo DO sáng/tối thực tế ngày 30-07-2014, kết quả cho thấy nằm trong khoảng của trang trại đo
Ghi chú	[138] Các trang trại được yêu cầu để xác định lượng thải nitơ và photphat bằng cách sử dụng một dụng cụ trong những phương pháp được mô tả trong Phụ lục VI.						
Ghi chú	[139] Các bể lắng cần phải tuân thủ các đặc điểm được đưa ra trong Phụ lục VI.						
Ghi chú	[140] Nồng độ các chất rắn lắng tụ tại các cửa xả của hệ thống xử lý nước thải phải được đo ở đầu và ở cuối giai đoạn thoát nước ao, khi mà khoảng thời gian đó ít hơn 4 giờ. Đối với các ao thoát nước hơn 4 giờ thì việc giám sát cần được thực hiện trong khoảng thời gian 6 giờ. Đối với các tình huống mà thời gian duy trì trong vài ngày, thì việc giám sát cần được thực hiện tại một thời gian sau khi thu hoạch bằng với thời gian duy trì thủy lực của hệ thống xử lý. Chất rắn lắng tụ được xác định như trọng lượng chất rắn mà lắng xuống đáy của một vật hình nón (hình nón Imhoff) trong 1 giờ. Sử dụng các phương pháp phức tạp hơn như đọc quang phổ cũng được cho phép.						
Ghi chú	[141] được đo tại một điểm ít nhất 200 m dòng chảy xuống từ cửa xả trang trại.						
Tiêu chí 7.6: Hiệu quả năng lượng							
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):				
7.6.1	<p>Tiêu chuẩn: Tiêu thụ năng lượng [142] bởi những nguồn [143] trong một khoảng thời gian 12 tháng.</p> <p>Yêu cầu: Các hồ sơ sẵn có cho tất cả các hoạt động</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chuẩn 7.6.1 and 7.6.2 - Tiêu thụ Năng lượng Trang trại</p> <p>Theo Tiêu chuẩn 7.6.1, trang trại được yêu cầu phải lưu giữ các hồ sơ đối với tổng lượng năng lượng sử dụng có liên quan trực tiếp đến sản xuất tôm. Điều này bao gồm năng lượng sử dụng cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - sục khí nước; - bơm nước; - điều hành văn phòng; và - chuyên chở nội bộ (tức là trên trang trại). <p>Trang trại không cần phải lưu giữ các hồ sơ cho các loại tiêu thụ năng lượng như vận chuyển nhân viên, nguyên vật liệu và tôm đến hoặc đi từ địa điểm trang trại.</p> <p>Theo Tiêu chuẩn 7.6.2, các trang trại được yêu cầu phải tính toán Nhu Cầu Năng Lượng Tích Lũy Hàng Năm (ACED) có trực tiếp liên quan đến sản xuất tôm. Để làm như vậy, các trang trại phải sử dụng các hồ sơ năng lượng được quy định như trên sau khi chuyển đổi các đơn vị sang Joules. Một công cụ chuyển đổi trực tuyến có thể được tìm thấy tại: http://tonto.eia.doe.gov/energyexplained/index.cfm?page=about_energy_conversion_calculator. Như ở trên, tính toán của ACED không bao gồm vận chuyển đến/đi từ trang trại.</p>					

		<p>a. Duy trì một danh sách các hoạt động (ví dụ như sục khí nước, bơm nước, việc vận phòng, chuyển chở nội bộ vv.) được bao gồm trong tính toán tiêu thụ năng lượng.</p>	A. Xem xét tính đầy đủ của danh sách.	C					Có tính tiêu thụ năng lượng cho hoạt động bơm bùn. Danh sách các hoạt động tiêu thụ năng lượng ngày 29-07-2014 sẵn có.
		<p>b. Duy trì các hồ sơ (ví dụ như các biên nhận) của việc tiêu thụ năng lượng trang trại. Tính toán số lượng nhiên liệu và điện năng được sử dụng bởi trang trại trong 12 tháng vừa qua.</p>	B. Xem xét các tính toán. Xác minh trang trại lưu giữ các hồ sơ của việc tiêu thụ năng lượng.	C					Hóa đơn mua dầu diesel, vd. TD2, ngày 16-06-2012 mua dầu DO
7.6.2	<p>Tiêu chuẩn: Nhu Cầu Năng Lượng Tích Lũy Hàng Năm (megajoules/tấn tôm được sản xuất) [144] trong một khoảng thời gian 12 tháng. Yêu cầu: Các hồ sơ sẵn có để xác minh các tính toán. Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Sử dụng các hồ sơ trong 7.6.1b tính Nhu Cầu Năng Lượng Tích Lũy Hàng Năm cho trang trại trên tấn tôm được sản xuất (xác định rằng thời gian tương ứng với trọng tải sản xuất tương đương với cùng thời gian tiêu thụ năng lượng được báo cáo).</p>	A. Xem xét các tính toán. Xác minh trang trại lưu giữ các hồ sơ của việc tiêu thụ năng lượng. Và xác định rằng thời gian sản xuất của trọng tải được sản xuất tương ứng với việc tiêu thụ năng lượng.				NC-EV10		Hồ sơ tính toán năng lượng năm 2013-2014, tổng năng lượng sử dụng: TD2: 5,959 Megajoules TD3: 5,501 Megajoules Chỉ có tính toán năng lượng dầu diesel, chưa tính toán năng lượng điện tiêu thụ của hoạt động thắp sáng trong trang trại
Ghi chú	[142] Chỉ các hoạt động thực hiện tại trang trại được xem xét. Việc vận chuyển nhân viên, nguyên vật liệu và tôm đến và đi từ trại nuôi không được xem xét. Để cho rõ ràng, các trang trại phải bao gồm trong các hồ sơ tiêu thụ năng lượng, gồm có: sục khí nước, bơm nước, việc vận phòng, vận chuyển nội bộ, vv								
Ghi chú	[143] Hồ sơ về số lượng năng lượng được tiêu thụ phải được lưu giữ theo loại nguồn năng lượng: dầu diesel, xăng, khí tự nhiên, điện, vv								
Ghi chú	[144] Để tính toán CED hàng năm, số lượng các nguồn năng lượng khác nhau tích lũy trên 12 tháng và thể hiện trong tất cả các đơn vị khác nhau phải được chuyển đổi sang megajoules. Tổng số từ các nguồn năng lượng khác nhau được thể hiện tính bằng megajoules sau đó được chia cho sản lượng trang trại tính bằng tấn đầu tôm trong cùng khoảng thời gian 12 tháng.								
Tiêu chí 7.7: Xử lý và tiêu hủy các vật liệu nguy hiểm và chất thải									
		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):	Đánh giá của Đánh giá viên (Yêu cầu Hành động của CB):						
7.7.1	<p>Tiêu chuẩn: Lưu trữ an toàn và xử lý các hóa chất và vật liệu nguy hiểm [145]. Yêu cầu: Bảng chứng về các thủ tục có sẵn Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Nhận biết tất cả các hóa chất và các vật liệu nguy hiểm được sử dụng tại trang trại.</p>	A. Trong các quá trình kiểm tra tại chỗ, xác minh rằng danh sách các hóa chất và vật liệu nguy hiểm của trang trại là chính xác.	C					Danh sách hóa chất sử dụng trong trang trại: có vỏ và dây thuốc cá. Đánh giá quan sát tại trại, xác định phù hợp
		<p>b. Chuẩn bị một thủ tục để lưu trữ an toàn và xử lý tất cả các hóa chất và các vật liệu nguy hiểm được sử dụng tại trang trại.</p>	B. Xem xét thủ tục của trang trại. Xác minh sự thực thi trong quá trình đánh giá tại chỗ. .	C					Hướng dẫn an toàn khi sử dụng vỏi ngày 16-06-2012
		<p>c. Đảm bảo lưu trữ an toàn cho tất cả các hóa chất và vật liệu nguy hiểm.</p>	C. Kiểm tra các khu vực lưu trữ để xác minh rằng các hóa chất được lưu trữ an toàn.	C					Đánh giá quan sát, vỏi được lưu trong kho có khóa kín, và có các trang bị bảo hộ khi thao tác
		<p>d. Đảm bảo rằng tất cả các nhân viên được đào tạo về các thủ tục trang trại đối với lưu trữ an toàn và xử lý các hóa chất và vật liệu nguy hiểm.</p>	D. Phỏng vấn nhân viên trang trại để xác minh rằng nhân viên nhận được sự đào tạo và các thủ tục được tuân theo.	C					Hồ sơ tập huấn theo tiêu chuẩn ASC ngày 25-06-2014, có chữ ký của các lao động tham gia. Phỏng vấn nông dân trong trại. xác nhận phù hợp

7.7.2	<p>Tiêu chuẩn: Xử lý và tiêu hủy có trách nhiệm đối với các chất thải dựa theo đánh giá rủi ro và khả năng tái sử dụng.</p> <p>Yêu cầu: Bằng chứng về các thủ tục có sẵn</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 7.7.2 Chất thải phải được quản lý theo các quy định của địa phương nếu có. Trong mọi trường hợp, chất thải phải được quản lý một cách an toàn đối với sức khỏe con người và môi trường xung quanh (đặc biệt là những thủy vực tự nhiên) theo cách tốt nhất có thể, tùy thuộc vào các cơ sở địa phương. Nếu không có các cơ sở vật chất thích hợp để xử lý chất thải trong khu vực, các trang trại nuôi tôm được phép chôn chôn chất thải rắn không nguy hại tại trang trại, miễn là tất cả các biện pháp phòng ngừa đã được thực hiện để ngăn chặn ô nhiễm nguồn nước ngầm và bề mặt xung quanh. Các chất thải vô cơ không được đốt tại trang trại vì có khả năng phát ra các loại khí độc. Các công ty quản lý chất thải được công nhận phải được sử dụng nếu có. Người nuôi tôm phải chứng minh việc sử dụng các giải pháp xử lý có trách nhiệm nhất dựa trên những gì có sẵn tại địa phương. Khi mà có tồn tại các chất thải sinh học nguy hiểm, bao gồm cả bộ phận tôm cắt bỏ đi và tôm chết, chúng phải được quản lý theo một kế hoạch dựa trên các rủi ro có thể xảy ra và các hướng dẫn quốc gia và/hoặc quốc tế nếu có, và các giải pháp phải được xác định đối với việc xử lý các chất thải nguy hiểm không phải sinh học, bao gồm cả các thùng chứa hóa chất và dầu nhờn đã qua sử dụng. Các chất thải có thể tái chế cần phải được xác định và tách riêng tại thời điểm phát sinh. Một số chất thải (ví dụ như các túi thức ăn và hộp nhựa) có thể được tái sử dụng và việc trả chúng về lại cho nhà cung cấp phải được khuyến khích. Khi bán các chất thải có thể tái chế cho một bên thu mua địa phương thì điểm đến cuối cùng của các chất thải phải được xác định. Thu nhập được tạo ra bởi việc bán các chất thải tái chế phải được sử dụng để đưa ra một sự khuyến khích cho nhân viên nhằm phân loại riêng các chất thải và gia tăng lượng tái chế được thực hiện tại trang trại. Nơi các trang trại xây dựng và vận hành các cơ sở làm bãi chôn rác riêng của họ, họ sẽ có thể chứng minh sự tham gia của một chuyên gia thích hợp trong việc thiết kế bãi rác với các đặc trưng chủ yếu tại các khu vực như loại đất, mực nước ngầm, nguy cơ lũ lụt, vv. Máy móc bị hỏng hóc và được tận dụng các phần phụ tùng phải được đặt trong khu vực bãi rác được chỉ định.</p>	C				<p>Chính sách quản lý rác thải ngày 16-07-2012, bao gồm việc xử lý và tiêu hủy có trách nhiệm đối với tất cả các chất thải của trang trại</p>	
		<p>a. Chuẩn bị một kế hoạch quản lý chất thải trang trại dựa trên đánh giá rủi ro và các hướng dẫn quốc gia. Đảm bảo rằng kế hoạch bao gồm việc xử lý và tiêu hủy có trách nhiệm đối với tất cả các chất thải của trang trại.</p>	<p>A. Xem xét kế hoạch quản lý chất thải của trang trại để xác nhận rằng nó giải quyết một cách rõ ràng việc xử lý và tiêu hủy có trách nhiệm đối với tất cả các chất thải của trang trại. Kiểm tra thực hành xử lý tại chỗ của trang trại để xác minh rằng kế hoạch được thực hiện.</p>	C			<p>Đánh giá quan sát trại TD3, có nhiều rác sinh hoạt thải ra môi trường trong và xung quanh trại nuôi.</p>	
		<p>b. Cung cấp bằng chứng cho thấy không có chất thải rắn của người hoặc động vật được thải ra môi trường tự nhiên và chứng minh rằng việc sử dụng các giải pháp xử lý có trách nhiệm nhất dựa trên những gì có sẵn tại địa phương.</p>	<p>B. Kiểm tra trang trại về bất kỳ bằng chứng nào cho thấy chất thải được xả ra môi trường tự nhiên.</p>			NC-EV11	<p>Đánh giá quan sát, thùng rác thải tái chế và không tái chế được tách biệt</p>	
		<p>c. Chứng minh rằng trang trại phân tách và tái chế chất thải ở bất cứ nơi nào có thể (ví dụ như túi thức ăn và hộp nhựa).</p>	<p>C. Kiểm tra trang trại về bất kỳ bằng chứng nào cho thấy trang trại phân tách và tái chế chất thải.</p>	C				
Ghi chú	<p>[145] Các vách bảo vệ (tường và sàn chống thấm nước) được xây dựng xung quanh các thùng chứa dầu hoặc các chất lỏng nguy hiểm khác để chứa chúng trong trường hợp có vụ đổ/tràn phải được xây dựng xung quanh các thùng chứa để chứa bất kỳ sự cố tràn ra. Vách bảo vệ phải được chống thấm nước, với công suất 110% trong lượng vật liệu được lưu trữ, và không cần phải có bất kỳ công rãnh nào (nước mưa cần phải được bơm hoặc hút ra định kỳ). Các hóa chất khô phải được bảo vệ khỏi bị độ ẩm bên trong tòa nhà. Tất cả các thùng chứa hoá chất lỏng phải đóng kín. Việc tiếp cận đến tất cả các hóa chất nên được giới hạn cho người có thẩm quyền.</p>							
NGUYÊN TẮC 3: PHÁT TRIỂN VÀ ĐIỀU HÀNH TRANG TRẠI CÓ SỰ CÂN NHẮC ĐẾN CÁC CỘNG ĐỒNG XUNG QUANH [50][51]				C	Major NC	Minor NC	NA	
<p><i>Tiêu chí 3.1: Tất cả các tác động đối với cộng đồng xung quanh, người sử dụng hệ sinh thái và người chủ sở hữu đất được giải thích và được, hoặc sẽ được, đàm phán một cách công khai và có trách nhiệm</i></p>								
Tiêu chí Tuần thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):								
3.1.1	<p>Tiêu chuẩn: Chủ trang trại phải ủy thác hoặc thực hiện một Đánh Giá Tác Động Xã Hội có sự tham gia (p-SIA) [52] và phổ biến công khai các kết quả và tác động bằng ngôn ngữ địa phương thích hợp. Chính quyền địa phương và ít nhất một tổ chức xã hội dân quyền do cộng đồng lựa chọn phải có một bản sao của tài liệu này. Quy trình và tài liệu p-SIA bao gồm một phân tích tác động và rủi ro có sự tham gia (chia sẻ) với các cộng đồng xung quanh và các bên liên quan [53]. Các yếu tố có sự tham gia (phản ánh và phản hồi của cộng đồng) được bao gồm rõ ràng trong báo cáo. Kết quả như đã thảo luận</p>	<p>a. Cung cấp một p-SIA bao gồm tất cả các mục được báo cáo tại Phụ lục II. Đối với các trang trại quy mô lớn (ví dụ như các doanh nghiệp hợp nhất theo chiều dọc), p-SIA phải được ủy thác cho các chuyên gia chuyên nghiệp. Một p-SIA mới cần được tiến hành ít nhất 3 năm một lần. > Chuẩn bị trước đánh giá bao gồm việc liên lạc với các bên liên quan được cung cấp bởi trang trại và cả tổ chức phi chính phủ hoặc công đoàn và chính quyền địa phương. > Phép đo tam giác được áp dụng như kỹ thuật đánh giá: việc xác minh các báo cáo và quá trình p-SIA bao gồm ít nhất một người được phỏng vấn chọn ngẫu nhiên từ danh sách các bên liên quan cộng đồng do trang trại cung cấp, và một người từ tổ chức địa phương mà trang trại bao gồm trong quá trình p-SIA, và một người do cơ quan đánh giá xác định là tổ chức địa phương mà có thể được cho rằng biết về khu vực.</p>	C			<p>pSIA được thực hiện và hoàn tất trong tháng 06-2014 bởi Công ty Tư Vấn GQS, báo cáo tuân thủ theo các bước được nêu tại Phụ lục II; Phỏng vấn cộng đồng địa phương, báo cáo có sẵn tại chính quyền địa phương Xã Đất Mới, và các tổ chức cộng đồng vd. Hội nông dân, cộng đồng ấp Cây Thờ; Phụ lục báo cáo liệt kê ngày họp và tên của người tham gia, bao gồm 2 cuộc họp. Xem biên bản các cuộc họp pSIA ngày 21-04-2014 có 15 người tham gia, cuộc họp ngày 06-06-2014 có 20 người tham gia, kết hợp với đánh giá p-BEIA</p>		

	<p>trong các tài liệu quy trình của trại trại giữa trang trại và cộng đồng xung quanh về cách quản lý rủi ro và tác động được bao gồm trong báo cáo.</p> <p>Yêu cầu: Báo cáo p-SIA tuân thủ theo các bước được nêu tại Phụ lục II; có sẵn tại chính quyền địa phương, cộng đồng và thông qua các tổ chức dân quyền được cộng đồng lựa chọn; và báo cáo liệt kê ngày họp và tên của người tham gia.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>b. Đối với các trang trại quy mô lớn, cung cấp bằng chứng về kinh nghiệm của các chuyên gia chuyên nghiệp được ủy thác. Xác minh CV hoặc lý lịch và các tư vấn có sự tham gia trước đó của chuyên gia chuyên nghiệp được ủy thác để thực hiện P-SIA.</p>	C				<p>pSIA được thực hiện và hoàn tất trong tháng 06-2014 bởi Công ty Tư Vấn GQS, chủ trì bởi Thạch Sĩ - Nguyễn Đăng Hồng Ngọc</p>
Ghi chú	<p>[50] Cộng đồng: Một nhóm người có thể có các đặc điểm khác nhau liên kết với nhau bằng các ràng buộc xã hội, chia sẻ quan điểm chung, và gắn kết với nhau do các cam kết tập thể trong một khu vực giới hạn về địa lý. Có 4 tiêu chuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trang trại xã hội được tổ chức theo hình thức nhỏ (thị trấn, thôn, xóm) công nhận một đại diện duy nhất (lãnh đạo, chính thức hoặc không chính thức). - Những người bên trong một khu vực giới hạn về địa lý; đủ nhỏ để cho phép sự tương tác mật độ như là hình thức liên lạc chính giữa các cá nhân trong nhóm. - Có một lợi ích chung hay một sự quan tâm chung và nhận ra điều đó, và được công nhận là có điều đó. - Ý thức về bản sắc và đặc điểm chung (cảm giác "chúng tôi" với "họ") trên cả hai / hoặc các lý do xã hội, văn hóa, kinh tế, dân tộc. 						
Ghi chú	<p>[51] Nguyên tắc này có gắng làm giảm thiểu sự bất công hay bất ổn trong các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động nuôi tôm. Các yêu cầu thừa nhận rằng chỉ có thể có công bằng xã hội ở những điểm mà khuôn khổ pháp lý và kết quả thương lượng cho phép. Tuy nhiên, Ban Chỉ Đạo Toàn Cầu (GSC) tin tưởng rằng tiêu chuẩn này đại diện cho một sự cải tiến đáng kể từ thực tế xã hội trong quá khứ và hiện tại, và sẽ tìm cách tiếp tục củng cố chúng. GSC đã lấy các tiêu chuẩn bền vững xã hội của Tiêu chuẩn ASC Tôm làm chuẩn dựa trên các giao ước và hiệp định cộng đồng quốc tế chấp nhận rộng rãi, chẳng hạn như công bố của Liên Hợp Quốc về Nhân Quyền, Quyền Phát Triển, Tuyên bố của Liên Hợp Quốc về Quyền của Người dân Bản địa (IPRA), Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, và các công ước cốt yếu của ILO. Ví dụ về các giao ước với khu vực tư nhân bao gồm: Hướng dẫn của OECD cho các tập đoàn đa quốc gia, Hiệp ước Toàn cầu LHQ về Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp và ISO 26000. Một điểm chuẩn chi tiết hơn nữa được thiết lập bởi sự tồn tại và phát triển các giao ước trong Sáng kiến Nhiều bên liên quan tham gia như Hội nghị bàn tròn về Dầu cọ Bền vững, Quy tắc ứng xử Hợp tác về Trà, Hội đồng Quản lý Rừng và các tiêu chuẩn như SA8000 và ETI. Xem Phụ lục II để hiểu biết thêm.</p>						
Ghi chú	<p>[52] Đánh giá Tác động Xã hội có sự tham gia (p-SIA): Việc đánh giá các kết quả tích cực và tiêu cực và những rủi ro của các dự án đã lên kế hoạch hoặc đang diễn ra (ở đây là một trang trại hoặc trang trại đang xây dựng) được thực hiện theo cách sao cho tất cả các nhóm chủ thể liên quan được tham gia vào tiến trình, các kết quả, và tác động của đánh giá này, và các bước thực hiện và thông tin thu thập được phải công khai và tất cả mọi người có thể tiếp cận được. Xem Phụ lục II.</p>						
Ghi chú	<p>[53] Định nghĩa Các bên liên quan: Một người, nhóm, hoặc tổ chức có góp phần trực tiếp hoặc gián tiếp trong một tổ chức vì nó có thể gây ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi hành động, mục tiêu và chính sách của tổ chức.</p>						
<p>Tiêu chí 3.2: Khiếu nại của các bên liên quan bị ảnh hưởng đang được giải quyết</p>							
		<p>Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):</p>					
3.2.1	<p>Tiêu chuẩn: Các chủ trang trại sẽ phát triển và áp dụng một chính sách giải quyết xung đột có thể xác minh được cho cộng đồng địa phương. Các chính sách phải đề cập đến cách làm thế nào xung đột được xác định trong p-SIA và cách các khiếu nại mới sẽ được theo dõi một cách minh bạch, làm thế nào hòa giải của bên thứ ba có thể là một phần của quy trình này và giải thích làm thế nào để phân hồi cho tất cả các khiếu nại nhận được. Các hợp thư khiếu nại, sổ ghi khiếu nại và biên nhận xác nhận đơn khiếu nại (bằng ngôn ngữ địa phương) được sử dụng.</p> <p>Yêu cầu: Toàn bộ</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Chuẩn bị và đảm bảo việc áp dụng một chính sách giải quyết xung đột cho các cộng đồng địa phương. Xác minh rằng chính sách giải quyết xung đột theo dõi và xử lý tất cả các khiếu nại được xác định bởi P-SIA.</p>	C				<p>Chính sách giải quyết xung đột cộng đồng, ngày 03-07-2014, bao gồm giải quyết xung đột theo dõi và xử lý tất cả các khiếu nại được xác định bởi P-SIA</p>
		<p>b. Duy trì các hồ sơ của tất cả những người đã nhận được bản sao của chính sách và cả tổ chức phi chính phủ địa phương hoặc Công đoàn và chính quyền địa phương. Các phương pháp trao đổi tài liệu với các bên liên quan phải chứng minh rằng các kênh truyền thông là có hiệu quả, chứ không phải là phân bổ quy định của một thủ tục giải quyết xung đột.</p>	C				<p>Phụ lục p-SIA liệt kê danh sách các cá nhân, tổ chức nhận được bản sao của chính sách. Phòng vấn cộng đồng địa phương, chính sách giải quyết xung đột của trại, nằm trong báo cáo p-SIA có sẵn tại chính quyền địa phương Xã Đất Mới, và các tổ chức cộng đồng vd. Hội nông dân, cộng đồng ấp Cây Thờ</p>
		<p>c. Duy trì các ghi chép của cuộc họp (ít nhất hai lần mỗi năm) được tổ chức với các cộng đồng địa phương để xác định và giải quyết xung đột. Các ghi chép phải bao gồm danh sách các thành viên tham gia, chương trình cuộc họp và kế hoạch hành động được thống nhất và biên bản tóm tắt. Đối với các đánh giá lần đầu, các hồ sơ phải bao gồm ít nhất một cuộc họp (điều này có thể là một phần của quy trình p-SIA nếu p-SIA được tiến hành dưới 6 tháng trước khi đánh giá).</p>	C				<p>Tất cả các biên bản họp được lưu giữ. Xem biên bản các cuộc họp pSIA ngày 21-04-2014 có 15 người tham gia, cuộc họp ngày 06-06-2014 có 20 người tham gia</p>

3.2.2	<p>Tiêu chuẩn: Khu vực xung đột [54] hoặc tranh chấp được lập hồ sơ và chia sẻ trong trang trại, chính quyền địa phương và các đại diện cộng đồng xung quanh. Ít nhất 50% các xung đột phải được giải quyết [55] trong vòng một năm kể từ ngày được nộp, và tổng cộng 75% trong khoảng thời gian giữa hai cuộc đánh giá kế tiếp.</p> <p>Yêu cầu: Toàn bộ</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Duy trì một sổ ghi các khiếu nại, xác định rõ ràng những khiếu nại gì đã được giải quyết và ngày giải quyết. Xác minh việc áp dụng chính sách (bảng văn bản hoặc bằng miệng) với ít nhất một người khiếu nại. Kiểm tra tài liệu về tất cả các hành động được thực hiện để phản hồi cho các khiếu nại. Và xác minh với ít nhất một người tham gia về tính chính xác của biên bản cuộc họp, chương trình cuộc họp, các thỏa thuận, các hành động.	C				Sổ theo dõi khiếu nại, xung đột. Điền ngày đánh giá, không có xung đột nào được ghi nhận	
		b. Duy trì các biên bản của các cuộc họp cộng đồng cho thấy các vấn đề được thảo luận và các vấn đề được giải quyết.	C			Tất cả các biên bản họp được lưu giữ. Xem biên bản các cuộc họp pSIA ngày 21-04-2014 có 15 người tham gia, cuộc họp ngày 06-06-2014 có 20 người tham gia. Nội dung biên bản cho thấy các vấn đề được thảo luận.		
		c. Duy trì các biên bản của các cuộc họp chính quyền địa phương và đại diện cộng đồng (nếu áp dụng) cho thấy các vấn đề được thảo luận.	C			Xem biên bản các cuộc họp pSIA ngày 21-04-2014 có 15 người tham gia, cuộc họp ngày 06-06-2014 có 20 người tham gia. Các cuộc họp này đều có đại diện Hội Nông Dân, Phòng Nông Nghiệp và UBND Xã Đất Mới tham gia		
Ghi chú	<p>[54] Các xung đột, theo mục đích của tiêu chuẩn này, là các tình huống trong đó một bên nhận thấy sự cản trở trong lợi ích hợp pháp gây ra do những hành động của một bên khác hoặc do không có các hành động. Một bên là chủ trang trại hoặc người quản lý trang trại. Bên kia là cả một cộng đồng xung quanh hoặc một nhóm các bên liên quan trong cộng đồng. Các xung đột, theo mục đích của tiêu chuẩn này, không bao gồm các khiếu nại bởi các cá nhân đơn lẻ, trừ khi được xác minh / hỗ trợ bởi một nhà lãnh đạo cộng đồng hoặc tổ chức cộng đồng. Trang trại có thể không nhất thiết là có lỗi nếu các xung đột phát sinh, nhưng trang trại phải thực hiện có trách nhiệm để tránh bất kỳ tổn hại nào đến lợi ích hợp pháp của người dân trong cộng đồng xung quanh. "Có trách nhiệm" là nỗ lực được thực hiện bởi một bên cần trong hoặc biết điều theo lẽ thông thường để tránh gây thiệt hại cho một bên khác. Quá trình giải quyết được lập hồ sơ và các biên bản cuộc họp được lưu giữ. Các biên bản bao gồm một chương trình cuộc họp, danh sách các vấn đề phát sinh, cách giải quyết hoặc thỏa thuận đạt được, một danh sách những người phải thực hiện hành động gì và khi nào, và một danh sách những người tham gia. Chính quyền địa phương và ít nhất một tổ chức xã hội dân quyền (nếu có) hoặc một tổ chức theo thống lệ do cộng đồng lựa chọn phải có quyền tham gia vào quá trình giải quyết xung đột và lập hồ sơ.</p>							
Ghi chú	<p>[55] Một xung đột được coi là đã giải quyết nếu cả hai bên trong quá trình đàm phán đã đồng ý để nó ra khỏi chương trình cuộc họp (trong điều khoản của tiêu chuẩn này: nếu cả hai bên chấp nhận sự hòa giải bên ngoài và / hoặc một phán quyết pháp lý thì khi đó xung đột được coi là đã giải quyết bất kể trung gian hòa giải hoặc quyết định pháp lý đã được thực hiện hay chưa).</p>							
<p>Tiêu chí 3.3: Minh bạch trong việc tạo cơ hội việc làm trong cộng đồng địa phương [56]</p>								
		Tiêu chí Tuần thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):						
3.3.1	<p>Tiêu chuẩn: Các trang trại phải dẫn chứng bằng tài liệu bằng chứng của việc thông báo các vị trí tuyển dụng cho những người sống trong phạm vi có thể đi làm hàng ngày đến trang trại trước khi họ thuê người không thể đi làm hàng ngày từ nhà đến trang trại [57].</p> <p>Yêu cầu: Chứng cứ của các thông báo tuyển dụng có thể ngày ở các thôn làng xung quanh, bằng các phương tiện gồm cá/hoặc bằng hướng dẫn, bằng quảng cáo, hoặc mẫu quảng cáo trên tạp chí hoặc báo chí địa phương.</p> <p>Áp dụng: Trang trại vừa và lớn: những người thuê nhiều hơn một công nhân thường trực, không phải công nhân địa phương.</p>	a. Cung cấp bằng chứng của việc thông báo ở địa phương về các vị trí công việc được thuê mà nhân viên ở vị trí đó đến từ một địa điểm khác ngoài khu vực địa điểm của trang trại. Có thể được xác minh trong các cuộc phỏng vấn với các công nhân.	C				Trang trại hiện tại sử dụng lao động thuê. Trang trại chuẩn bị sẵn Mẫu thông báo tuyển dụng để sử dụng khi có nhu cầu tuyển dụng từ địa phương	
		b. Trình bày một danh sách gồm có tên, địa chỉ và số liên lạc của tất cả những người người được tham khảo ý kiến để thông báo vị trí tuyển dụng trong cộng đồng địa phương. Có thể được xác minh trong các cuộc phỏng vấn với các công nhân.				NA	NA. Trang trại không tuyển dụng lao động	

3.3.2	<p>Tiêu chuẩn: Các lý do giải thích cho việc tuyển dụng của từng công nhân cần có sẵn, và được dựa trên hồ sơ và năng lực (kỹ năng, kinh nghiệm hoặc sơ yếu lý lịch trong trường hợp thuê công nhân nhập cư).</p>	a. Duy trì sổ đăng ký nhân viên chỉ ra cả nơi xuất xứ.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
	<p>Yêu cầu: Các ghi chép bằng văn bản có đề ngày về các hồ sơ xin việc và các buổi phỏng vấn với các ứng viên, bao gồm việc chỉ ra họ đến từ cộng đồng bên ngoài hay từ khu vực địa phương. Các ghi chép phải chỉ ra nguyên nhân thành công hay thất bại của các ứng viên. Tên và chi tiết liên lạc của các ứng viên có thể xác minh được.</p>	b. Cung cấp các ghi chép có đề ngày về các hồ sơ xin việc và các buổi phỏng vấn. Có thể được xác minh trong các phỏng vấn với các công nhân.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
	<p>Áp dụng: Trang trại quy mô vừa và lớn: những người thuê nhiều hơn một công nhân thường trực, không phải công nhân địa phương.</p>	c. Cung cấp một bản giải trình bằng văn bản cho việc thuê các công nhân bên ngoài cộng đồng địa phương.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
Ghi chú	[56] Chỉ yêu cầu cho các trang trại quy mô vừa và lớn: những người thuê nhiều hơn một công nhân thường trực, không phải công nhân địa phương.						
Ghi chú	[57] Không áp dụng nếu trang trại được tìm thấy là thuê >50% nhân viên địa phương.						
Tiêu chí 3.4: Các thỏa thuận hợp đồng canh tác [58] (nếu có) phải công bằng và minh bạch đối với người nuôi theo hợp đồng							
Tiêu chí Tuần thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):							
3.4.1	<p>Tiêu chuẩn: Các thỏa thuận hợp đồng bằng văn bản</p> <p>Yêu cầu: Các hợp đồng được viết bằng một ngôn ngữ phù hợp [59], và các bản sao hai bên cùng ký tên và cả hai bên đều giữ.</p> <p>Áp dụng: Các nhà sản xuất thực hiện hợp đồng canh tác</p>	a. Đảm bảo rằng tất cả các trang trại được ký hợp đồng có bản sao của các hợp đồng bằng ngôn ngữ thích hợp và các bản sao đối bên cùng ký thì có sẵn cho cả hai bên (ví dụ như bên giao hợp đồng và bên nhận hợp đồng).				C	<p>Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HDHTDT/2012 ngày 01-08-2012, ký giữa Công ty Thanh Đoàn và chủ trang trại TD2 và TD3.</p> <p>Hợp đồng được lập 2 bản, Ông Lê Chí Cường, Ông Trần Hoàng Dũng giữ 1 bản, có công chứng của chính quyền địa phương - UBND Xã Đất Mới.</p> <p>Hợp đồng được viết bằng tiếng Việt</p>
3.4.2	<p>Tiêu chuẩn: Các điều khoản hợp đồng</p> <p>Yêu cầu: Các hợp đồng tuân thủ theo Phụ lục III (phần A) về nội dung các điều khoản cơ bản để đảm bảo rằng các điều kiện của các thỏa thuận được thống nhất lẫn nhau.</p> <p>Áp dụng: Các nhà sản xuất thực hiện hợp đồng canh tác</p>	a. Đảm bảo rằng tất cả các hợp đồng trang trại tuân thủ theo các yêu cầu của Phụ lục III. Ngoài ra, kiểm tra với các công nhân đang làm việc cho bên nhỏ hơn theo mối quan hệ trong hợp đồng để xác minh việc áp dụng các điều kiện được hợp đồng.				C	<p>Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HDHTDT/2012 ngày 01-08-2012, ký giữa Công ty Thanh Đoàn và chủ trang trại Mr. Lê Chí Cường (TD2) and Mr. Trần Hoàng Dũng (TD3)</p> <p>Kiểm tra chéo nội dung hợp đồng với Phụ lục III của tiêu chuẩn, cho thấy phù hợp</p>

3.4.3	<p>Tiêu chuẩn: Minh bạch và công khai trong các đàm phán</p> <p>Yêu cầu: Các cuộc họp giữa bên mua và người nuôi theo hợp đồng để thảo luận và đàm phán các thỏa thuận được tổ chức ít nhất mỗi năm hai lần và được lập văn bản. Các cuộc họp có sự tham gia của ít nhất 3 đại diện của nhóm trang trại hoặc hợp tác xã. Tất cả các thành viên có đóng góp cho hợp đồng cung cấp phải ký vào thỏa thuận của họ đối với các điều khoản đã được đàm phán.</p> <p>Áp dụng: Các nhà sản xuất thực hiện hợp đồng canh tác</p>	a. Duy trì các biên bản của các cuộc họp có ít nhất 3 đại diện của những người nuôi được ký hợp đồng cho thấy các vấn đề được thảo luận.	C				<p>Công ty Thanh Đoàn và chủ trang trại Thanh Đoàn 1 tổ chức họp 6 tháng/lần</p> <p>Biên bản cuộc họp được lập chi tiết các nội dung thảo luận, cuộc họp gần nhất là ngày 02-04-2014.</p> <p>Mỗi tháng Mr. Đặng Văn Ut đại diện công ty viếng thăm trang trại định kỳ 2 lần để giải quyết các vấn đề của trang trại.</p> <p>Phòng vấn Ông Dã Văn Đoàn, ông xác nhận không có vấn đề xung đột nào cho đến ngày đánh giá</p>
Ghi chú	<p>[58] Hợp đồng canh tác: Hợp đồng canh tác có thể được định nghĩa là một thỏa thuận giữa những người nuôi và các công ty tiếp thị và/hoặc công ty chế biến để sản xuất và cung cấp các sản phẩm nông nghiệp theo các thỏa thuận một cách thường xuyên với các mức giá đã định trước. Các thỏa thuận lúc nào cũng bao gồm việc bên mua cung cấp một mức độ hỗ trợ sản xuất, ví dụ như thông qua cung cấp các đầu vào và cung cấp tư vấn kỹ thuật. Cơ sở cho các thỏa thuận đó là một cam kết trên một phần của người nông dân để cung cấp một mặt hàng cụ thể về số lượng và ở các tiêu chuẩn chất lượng được xác định bởi người mua và một cam kết trên một phần của công ty để hỗ trợ sản xuất của người nuôi và mua hàng hóa " (FAO).</p>						
Ghi chú	<p>[59] Ngôn ngữ chung cho tất cả các bên ký hợp đồng. Hợp đồng phải được dịch nếu cần.</p>						
NGUYÊN TẮC 4: ĐIỀU HÀNH CÁC TRANG TRẠI VỚI CÁC THỰC HÀNH LAO ĐỘNG CÓ TRÁCH NHIỆM [60]			C	Major NC	Minor NC	NA	
<p><i>Tiêu chí 4.1: Lao động trẻ em và công nhân vị thành niên [62]</i></p>							
Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):							
4.1.1.	<p>Tiêu chuẩn: Tuổi nhỏ nhất của các công nhân được thuê [61]</p> <p>Yêu cầu: 18 tuổi</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.1.1</p> <p>Yêu cầu này không áp dụng đối với trẻ em của các trang trại vốn được phép làm bán thời gian, miễn là chúng lớn hơn độ tuổi tối thiểu pháp luật quy định cho làm việc, công việc không gây ảnh hưởng việc học ở trường và chúng không liên quan đến công việc nguy hiểm [65] (làm việc ở gần các ao hồ trừ khi có sự giám sát thường xuyên của công nhân trưởng thành người có khả năng bồi lợi, công việc ở gần các chất có khả năng gây nguy hiểm hoặc dễ gây dị ứng, việc khuôn vác nặng không cân xứng với kích thước cơ thể của một người, việc vận hành thiết bị máy móc nặng và làm việc các ca đêm).</p> <p>a. Duy trì một danh sách tất cả các nhân viên được thuê trong trang trại cho biết ngày sinh. > xác minh danh sách nhân viên về độ tuổi và tiêu chuẩn (hoặc thẻ căn cước) trong đó xác định được điều này. > xác minh ngày bắt đầu làm việc. > xác minh bản tuyên bố chính sách lao động trẻ em. > sử dụng quan sát tại chỗ và các phỏng vấn ngẫu nhiên với các công nhân.</p> <p>b. Duy trì các bản sao thẻ căn cước chính thức của tất cả nhân viên được liệt kê cho thấy ngày sinh.</p> <p>c. Đảm bảo rằng không có nhân viên nào nhỏ hơn 18 tuổi (dùng ngày sinh để tính độ tuổi chính xác), xem Ghi chú.</p> <p>d. Cung cấp một công bố cho thấy trang trại chống lại lao động trẻ em và sẽ không thuê bất cứ ai nhỏ hơn 18 tuổi. Các thủ tục tuyển dụng cho trang trại cho thấy việc tuyển dụng sẽ không được đề nghị cho các cá nhân dưới 18 tuổi.</p>					
						NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
						NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
						NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
						NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
Ghi chú	<p>[60] Vui lòng lưu ý rằng nhiều nước có các luật quốc gia giải quyết các vấn đề lao động một cách sâu sắc và nghiêm khắc, tuy nhiên điều này không phù hợp với bối cảnh toàn cầu. Việc giải quyết các vấn đề then chốt này trong nuôi trồng thủy sản là quan trọng, dựa vào các hàm ý quyền lợi quan trọng của con người và các quyền lợi xã hội được chứng minh của các tiêu chuẩn lao động liên quan đến tình trạng nghèo đói, sự phát triển kinh tế bền vững, sự cai quản tốt và sự ổn định chính trị. Các yêu cầu lao động trong tài liệu này giúp đảm bảo tất cả hoạt động nuôi trồng thủy sản được chứng nhận đối với Tiêu chuẩn ASC Tóm được dựa theo các nguyên tắc chính của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO): quyền tự do liên hiệp, quyền thỏa ước tập thể, lệnh cấm lao động bị cưỡng bức, lệnh cấm lao động trẻ em, và quyền không phân biệt đối xử, cũng như những yếu tố khác được xem xét là những quyền cơ bản trong công việc: tiền lương và giờ làm việc công bằng, điều kiện sức khỏe và an toàn đúng đắn, và thi hành kỷ luật không lạm dụng. Trách nhiệm Xã hội Quốc tế (SAI), một tổ chức phi chính phủ quốc tế và có tiếng về các tiêu chuẩn xã hội/lao động, đã khuyến nghị những cách sắp xếp tốt nhất các tiêu chuẩn với những chuẩn mực lao động thực hành tốt nhất, bao gồm các quy ước của ILO.</p>						

Ghi chú	[61] Một công nhân được thuê (lâu dài) được định nghĩa là người được ký hợp đồng trong thời hạn của một chu kỳ sản xuất hoặc lâu hơn, và đang nhận được sự đền bù bằng tiền để đổi lấy thời gian ông/bà này làm việc cho trang trại. Lao động được thuê, đối với các hoạt động ngắn hạn cụ thể với thời gian tối đa 2 tuần, chẳng hạn như thu hoạch, thì không được xem là lao động được thuê dài hạn. Một lao động gia đình được định nghĩa như là có quan hệ huyết thống mức độ 1 hoặc 2 với người chủ đầu tiên (nam/nữ) hoặc vợ/chồng của ông/bà này VÀ nhận được khoản tiền đền bù hoặc các phúc lợi của ông/bà này cho công việc được làm trên trang trại KHÔNG được tính dựa trên cơ sở về thời gian ông/bà này làm việc trên trang trại nhưng tính tương ứng với năng suất và lợi nhuận của trang trại (ví dụ như một con trai nổi nghiệp cha mình trong kinh doanh gia đình, hoặc một người anh/chị/em họ mức độ 2 đang làm việc để đổi lấy chỗ ở và thức ăn, hoặc 2 anh em chia sẻ các doanh thu thu hoạch). Thành viên gia đình mức độ 1 hoặc 2 đồng ý làm việc để đổi lấy khoản tiền công dựa trên thời gian làm việc thì được xem là "công nhân được thuê". Dù các thỏa thuận bằng miệng hay bằng văn bản đều không khác nhau. Các ông nhân được trả từng phần theo thời gian/ngày và được trả từng phần thông qua chia doanh thu sản phẩm được xem là "công nhân được thuê".
Ghi chú	[62] Lao động trẻ em: liên quan đến bất kỳ việc làm nào do một trẻ em nhỏ hơn độ tuổi nêu rõ trong định nghĩa của một trẻ em, ngoại trừ công việc nhẹ như được quy định bởi Quy ước 138 của ILO, ở mục 7. Các quy ước cho phép trẻ em độ tuổi từ 15 đến 17 làm việc trên các trang trại, miễn là thời gian đến trường và chơi được đảm bảo và trẻ em được miễn công việc nặng nhọc về thể chất, công việc có tính lạm dụng và nguy hiểm.
Ghi chú	[65] Công việc nguy hiểm: công việc mà có khả năng gây hại cho sức khỏe, an toàn và đạo đức của các công nhân do tính chất hoặc các điều kiện mà công việc được thực hiện.

Tiêu chí 4.2: Lao động bị cưỡng bức, ràng buộc bắt buộc [66]

		Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):				
		<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.2.1</p> <p>Các hợp đồng phải được nêu rõ và hiểu rõ bởi các công nhân được thuê và không bao giờ dẫn đến việc một công nhân được thuê bị mắc nợ. Tiền lương hoặc một phần tiền lương không phải bị chiếm giữ để trả cho hàng hóa và dịch vụ bị bắt buộc dùng bởi người sử dụng lao động. Chỗ ở, quần áo, ăn trưa, đi lại vv...thì được chu cấp cho mức lương ở trên được nêu rõ trong hợp đồng, nếu và khi người sử dụng lao động bắt sử dụng những hàng hóa và dịch vụ này như một sự bắt buộc. Các chương trình đào tạo công việc do người sử dụng lao động yêu cầu thì phải được thanh toán đầy đủ hoặc được hoàn trả lại bởi người sử dụng lao động. Tất cả các thanh toán phải được thực hiện lúc chấm dứt công việc. Người sử dụng lao động không được phép chiếm giữ và giữ lại các giấy tờ tùy thân bản gốc của công nhân được thuê. (Lưu ý: Cần trọng hơn đối với người nhập cư và những tình huống nhà thầu / nhà thầu phụ, vì họ có nhiều khả năng dễ bị tổn thương nếu không có giấy tờ tùy thân). Tiêu chuẩn này liên quan tới quyền của công nhân để chọn nơi họ sẽ dành cho thời gian rảnh rỗi của mình. Tiêu chuẩn này không ra lệnh những người công nhân phải rời khỏi trang trại. Trong nhiều trường hợp (ví dụ như các trang trại ở xa) các công nhân có thể muốn ở lại tại hoặc gần các trang trại cho thuận tiện.</p>				
4.2.1	<p>Tiêu chuẩn: Quyền đối với các khoản thanh toán và phúc lợi cuối cùng đầy đủ</p> <p>Yêu cầu: Những người sử dụng lao động sẽ không chiếm giữ bất cứ phần tiền lương, tài sản hoặc phúc lợi của người lao động khi chấm dứt công việc.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đảm bảo rằng tất cả các hợp đồng nêu rõ quyền tự do của công nhân để chấm dứt công việc của họ và nhận được thanh toán đầy đủ cho đến ngày làm việc cuối cùng của họ. > Phóng vấn ngẫu nhiên các công nhân về quyền và nghĩa vụ trong việc chấm dứt một hợp đồng. > Phóng vấn ngẫu nhiên các công nhân nếu các khoản tiền đặt cọc đã được gửi. > Kiểm tra sự hiểu biết của họ về các chính sách trang trại. > xác minh với các công nhân nghi việc liệu các khoản thanh toán đã được thực hiện một cách thích đáng và không còn nợ lại.</p>			NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
		<p>b. Đảm bảo rằng quyền lợi của công nhân như được nêu rõ trong yêu cầu này được tôn trọng đúng đắn.</p>			NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
		<p>c. Đảm bảo rằng trang trại không giữ lại bất cứ phần tiền lương, phúc lợi, tài sản hoặc giấy tờ nào của công nhân để buộc họ phải tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động.</p>			NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
		<p>d. Đảm bảo rằng không có nhân viên nào bị bắt buộc làm việc ở trang trại để trả nợ.</p>			NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
4.2.2	<p>Tiêu chuẩn: Những người lao động có quyền giữ các giấy tờ tùy thân và giấy phép làm việc.</p> <p>Yêu cầu: Các công nhân được thuê không bị yêu cầu phải nộp các giấy tờ tùy thân bản gốc cho người sử dụng lao động khi bắt đầu công việc.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đảm bảo rằng không ai trong trang trại hoặc đại diện cho người sử dụng lao động giữ lại các giấy tờ tùy thân bản gốc của nhân viên. > Xác minh bằng cách kiểm tra ngẫu nhiên với các công nhân.</p>			NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài

4.2.3	<p>Tiêu chuẩn: Công nhân được thuê được tự do đi lại bên ngoài ngoài giờ làm việc</p> <p>Yêu cầu: Các công nhân được thuê sẽ được tự do rời khỏi nơi làm việc và quản lý thời gian nghỉ ngơi của họ</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đảm bảo nhân viên được tự do rời khỏi nơi làm việc và quản lý thời gian nghỉ ngơi của họ. > Xác minh bằng cách xem xét bất kỳ các bản ghi thiếu cho nhân viên hoặc sổ tay hướng dẫn công nhân. > Kiểm tra các sổ nhật ký hành trình và các sổ sách ghi giờ làm việc. > Phỏng vấn xác minh với các công nhân và các bảo vệ.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài
Ghi chú		[66] Lao động bị cưỡng bức: khi một người bị ép buộc làm việc bởi người sử dụng lao động hoặc người chủ nợ để trả một khoản nợ tài chính cho cơ quan tín dụng.					
Tiêu chí 4.3: Phân biệt đối xử [70] trong môi trường làm việc							
Tiêu chí Tuần thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):							
4.3.1	<p>Tiêu chuẩn: Chính sách chống sự phân biệt đối xử sẵn có, bao gồm nhưng không giới hạn cách như thể nào để đối phó với phân biệt đối xử tại nơi làm việc và tiếp cận bình đẳng đến tất cả các công việc liên quan đến giới tính, tuổi tác, nguồn gốc (người bản địa so với người nhập cư), chủng tộc hay tôn giáo, và vạch ra các thủ tục công ty rõ ràng và minh bạch là để nâng cao/sắp xếp và phân hồi đối với các khiếu nại phân biệt đối xử. Các thủ tục công ty rõ ràng và minh bạch được vạch ra nhằm nâng cao/sắp xếp và phân hồi đối với các khiếu nại phân biệt đối xử.</p> <p>Yêu cầu: Văn bản chính sách có sẵn tại trang trại và nội dung của nó được các công nhân biết đến. Bằng chứng cho thấy các thủ tục sẵn có và đang được sử dụng. Không có các khiếu nại của công nhân liên quan đến việc tuân thủ theo đó.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.3.1</p> <p>Sự phân biệt đối xử trong môi trường làm việc: Bằng chứng về các chính sách/thực hành chống phân biệt đối xử</p> <p>Người sử dụng lao động phải viết các chính sách chống phân biệt đối xử nêu rõ công ty không tham gia hoặc ủng hộ sự phân biệt đối xử trong tuyển dụng, tiền lương, tiếp cận đào tạo, thăng chức, chấm dứt hoặc nghỉ hưu dựa trên chủng tộc, đẳng cấp, nguồn gốc quốc gia, tôn giáo, khuyết tật, giới tính, khuynh hướng tính dục, thành viên công đoàn, đảng phái chính trị, tuổi tác hay bất kỳ điều kiện nào khác có thể làm gia tăng sự phân biệt đối xử.</p> <p>Thủ tục công ty rõ ràng và minh bạch được vạch ra nhằm nâng cao/sắp xếp và phân hồi đối với các khiếu nại phân biệt đối xử. Những người sử dụng lao động phải tôn trọng nguyên tắc trả lương ngang nhau cho công việc như nhau.</p> <p>Bằng chứng về sự việc phân biệt đối xử mắc phải: sự làm chứng của công nhân phải có khả năng hỗ trợ rằng công ty không gây cản trở các quyền của cá nhân để theo dõi giáo lý và thực hành, hoặc để đáp ứng các nhu cầu liên quan đến chủng tộc, đẳng cấp, nguồn gốc quốc gia, tôn giáo, khuyết tật, giới tính, khuynh hướng tính dục, thành viên công đoàn, đảng phái chính trị hay bất kỳ điều kiện nào khác có thể làm gia tăng sự phân biệt đối xử.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài. Trang trại có chuẩn bị chính sách chống phân biệt đối xử, ngày 16-06-2012 cho trường hợp có thuê lao động
4.3.2	<p>Tiêu chuẩn: Số sự việc phân biệt đối xử mắc phải</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Duy trì một sổ ghi chép các khiếu nại (bao gồm các khiếu nại về phân biệt đối xử).</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài. Trang trại có chuẩn bị chính sách chống phân biệt đối xử, ngày 16-06-2012 cho trường hợp có thuê lao động

4.3.3	<p>Tiêu chuẩn: Sự bình đẳng về lương bổng và cơ hội nghề nghiệp. Tất cả công nhân được thuê, không phụ thuộc vào giới tính, nguồn gốc, chủng tộc hoặc tôn giáo, nhận được tiền lương, các phúc lợi, các cơ hội thăng tiến, các thỏa thuận bảo đảm công việc hoặc cơ hội đào tạo ngang nhau ở vai trò và mức độ kinh nghiệm ngang nhau trong cùng vị trí cấp bậc.</p> <p>Yêu cầu: Bằng chứng của sự bình đẳng về lương bổng và cơ hội nghề nghiệp.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Duy trì các hồ sơ về các thay đổi lương bổng, thăng chức và cơ hội đào tạo của nhân viên. Đối với các đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài.
4.3.4	<p>Tiêu chuẩn: Tôn trọng quyền và phúc lợi thai sản</p> <p>Yêu cầu: Những người sử dụng lao động không được kiểm tra việc mang thai và không được xử phạt và/hoặc sa thải dựa trên tình trạng hôn nhân và phải bảo đảm các quyền lợi hợp pháp đối với việc nghỉ mang thai/thai sản.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Cung cấp và đảm bảo việc thi hành một chính sách bảo vệ các bà mẹ mang thai và cho con bú. Tuân thủ tối thiểu theo chính sách công cộng, nhưng ngay cả trong trường hợp không có chính sách đó, thì một số mức độ bảo vệ phải được áp dụng và tính đến. > Kiểm tra sự tồn tại của các lịch làm việc đặc biệt/được điều chỉnh cho phụ nữ mang thai hoặc cho con bú. > Các hồ sơ y tế phản ánh việc mang thai/cho con bú (ghi chú việc cảm yêu cầu được biết ai mang thai!). > Có một phân tích rủi ro liên quan đến việc mang thai/cho con bú và sức khỏe và an toàn lao động.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài. bên ngoài.
Ghi chú	[70] Phân biệt đối xử: bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hoặc thiên vị mà việc đó có tác động làm vô hiệu hay làm suy giảm sự bình đẳng về cơ hội hay đối xử. Không phải tất cả sự phân biệt, loại trừ, hoặc thiên vị đều tạo nên phân biệt đối xử. Ví dụ như việc tăng lương hoặc trả thưởng dựa trên công lao và thể hiện công việc không phải là phân biệt đối xử. Phân biệt đối xử tích cực để ủng hộ người dân từ các nhóm yếu thế nhất định có thể là hợp pháp ở một số quốc gia.						
Tiêu chí 4.4: Sức khỏe và an toàn môi trường làm việc							
Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):							
4.4.1	<p>Tiêu chuẩn: Tỷ lệ các công nhân được đào tạo về các thực hành, thủ tục và chính sách sức khỏe và an toàn liên quan đến công việc. Thiết bị an toàn được cung cấp và duy trì và sử dụng.</p> <p>Yêu cầu: 100% các công nhân được đào tạo. Giấy chứng nhận đào tạo được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền quốc gia hoặc cấp tỉnh có liên quan hoặc bởi một trung tâm đào tạo được công nhận thẩm quyền thì được yêu cầu cho các hoạt động với hơn năm nhân viên [71] và bằng chứng cho thấy thiết bị an toàn được sử dụng bởi các công nhân.</p> <p>Áp dụng: Các trang trại với hơn 5 nhân viên</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.4.1 Sức khỏe và an toàn môi trường làm việc Phải có bằng chứng cho thấy tất cả công nhân trang trại được đào tạo và hiểu toàn bộ việc đào tạo. Nếu được phỏng vấn, các công nhân cần thể hiện nhận thức và hiểu biết về các mối nguy hiểm đến an toàn và thực hành an toàn. Các công nhân được đào tạo về các thực hành, thủ tục và chính sách sức khỏe và an toàn. Phải có việc giảm thiểu các mối nguy hiểm/rủi ro trong môi trường làm việc, bao gồm cả các thủ tục và chính sách hệ thống được dẫn chứng để ngăn chặn mối nguy hiểm tại nơi làm việc và các rủi ro của chúng, và thông tin phải sẵn có cho các công nhân. Các thủ tục ứng phó khẩn cấp phải có và được công nhân biết đến. Các dấu hiệu cảnh báo bằng ngôn ngữ thích hợp hoặc với hình ảnh để hiểu phải được sử dụng xung quanh thiết bị và/hoặc chất (hóa học) nguy hiểm. Tất cả công nhân phải có quyền di chuyển khỏi môi trường nghiêm trọng sắp xảy ra mà không cần xin phép công ty. Cung cấp đào tạo thường xuyên về sức khỏe và an toàn cho các công nhân (mỗi năm một lần và cho tất cả công nhân mới), bao gồm cả đào tạo về giảm thiểu các mối nguy hiểm và rủi ro tiềm tàng.</p> <p>a. Duy trì các hồ sơ và các bản sao của giấy chứng nhận đào tạo cho tất cả nhân viên. Ở nơi mà các chương trình chính phủ không cung cấp đào tạo tự nhiên từ các công ty độc lập và từ một bộ phận nhân sự với một kế hoạch có tổ chức tốt. > Đánh giá viên phải kiểm tra và xác minh các tài liệu của các tổ chức cung cấp đào tạo.</p>				C	<p>Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.. Chủ trang trại là lao động chính trong trại, tham gia đào tạo về: an toàn sử dụng hóa chất, hướng dẫn xử lý khẩn cấp khi bị tai nạn. Hồ sơ đào tạo ngày 25-06-2014, thực hiện bởi Công ty Thanh Đoàn, có chữ ký của các lao động tham gia, 100% lao động đều được đào tạo.</p>

		b. Đảm bảo rằng tất cả công nhân sử dụng thiết bị an toàn nếu có thể áp dụng. Đối với thiết bị tại chỗ, thiết bị phải cho thấy các dấu hiệu sử dụng (gần đầy), và đang trong tình trạng hoạt động hiệu quả.	C				Đánh giá quan sát, công nhân trong trại được trang bị đầy đủ các trang bị bảo hộ cần thiết, vd. găng tay, kính mắt, ủng, khẩu trang.
4.4.2	<p>Tiêu chuẩn: Giám sát các tai nạn và sự cố xảy ra và các hành động khắc phục.</p> <p>Yêu cầu: Tất cả các tai nạn và sự cố liên quan đến công việc phải được ghi lại và hành động khắc phục phải được lập văn bản và thực hiện.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.4.2 Xác định các sự cố y tế và tai nạn liên quan đến an toàn, và các vi phạm được lập hồ sơ và hành động khắc phục được thực hiện. Ở mức tối thiểu, tất cả các tai nạn liên quan đến công việc đòi hỏi phải có một số hình thức chăm sóc y tế chuyên nghiệp (y tá hoặc bác sĩ) phải được ghi chép lại. Phải lập hồ sơ liên quan tới các vi phạm sức khỏe và an toàn lao động nghề nghiệp. Khuyến cáo nên bao gồm các hồ sơ về số lượng các sự cố và số lượng ngày công bị mất do sự cố. Một kế hoạch hành động khắc phục phải được thực hiện để đối phó với các tai nạn liên quan đến công việc và các vi phạm thực hành an toàn đã xảy ra. Kế hoạch này cần phải phân tích và chỉ rõ các nguyên nhân cơ bản và khắc phục và phòng ngừa các rủi ro trong tương lai hoặc các tai nạn có tính chất tương tự.</p> <p>a. Duy trì các hồ sơ của tất cả các tai nạn và các hành động khắc phục được thực hiện. Đối với các đánh giá đầu tiên, hồ sơ trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p> <p>b. Đảm bảo rằng có sẵn các hành động khắc phục liên quan. Trong trường hợp tiếp tục lặp lại cùng một loại tai nạn được báo cáo, phải chứng minh có xu hướng thực tế giảm tần số tai nạn.</p>	C				Danh sách tai nạn trong trại được duy trì, tuy nhiên đến ngày đánh giá, chưa có tai nạn nào xảy ra. Các quy trình xử lý tai nạn được thiết lập, vd. Quy trình xử lý khẩn cấp khi tai nạn do rắn cắn ngày 05-01-2013. Những việc phải làm khi có tai nạn lao động ngày 01-04-2013
4.4.3	<p>Tiêu chuẩn: Chi trả chi phí y tế.</p> <p>Yêu cầu: Người sử dụng lao động phải cung cấp bằng chứng về sự chi trả toàn bộ chi phí liên quan đến bất kỳ tai nạn/thương tích nào xảy ra thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động khi không được bảo hiểm theo luật quốc gia.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.4.3 Bằng chứng chi trả tai nạn. Phải có sự bồi thường đủ để trang trải chi phí và tổn thất thu nhập cho tất cả công nhân được thuê, người bị tai nạn hoặc thương tích xảy ra trong môi trường làm việc. Đặc biệt xem xét đối với các công nhân người nước ngoài, nhập cư hoặc tạm thời, những người có thể nắm ngoài các luật liên quan đến sự bảo hộ trong trường hợp thương tích liên quan đến công việc hoặc các vấn đề sức khỏe. Các tài liệu liên quan đến bảo hiểm công nhân có thể được xác minh với các công ty bảo hiểm chi định.</p> <p>a. Cung cấp bằng chứng về danh sách của tất cả các công nhân làm việc lâu dài và bằng chứng về chi trả bảo hiểm y tế cho tất cả các công nhân.</p>				NA	NA. Đến ngày đánh giá, chưa có tai nạn nào xảy ra.
Ghi chú	[71] Giấy chứng nhận đào tạo được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền quốc gia hoặc cấp tỉnh có liên quan hoặc bởi một trung tâm hoặc viện đào tạo được khuyến nghị hoặc được công nhận thẩm quyền như vậy.						
Tiêu chí 4.5: Mức lương tối thiểu và công bằng [73] hay "mức lương tốt"							
Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):							
4.5.1	<p>Tiêu chuẩn: Mức lương tối thiểu áp dụng đối với mô tả công việc/nhiệm vụ của họ.</p> <p>Yêu cầu: Tất cả công nhân được thuê [74], bao gồm các công nhân tạm thời, phải nhận được tiền thanh toán nhiều hơn hoặc ngang với mức lương tối thiểu pháp luật quy định theo quốc gia hoặc khu vực ở quốc gia (tùy điều kiện nào áp dụng). Việc trả lương phải được thực hiện: bằng</p>	<p>a. Có các văn bản pháp luật cho thấy mức lương tối thiểu đối với địa điểm nơi trang trại hoạt động. > Xác minh các hợp đồng; hồ sơ lương, và phiếu trả lương. > Xác minh các mức tiền làm ngoài giờ. > Xác minh các hồ sơ chấm dứt công việc. > Xác minh các khoản nợ và các khoản khấu trừ và/hoặc khoản tiền đặt cọc. > Kiểm tra ngẫu nhiên với các công nhân liệu họ có biết mức lương tối thiểu pháp luật quy định và liệu hồ sơ có phản ánh thực tế.</p> <p>b. Duy trì các bản sao của hợp đồng lao động và bảo đảm rằng ít nhất mức lương tối thiểu được trả cho nhân viên.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
						NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.

	<p>cách hợp pháp, tại nơi làm việc hoặc trong tài khoản ngân hàng của công nhân, theo tần suất quy định trong hợp đồng, với phiếu trả lương ghi lại rõ ràng cho công nhân, bao gồm xác định các khoản khấu trừ, thanh toán trước và/hoặc các phần đóng góp đã được thỏa thuận.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>c. Duy trì các biên nhận thanh toán lương có chữ ký của công nhân. Đối với đánh giá lần đầu, các biên nhận phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		<p>d. Đảm bảo rằng các phiếu trả lương được đưa cho các công nhân bao gồm sự xác định bất kỳ các khoản khấu trừ, thanh toán trước và/hoặc phần đóng góp được thỏa thuận.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.5.2	<p>Tiêu chuẩn: Các công nhân làm việc lâu dài được trả mức lương công bằng. Tiền lương, nếu đã không ở một mức "lương công bằng", được tăng dần lên bao gồm các khoản tiền đủ cho các nhu cầu cơ bản của một công nhân công với một thu nhập linh hoạt tính đến các khoản tiết kiệm và/hoặc các khoản tiền trợ cấp.</p> <p>Yêu cầu: Bảng chứng sắn có xác nhận mức lương công bằng hoặc trả dần tăng lên theo thứ tự thời gian trên các phiếu trả lương trong hồ sơ hành chính của trang trại hoặc trong tay của công nhân.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Nếu mức lương tối thiểu chưa được thiết lập bởi pháp luật, tính toán mức lương theo nhu cầu cơ bản, tham khảo ý kiến với các công nhân và các tổ chức đại diện của họ, và các đánh giá chi phí sinh hoạt từ các nguồn đáng tin cậy. Lập văn bản quy trình và đảm bảo rằng tất cả các công nhân có thể tiếp cận quy trình ở những thời điểm hợp lý.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		<p>b. Duy trì các hồ sơ thanh toán lương như trong 4.5.1c, cho thấy các mức lương công bằng hoặc việc tăng lương dần lên.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.5.3	<p>Tiêu chuẩn: Việc xử phạt do xâm phạm đến các quyền lợi hoặc tiền lương của công nhân.</p> <p>Yêu cầu: Không cho phép chiếm giữ bất kỳ phần nào hoặc toàn bộ lương, phúc lợi hoặc quyền lợi của công nhân do pháp luật yêu cầu hoặc quy định. Thậm chí không được giữ như một hình thức xử phạt cho việc làm sai trái (bị cáo buộc) do một phần của người công nhân (xem ILO 29 và 105).</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đảm bảo rằng tất cả nhân viên được đối xử phù hợp với sự tôn trọng và tự trọng (ví dụ như: không có sự hành hạ về thể chất).</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		<p>b. Đảm bảo rằng không khấu trừ vào tiền lương và/hoặc các phúc lợi do các hành động kỷ luật (ví dụ như do việc tinh cờ làm gây vỡ thiết bị).</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.5.4	<p>Tiêu chuẩn: Có một cơ cấu để thiết lập các mức lương và phúc lợi (bao gồm kết hợp cả việc trả lương và các thỏa thuận chia sẻ thu hoạch, nếu áp dụng).</p> <p>Yêu cầu: Tất cả công nhân phải được biết đến các tiêu chí ra quyết định và các quy trình về điều chỉnh mức lương và phúc lợi.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp một khai báo nêu rõ cơ cấu được sử dụng để thiết lập mức lương.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		<p>b. Đảm bảo rằng các nhân viên nhận biết về cơ cấu được sử dụng để thiết lập mức lương.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.

4.5.5	<p>Tiêu chuẩn: Các chương trình hợp đồng lao động xoay vòng được thiết kế để ngăn các công nhân lâu dài không lấy được đầy đủ mức thù lao công bằng và hợp lý và các khoản phúc lợi khác.</p> <p>Yêu cầu: Bị cấm</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Đảm bảo rằng các chương trình hợp đồng không ngăn cản công nhân lâu dài lấy được đầy đủ mức thù lao công bằng và hợp lý và các khoản phúc lợi khác.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
Ghi chú	[73] Mức lương công bằng hoặc mức lương tốt: một mức lương cho phép các công nhân hỗ trợ được cho gia đình có quy mô trung bình trên ngưỡng nghèo. Nhu cầu cơ bản bao gồm chi phí thiết yếu như thực phẩm, nước sạch, quần áo, chỗ ở, đi lại, giáo dục, các thuế bắt buộc, cộng với một thu nhập linh hoạt, cũng như các phúc lợi xã hội uỷ thác hợp pháp (có thể bao gồm bảo hiểm y tế chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm thất nghiệp, hưu trí, vv). Các nước OECD xác định 50% thu nhập mức trung bình trong một quốc gia cụ thể được coi là thu nhập tối thiểu cho nhu cầu cơ bản như vậy. Trong trường hợp thỏa thuận chia sẻ lợi nhuận hoặc chia sẻ thu hoạch được sử dụng giữa những người sở hữu các trang trại và những người được tuyển dụng để làm việc trong trang trại, giá trị tài chính của các mức lương tối thiểu pháp luật quy định hoặc 50% mức lương trung bình trong nước (tùy điều kiện nào cao nhất) cần phải được đảm bảo thu nhập của người lao động bất kể hiệu suất của trang trại.						
Ghi chú	[74] Các công nhân được thuê: các công nhân lâu dài và các công nhân tạm thời. Công nhân lâu dài: những người mà công việc chính của họ là công việc lâu dài hoặc với một hợp đồng công việc không giới hạn thời hạn hợp đồng và các công nhân thường xuyên mà hợp đồng của họ kéo dài 12 tháng hoặc hơn. Trong trường hợp thuê lại cùng một công nhân: nếu tổng của hai kỳ tuyển dụng, không xem xét đến thời gian giữa các kỳ tuyển dụng, vượt quá tổng cộng 12 tháng (bao gồm cả thời gian thử việc, nếu có), thì công nhân là một lao động lâu dài.						
Tiêu chí 4.6: Quyền tự do liên hiệp và quyền thỏa ước tập thể							
Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):							
	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.6.1</p> <p>Quyền tự do liên hiệp và thỏa ước tập thể</p> <p>Xác định tỷ lệ công nhân có tiếp cận với các hiệp hội thương mại, khả năng thỏa ước tập thể và/hoặc công nhân tiếp cận đến (các) đại diện thích hợp do công nhân lựa chọn mà không cần sự can thiệp quản lý.</p> <p>Các công ty phải đảm bảo rằng các công nhân mà quan tâm đến việc thỏa ước tập thể hoặc tham gia một hiệp hội hoặc tổ chức công nhân theo lựa chọn của họ thì không chịu sự phân biệt đối xử. Khi các quyền lợi bị giới hạn, công ty phải làm rõ với các công nhân là họ sẵn sàng tham gia đối thoại với công nhân thông qua một tổ chức đại diện và họ sẽ cho phép các công nhân tự do bầu chọn hoặc lựa chọn các đại diện riêng cho mình.</p> <p>Các công nhân có quyền tự do thành lập và tham gia bất kỳ hiệp hội thương mại hay tổ chức công nhân nào được luật pháp của quốc gia cho phép, không chịu bất cứ hình thức can thiệp nào từ những người sử dụng lao động hoặc các tổ chức cạnh tranh được thành lập hoặc hậu thuẫn từ người sử dụng lao động. Tổ chức Lao động Quốc tế ILO cấm một cách rõ ràng "các hành động được chỉ định để thúc đẩy việc thành lập các tổ chức công nhân hoặc để hỗ trợ các tổ chức công nhân bằng phương tiện tài chính hoặc các phương tiện khác, với mục đích đặt các tổ chức đó dưới sự kiểm soát của những người sử dụng lao động hoặc các tổ chức của những người sử dụng lao động". Bằng chứng được cung cấp sẽ được kiểm tra chéo với hiệp hội được chỉ định hoặc bởi tổ chức do công nhân lựa chọn.</p>						
4.6.1	<p>Tiêu chuẩn: Tỷ lệ công nhân có tiếp cận với các hiệp hội thương mại, các tổ chức lao động, và/hoặc có khả năng tự tổ chức và khả năng thỏa ước tập thể [75] hoặc có thể tiếp cận đến (các) đại diện do công nhân lựa chọn mà không cần sự can thiệp quản lý.</p> <p>Yêu cầu: 100% các công nhân tiếp cận đến các tổ chức công nhân có khả năng đại diện cho họ độc lập với người sử dụng lao động, nếu họ lựa chọn như vậy.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Duy trì các bản sao của các hợp đồng lao động và đảm bảo các hợp đồng có chữ ký hai bên không giới hạn một cách rõ ràng quyền tự do liên hiệp.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		b. Đảm bảo rằng các công nhân có quyền tự do thành lập và tham gia bất kỳ hiệp hội thương mại và/hoặc hội liên hiệp công nhân, và không chịu bất cứ hình thức can thiệp nào từ những người sử dụng lao động hoặc các tổ chức cạnh tranh được thành lập hoặc hậu thuẫn từ người sử dụng lao động. "các hành động được chỉ định để thúc đẩy việc thành lập các tổ chức công nhân hoặc để hỗ trợ các tổ chức công nhân dưới sự kiểm soát của những người sử dụng lao động hoặc các tổ chức của những người sử dụng lao động".				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		c. Đảm bảo rằng các hiệp hội thương mại và/hoặc các tổ chức xã hội dân quyền liên quan đến các quyền lợi Lao động có thể tiếp cận/thông báo cho tất cả các công nhân một cách trực tiếp (áp phích, tờ rơi, viếng thăm).				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.

		d. Đảm bảo rằng hiệp hội thương mại và/hoặc các đại diện xã hội dân quyền tiếp cận đến các thành viên của họ tại nơi làm việc vào thời gian được thỏa thuận với ban quản lý trang trại.					NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		e. Cung cấp một tuyên bố trong đó nêu rõ cam kết của người sử dụng lao động về toàn bộ quyền tự do liên hiệp và quyền thỏa ước tập thể. > Không hoàn toàn cần thiết trên giấy tờ. Tuyên bố này cũng như nội dung tuyên bố được biết đến bởi công nhân. Trong những môi trường rất hạn chế, thỏa thuận chung này (= cho phép + không lạm dụng) được biết đến có tồn tại bằng miệng khi có mặt của các tổ chức xã hội dân quyền đáng tin cậy. Những người sử dụng lao động có thể chỉ ra cách họ đã làm điều này và đánh giá viên có thể xác minh điều đó.					NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.6.2	<p>Tiêu chuẩn: Các thành viên của các hiệp hội hoặc các tổ chức công nhân không bị phân biệt đối xử bởi những người sử dụng lao động.</p> <p>Yêu cầu: Những người sử dụng lao động phải không can thiệp hoặc xử phạt các công nhân vì họ thực hiện quyền đại diện của mình.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Đảm bảo rằng các nhân viên không bị can thiệp vào việc thực hiện quyền đại diện của họ.					NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
Ghi chú	[75] Thỏa ước tập thể: sự thương lượng tự nguyện giữa những người sử dụng lao động và những tổ chức của công nhân để thiết lập nên các điều khoản và điều kiện của công việc bằng phương thức các thỏa thuận tập thể (bảng văn bản).							
Tiêu chí 4.7: Sự quấy rối và các thực hành kỷ luật trong môi trường làm việc gây nguy hại tạm thời hoặc vĩnh viễn về thể chất và/hoặc tinh thần								
Tiêu chí Tuần thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):								
4.7.1	<p>Tiêu chuẩn: Sự công bằng của các biện pháp kỷ luật</p> <p>Yêu cầu: Không có trường hợp lạm dụng [76].</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.7.1</p> <p>"Các hành động kỷ luật trong môi trường làm việc</p> <p>Xác định các sự cố do hành động lạm dụng kỷ luật</p> <p>Phải tuyệt đối không có sự tham gia hay ủng hộ các hình phạt về thể xác, áp bức về thể chất và tinh thần, hoặc lăng mạ bằng lời nói. Phạt tiền hoặc trừ lương không được chấp nhận như một biện pháp để xử lý kỷ luật công nhân, như được chỉ ra bởi các tuyên bố chính sách và bằng chứng từ nhân chứng công nhân.</p> <p>Bằng chứng về các chính sách và thủ tục kỷ luật không lạm dụng Nếu hành động kỷ luật là cần thiết, các cảnh báo bằng miệng và bằng văn bản tăng dần lên phải được cam kết. Mục tiêu phải luôn luôn nhằm vào việc cải thiện người công nhân trước khi cho phép ông ta hoặc bà ta ra đi, như được chỉ ra bởi các tuyên bố chính sách và bằng chứng từ nhân chứng công nhân."</p>						
		a. Đảm bảo rằng các biện pháp kỷ luật là công bằng và rằng không có trường hợp lạm dụng. Đánh giá viên phải xem xét các hồ sơ về các hành động kỷ luật được thi hành bởi người sử dụng lao động; đối với ai; và nguyên nhân để làm điều này. Bằng cách này, đánh giá viên có thể xác định số lượng các hành động kỷ luật khác nhau được đáp lại.					NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		b. Duy trì các hồ sơ của bất kỳ hành động nào được thực hiện để phản ứng với các trường hợp quấy rối hoặc hành động lạm dụng kỷ luật. Phản ứng phải phù hợp và có ý định ngăn ngừa tái xảy ra. > Trong trường hợp hồ sơ bằng văn bản không có tồn tại hoặc không đầy đủ: xác minh với công đoàn hoặc Hội liên hiệp Công nhân (WA) hoặc tổ chức phi chính phủ được các công nhân chỉ định. Đánh giá viên cần kiểm tra chéo các vấn đề đã được giải quyết trong các cuộc họp cộng đồng thông qua việc tuân thủ các PSIA và chỗ có một "cảnh báo sự việc mặc phải", phải xác minh với người được ủy nhiệm/người đại diện lao động bên ngoài.					NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.7.2	<p>Tiêu chuẩn: Các chính sách và thủ tục kỷ luật rõ ràng, công bằng và minh bạch</p> <p>Yêu cầu: Bằng chứng của tài liệu và thông báo đến tất cả các công nhân</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Cung cấp và đảm bảo sự thi hành một chính sách hành động kỷ luật chống quấy rối và lạm dụng. Đánh giá viên phải xác định chắc chắn rằng các bản sao của các chính sách chống quấy rối và lạm dụng được làm phụ lục cho các hợp đồng với công nhân và rằng công nhân được tóm tắt đầy đủ bằng miệng về chính sách.					NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.

4.7.3	<p>Tiêu chuẩn: Cấm quấy rối</p> <p>Yêu cầu: Các bằng chứng cho thấy bất kỳ trường hợp nào đã được xử lý và giải quyết</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Duy trì các hồ sơ về bất kỳ hành động nào được thực hiện để phản ứng với các trường hợp quấy rối. Phản ứng phải phù hợp và có ý định ngăn ngừa tái xảy ra. > Trong trường hợp hồ sơ bằng văn bản không có tồn tại hoặc không có đầy đủ: xác minh với công đoàn hoặc hội liên hiệp công nhân (WA) hoặc tổ chức phi chính phủ như được chỉ định bởi các công nhân.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
Ghi chú	[76] Về mặt thể chất hoặc tinh thần. Lạm dụng về tinh thần: có đặc điểm là cố tình sử dụng quyền lực, bao gồm cả lăng mạ bằng lời nói, cố lập, quấy rối tinh dục hay chủng tộc, đe dọa, hoặc hăm dọa dùng vũ lực thể chất.						
Tiêu chí 4.8: Trợ cấp ngoài giờ và giờ làm việc							
Tiêu chí Tuần thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):							
4.8.1	<p>Tiêu chuẩn: Số giờ làm việc thường xuyên tối đa: Tám giờ/ngày hoặc 48 giờ/tuần (trung bình tối đa trong khoảng thời gian 17 tuần), bao gồm giờ "nghỉ giải lao"; có ít nhất trọn một ngày nghỉ (bao gồm cả hai đêm) trong mỗi khoảng thời gian bảy ngày.</p> <p>Yêu cầu: Được phản ánh trong các hồ sơ sẵn có tại trang trại và 100% tuân thủ được thể hiện trong các cuộc phỏng vấn công nhân [77].</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.8.1 - Thời gian làm việc và ngoài giờ Xác định các sự việc mắc phải, các vi phạm và lạm dụng giờ làm việc và làm thêm giờ.</p> <p>Giờ làm việc thực tế bao gồm thời gian trải qua tại nơi làm việc cho các hoạt động sản xuất và cho các hoạt động khác vốn là một phần của các nhiệm vụ và nghĩa vụ của các công việc có liên quan (ví dụ như, dọn dẹp và chuẩn bị các công cụ làm việc). Nó cũng bao gồm thời gian trải qua tại nơi làm việc khi người đó không hoạt động vì các lý do liên quan đến quá trình sản xuất hoặc tổ chức công việc (ví dụ, thời gian "nghỉ giải lao"), vì công nhân được trả lương vẫn đang được sử dụng bởi người sử dụng lao động trong khoảng thời gian này. Giờ làm việc thực tế bao gồm khoảng thời gian nghỉ ngơi ngắn tại nơi làm việc bởi vì họ rất khó để tách thời gian này riêng ra, ngay cả khi các công nhân không "đang được sử dụng" bởi người sử dụng lao động trong suốt khoảng thời gian đó. Rõ ràng là không bao gồm lúc nghỉ trưa, vì thông thường thời gian đủ dài để dễ dàng phân biệt với thời gian làm việc. Những người sử dụng lao động phải tuân theo các luật áp dụng và các tiêu chuẩn ngành nghề liên quan đến giờ làm việc. Một "tuần làm việc bình thường" có thể được xác định bởi pháp luật nhưng không được vượt quá 48 giờ một cách thường xuyên (liên tục hoặc phần lớn thời gian). Các sự thay đổi dựa theo thời vụ có thể áp dụng. Các trang trại được khuyến khích lưu giữ các ghi chép thời gian làm việc (trong trường hợp trang trại không tự họ làm như vậy).</p> <p>Nhân viên sẽ được cung cấp ít nhất trọn một ngày nghỉ (bao gồm cả hai đêm) trong mỗi khoảng thời gian bảy ngày, trong thời gian đó thì họ không được từ chối sự cho phép rời khỏi địa điểm trang trại. Các công nhân không bị bắt buộc rời khỏi trang trại trong thời gian nghỉ, nhưng có quyền làm như vậy nếu họ muốn. Ở nơi mà vị trí trang trại là quá xa để cho phép người lao động có thể hưởng thụ thư giãn ở nhà, với gia đình hoặc ở những nơi vui chơi giải trí theo lựa chọn của họ, các chủ trang trại phải cung cấp phương tiện vận chuyển (cả hai cách) và đủ thời gian nghỉ để các công nhân có thể nghỉ ngơi như ý ít nhất một lần trong mỗi 17 tuần. Các công nhân sẽ không bị ngăn cản việc lưu giữ các ghi chép thời gian công việc (trong trường hợp trang trại không tự họ làm như vậy).</p> <p>Toàn bộ thời gian làm ngoài giờ phải không vượt quá 12 giờ/tuần trong hơn hai tuần liên tiếp, và tổng thời gian làm việc (bao gồm cả làm ngoài giờ) không được vượt quá trung bình 60 giờ trong khoảng thời gian 17 tuần. Tất cả thời gian làm ngoài giờ phải được trả phần trợ cấp trả thêm tối thiểu là 25 % so với mức lương thường xuyên. Làm việc ngoài giờ là tự nguyện. Trường hợp ngoại lệ là yêu cầu cuối cùng này có thể được thực hiện trong trường hợp làm ngoài giờ là cần thiết để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngắn hạn, miễn là nó hợp pháp và có một thỏa thuận thương lượng tập thể sẵn có để giải quyết vấn đề này. Theo Công ước ILO C- 183, việc bảo vệ được thực hiện đối với phụ nữ trước và sau khi vừa sinh con. Phụ nữ trong những tình huống này không có nghĩa vụ thực hiện công việc mà có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe của cả mẹ và/hoặc con. Việc mang thai hoặc chăm sóc trẻ sơ sinh không bao giờ là một lý do để chấm dứt việc làm và nghĩa vụ chứng minh trong trường hợp sa thải nằm ở người sử dụng lao động. Trợ cấp tiền mặt trong khi mang thai và/hoặc chăm sóc trẻ sơ sinh tối thiểu phải ở mức tối thiểu xã hội phổ biến trong nước được quy định bởi chính phủ theo quy định của pháp luật và các quy định liên quan đến bệnh tật, thất nghiệp và/hoặc (tạm thời) khuyết tật.</p>					
		a. Duy trì bảng chấm công hoặc tài liệu danh sách tham gia làm việc có chữ ký của công nhân. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		b. Đảm bảo rằng thời gian làm việc thường xuyên của các công nhân trang trại không vượt quá 8h/ngày hoặc 48h/tuần.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.8.2	<p>Tiêu chuẩn: Quyền rời khỏi trang trại sau khi hoàn thành các nghĩa vụ công việc hàng ngày.</p> <p>Yêu cầu: Bằng chứng về quyền tự do đi lại cho tất cả các nhân viên.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đảm bảo rằng các công nhân có thể rời khỏi trang trại trong suốt thời gian rảnh được chỉ định (ví dụ như bất kỳ thời gian nào khi mà họ không đang làm việc).</p> <p>b. Duy trì các bản sao của hợp đồng lao động và đảm bảo rằng các hợp đồng lao động nêu rõ quyền của công nhân để rời trang trại.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
						NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
	<p>Tiêu chuẩn: Thời gian nghỉ tối thiểu, có quyền nhưng không phải có nghĩa vụ phải rời khỏi cơ sở trang trại nếu chỗ ở nằm trong trang trại, trừ trường hợp cả hai người sử dụng lao động và nhân viên đồng ý, rằng những người nghỉ không thể</p>	<p>a. Đảm bảo rằng tất cả các công nhân có ít nhất 4 ngày nghỉ trong một tháng.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.

4.8.3	<p>Phương tiện vận chuyển được cung cấp chỗ ở trong trang trại.</p> <p>Yêu cầu: 4 khoảng thời gian trọn 24 giờ trong một tháng.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	b. Duy trì bảng chấm công cho tất cả các nhân viên. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.8.4	<p>Tiêu chuẩn: Phương tiện vận chuyển được cung cấp cho các công nhân (trong trường hợp vị trí trang trại ở xa) để cho phép các công nhân được hưởng thu nhập giải tại nhà, với gia đình hoặc ở những nơi giải trí mà họ chọn.</p> <p>Yêu cầu: Chủ trang trại phải cung cấp phương tiện vận chuyển đến và từ địa điểm đầu tiên mà từ đó giao thông công cộng thường xuyên sẵn có.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Đảm bảo rằng các nhân viên nhận được phương tiện vận chuyển đến và từ địa điểm đầu tiên mà từ đó giao thông công cộng thường xuyên sẵn có.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.8.5	<p>Tiêu chuẩn: Trợ cấp ngoài giờ được cung cấp</p> <p>Yêu cầu: Được trả một mức trợ cấp trả thêm [78] tối thiểu 25% trên mức lương cho những giờ làm việc thông thường</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Đảm bảo rằng đối với tất cả nhân viên, giờ làm việc ngoài giờ được trả ở mức trợ cấp trả thêm tối thiểu 25% trên mức lương cho những giờ làm việc thông thường.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
	<p>Áp dụng: Tất cả</p>	b. Duy trì các hồ sơ thanh toán cho các giờ làm việc ngoài giờ.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.8.6	<p>Tiêu chuẩn: Thời gian ngoài giờ là tự nguyện, và không nhiều hơn 12 giờ/tuần.</p> <p>Yêu cầu: Đôi khi (không thường xuyên).</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Đảm bảo rằng đối với tất cả các nhân viên thì thời gian làm việc ngoài giờ là tự nguyện.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
	<p>Áp dụng: Tất cả</p>	b. Đảm bảo rằng đối với tất cả các nhân viên thì thời gian làm việc ngoài giờ không vượt quá mức tối đa là 12h/tuần.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
	<p>Áp dụng: Tất cả</p>	c. Đảm bảo rằng đối với tất cả các nhân viên thì thời gian làm việc ngoài giờ xảy ra trên cơ sở ngoại lệ.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
	<p>Áp dụng: Tất cả</p>	d. Duy trì các bảng chấm công cho tất cả các nhân viên. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng. Kiểm tra ngẫu nhiên về tính chính xác của bảng chấm công.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
	<p>Áp dụng: Tất cả</p>	e. Duy trì các bản sao của các hợp đồng lao động và đảm bảo rằng các điều kiện làm việc ngoài giờ và các quyền có liên đới.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.8.7	<p>Tiêu chuẩn: Các quyền lợi nghỉ thai sản, bao gồm cả nghỉ giải lao hàng ngày hoặc giảm giờ làm việc để giải quyết nhu cầu chăm sóc con nhỏ.</p> <p>Yêu cầu: Nghỉ thai sản tối thiểu là 14 tuần (tổng thời gian nghỉ làm việc bao gồm cả trước và/hoặc sau thời điểm sinh nở) và bao gồm một cam đoan quay trở lại công việc. Việc trả lương trong suốt giai đoạn này tối thiểu phải ở mức bảo hiểm xã hội được quốc gia quy định.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Đảm bảo rằng tất cả nhân viên nữ nhận thức (và hưởng lợi) quyền lợi của họ để nhận nghỉ thai sản với thời gian tối thiểu 14 tuần và được tiếp tục trả lương.	C			NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.

Ghi chú	[77] Các đánh giá sẽ kiểm tra liệu các công nhân có quen thuộc với hướng dẫn (ở 4.8.1.) và sử dụng các phỏng vấn công nhân để kiểm tra sự tuân thủ. Sự tuân thủ được thể hiện trong các phỏng vấn.							
Ghi chú	[78] Mức trợ cấp trả thêm: một mức chỉ trả cao hơn mức tiền làm việc thường xuyên. Phải tuân thủ các luật/quy định quốc gia và/hoặc tiêu chuẩn mức lương công bằng. Phải là 125% của mức thông thường hoặc cao hơn.							
Tiêu chí 4.9: Các hợp đồng công nhân công bằng và minh bạch								
Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):								
4.9.1	<p>Tiêu chuẩn: Cho phép các mối quan hệ làm hợp đồng chỉ có người lao động [79] hoặc các chương trình học việc sai [80] bao gồm các hợp đồng lao động xoay vòng / liên tiếp để chối bỏ sự dồn tích quyền lợi.</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đảm bảo rằng các nhân viên có bản sao bằng văn bản các hợp đồng lao động của họ.</p> <p>b. Đảm bảo rằng không có nhân viên làm việc với một hợp đồng học việc lâu hơn 6 tháng.</p> <p>c. Đảm bảo rằng các nhân viên hiểu các hợp đồng lao động của họ.</p>					NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.9.2	<p>Tiêu chuẩn: Tất cả công nhân có giấy phép phù hợp và có thể áp dụng để làm việc trong nước.</p> <p>Yêu cầu: Người sử dụng lao động có một danh sách các số tham chiếu của giấy phép hoặc bản sao của các giấy phép cho tất cả các nhân viên có liên quan.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Duy trì một danh sách các số tham chiếu giấy phép hoặc các bản sao của các giấy phép (nếu áp dụng) cho tất cả các nhân viên.</p>					NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.9.3	<p>Tiêu chuẩn: Các công nhân nhận thức đầy đủ các điều kiện làm việc của họ và đã xác nhận các thỏa thuận của họ (bằng miệng hoặc bằng văn bản). Các chính sách và thủ tục làm việc bằng văn bản được yêu cầu khi có nhiều hơn năm công nhân được thuê.</p> <p>Yêu cầu: Bằng chứng về các thỏa thuận hợp đồng cho tất cả công nhân. Các hợp đồng bằng văn bản: một hợp đồng hoàn chỉnh được nộp tại văn phòng, được đối bên ký kết và các bản sao sẵn có cho công nhân. Các thỏa thuận bằng miệng: người sử dụng lao động và công nhân nói các điều kiện làm việc phù hợp trong các cuộc phỏng vấn độc lập.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.9.3 Các hợp đồng nhân phải công bằng và minh bạch. Các hợp đồng bao gồm các điều khoản về: ngày ghi vào sổ sách, thời gian thông báo, thời gian thử việc, tiền lương và chính sách lương, thời gian làm việc dự kiến, chính sách về làm ngoài giờ, các giao thức an toàn trang trại, điều khoản bảo hiểm, các chính sách về các biện pháp kỷ luật, danh sách các chi phí bắt buộc, các quyền cụ thể khác và nghĩa vụ của cả hai bên, cả hai chữ ký (tên họ, địa chỉ được đánh máy hoặc viết rõ ràng) và ngày ký. Những điều khoản chung hoặc tập thể có thể được làm phụ lục theo hợp đồng đã ký, nhưng công nhân phải có một bản sao in đầy đủ những điều khoản đó. Các trang trại có hơn năm công nhân được thuê phải thực hiện theo hợp đồng và thủ tục chính sách được chính thức hóa trên giấy tờ. Các trang trại có ít công nhân hơn, nơi mà chủ trang trại và công nhân tham gia vào các hoạt động làm hợp đồng bằng miệng, các cuộc phỏng vấn bí mật với các chủ trang trại, (các) công nhân và cộng đồng xung quanh (ví dụ như một giáo viên địa phương, trong trường hợp trẻ em đang làm việc trong trang trại) có thể cần thiết để xác minh xem việc hợp đồng (tức là bằng miệng) công bằng và minh bạch có đang diễn ra. Các hợp tác xã (nhóm của các trang trại) chung quy có tổng cộng hơn năm công nhân được thuê phải tuân thủ các thủ tục giấy tờ được quy định tại các tiêu chuẩn này.</p>						
		<p>a. Nếu các hợp đồng bằng văn bản: Đảm bảo rằng tất cả các hợp đồng lao động được đối bên ký kết và các bản sao sẵn có cho nhân viên.</p> <p>b. Nếu các hợp đồng bằng miệng: Đảm bảo rằng tất cả nhân viên hiểu và có thể nói các điều kiện hợp đồng. Nếu các chính sách bổ sung bằng miệng phải được cung cấp in ra cho công nhân.</p> <p>c. Nếu có hơn 5 công nhân được thuê, xây dựng và thi hành các chính sách và thủ tục công việc bằng văn bản.</p>					NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
							NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
							NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.9.4	<p>Tiêu chuẩn: Thời gian thử việc theo quy định trong hợp đồng</p> <p>Yêu cầu: Thời gian thử việc phải theo luật phổ biến trong nước, nhưng không được quá 30 ngày trong trường hợp các luật lệ không tồn tại hoặc không được áp dụng [81].</p>	<p>a. Duy trì các bản sao của các hợp đồng của các nhân viên và đảm bảo rằng thời gian thử việc được nêu rõ tuân theo các luật lệ địa phương và trong trường hợp không có thời gian thử việc theo quy định pháp luật thì thời gian thử việc không vượt quá 1 tháng.</p> <p>b. Đảm bảo rằng thời gian thử việc được hiểu bởi các nhân viên và được tôn trọng.</p>					NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
							NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.

4.9.5	<p>Tiêu chuẩn: Trong các thỏa thuận hợp đồng phụ [82] hoặc làm việc tại nhà, chủ trang trại phải đảm bảo rằng các luật lao động, luật an sinh xã hội và các quy định được ILO phê chuẩn đã được tôn trọng và tuân thủ một cách phù hợp.</p> <p>Yêu cầu: Xác nhận rằng các nhà thầu phụ và các trung gian có các hợp đồng với các công nhân của họ mà các hợp đồng tuân thủ theo các luật lệ và quy định.</p> <p>Áp dụng: Các nhà sản xuất áp dụng các thỏa thuận hợp đồng phụ hoặc làm việc tại nhà</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.9.5 - Các thỏa thuận hợp đồng phụ và làm việc tại nhà. Các nhóm hợp đồng phụ cho nhiều nhiệm vụ chuyên sâu cụ thể (ví dụ như thu hoạch, phân loại) là thực tế phổ biến trong nuôi tôm nhưng thường là một phần rời rạc hoặc không được quy định của doanh nghiệp. Thông qua hợp đồng phụ, các dịch vụ tại trang trại có thể vô tình trở thành liên quan đến các vấn đề lao động có thể tồn tại trong một phần được quy định rời rạc này của ngành công nghiệp. Các trang trại có một biện pháp thích hợp về trách nhiệm xã hội bằng cách thực hành có trách nhiệm trước khi thuê dịch vụ của một nhà cung cấp cụ thể. Sự có trách nhiệm này được kết hợp trong yêu cầu này bằng cách người nuôi đưa ra bằng chứng cho thấy họ đã kiểm tra các nhà cung cấp dịch vụ về các vi phạm có thể có đối với các quyền công nhân cơ bản. > xác minh cách làm thế nào trang trại kiểm tra các nhà thầu phụ đối với biểu hiện liên quan đến các điều khoản đối xử và sức khỏe và an toàn cho công nhân. > xác minh trang trại đã thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu phụ về sự cần thiết phải tuân thủ chính sách này. > Việc thăm ngẫu nhiên 1-2 nhà thầu phụ và/hoặc xác minh trong cuộc phỏng vấn với các công nhân (thường xuyên).</p>	C				Thư yêu cầu gửi cho nhà thầu phụ hút bùn, ngày 24-06-2013, yêu cầu anh ta sử dụng lao động đúng theo yêu cầu pháp luật của Luật lao động Việt Nam
		<p>a. Các đánh giá viên phải xác minh rằng các trang trại đã gửi cho các nhà cung cấp dịch vụ thầu phụ các thư yêu cầu các công nhân của họ đã được ký hợp đồng hợp pháp. Các đánh giá viên cần xác minh rằng các trang trại có giữ các thư từ các nhà thầu phụ trong đó nêu rõ tên và tuổi của các công nhân của họ và họ được ký hợp đồng hợp pháp.</p>	C				Thư cam kết từ nhà cung ứng dịch vụ hút bùn ngày 27-06-2013, cam kết rằng công nhân được thuê đúng theo luật lao động Việt Nam
		<p>b. Cung cấp bằng chứng cho thấy các nhà cung cấp dịch vụ đã được kiểm tra các vi phạm có thể có đối với quyền công nhân cơ bản.</p>	C				Hoạt động hút bùn, cung cấp bởi nhà thầu phụ địa phương. Nhà thầu này có thư cam kết từ nhà cung ứng dịch vụ hút bùn ngày 27-06-2013, cam kết rằng công nhân được thuê đúng theo luật lao động Việt Nam
		<p>c. Đảm bảo rằng tất cả các công nhân làm việc cho nhà thầu phụ hoặc tổ chức trung gian và đang tiến hành các hoạt động liên quan đến trang trại tuân thủ các quy định/thủ tục về sức khỏe và an toàn của trang trại.</p>	C				
Ghi chú	[79] Thỏa thuận làm hợp đồng chỉ có người lao động; thực hiện tuyển dụng công nhân mà không thiết lập một mối quan hệ việc làm chính thức với mục đích tránh trả lương thường xuyên hoặc cung cấp các phúc lợi được yêu cầu hợp pháp, chẳng hạn như bảo vệ sức khỏe và an toàn.						
Ghi chú	[80] Chương trình Học việc Sai: thực hiện tuyển dụng công nhân theo các điều khoản học việc mà không có quy định các điều khoản về thời hạn học việc / tiền lương theo hợp đồng. Đó là một chương trình học việc sai nếu mục đích của nó là để thanh toán ít hơn, tránh các nghĩa vụ pháp lý, hoặc thuê lao động trẻ em.						
Ghi chú	[81] Nếu luật của các nước sản xuất yêu cầu nhiều hơn, luật phải được tuân theo.						
Ghi chú	[82] Công nhân được ký hợp đồng phụ: không trực tiếp ký hợp đồng với chủ trang trại nhưng thông qua một bên trung gian (nhà thầu phụ).						
Tiêu chí 4.10: Các hệ thống quản lý công nhân công bằng và minh bạch [83]							
Tiêu chí Tuân thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):							
4.10.1	<p>Tiêu chuẩn: Người sử dụng lao động đảm bảo rằng tất cả các công nhân có thể tiếp cận các kênh thông tin liên lạc phù hợp với các nhà quản lý về các vấn đề liên quan đến các quyền lao động và điều kiện làm việc.</p> <p>Yêu cầu: Ban quản lý và toàn bộ lực lượng công nhân gặp nhau ít nhất hai lần mỗi năm trên cơ sở của chương trình cuộc họp bằng văn bản và biên bản cuộc họp bằng văn bản sẵn có.</p> <p>Áp dụng: Tất cả các trang trại với > 5 công nhân</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về Tiêu chí 4.10.1-4 - Cơ chế công bằng và minh bạch để giải quyết các xung đột tập thể Hồ sơ của các cuộc họp và khiếu nại được nộp có thể được kiểm tra và xác nhận với ban quản lý, các công nhân và công đoàn hoặc tổ chức khác mà có một công nhân là thành viên. Các tài liệu liên quan đến các biên bản và khiếu nại phải bao gồm các chương trình cuộc họp (trong trường hợp gặp mặt), cách giải quyết hoặc các điểm hành động dựa trên những gì cả hai bên đã thống nhất và một danh sách những người tham dự cuộc họp (trong trường hợp gặp mặt).</p>					
		<p>a. Đảm bảo rằng các công nhân có thể nộp khiếu nại và các vấn đề nghiêm trọng một cách nặc danh (để nghị: duy trì các hộp thư khiếu nại cho các nhân viên trên khắp trang trại)</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		<p>b. Đảm bảo rằng các công nhân nhận thức về các thủ tục khiếu nại của trang trại và được khuyến khích sử dụng chúng bởi ban quản lý trang trại.</p>				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.

		c. Duy trì các ghi chép cuộc họp (tối thiểu 2 năm một lần) được tổ chức với các lực lượng công nhân. Các ghi chép phải bao gồm danh sách những người tham dự, chương trình cuộc họp và kế hoạch hành động được thống nhất và các tóm tắt. Đối với các đánh giá đầu tiên, các ghi chép phải bao gồm tối thiểu 1 cuộc họp.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.10.2	<p>Tiêu chuẩn: Tỷ lệ phần trăm của các vấn đề đặt ra của công nhân được ghi nhận, người sử dụng lao động phản hồi và theo dõi.</p> <p>Yêu cầu: 100%</p> <p>Áp dụng: Tất cả các trang trại với > 5 công nhân</p>	a. Duy trì một sổ ghi chép các vấn đề phát sinh bởi các công nhân (bao gồm các mẫu đơn khiếu nại), ngày và phản hồi được thực hiện. Đối với đánh giá đầu tiên, sổ ghi chép phải bao gồm tất cả các ghi chép của ≥ 6 tháng trước.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		b. Đảm bảo rằng các nhân viên tiếp cận đến sổ ghi chép vào thời gian hợp lý. > trong trường hợp không có khiếu nại, xác minh với công đoàn hoặc hội liên hiệp công nhân hoặc tổ chức phi chính phủ được chỉ định bởi các công nhân.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.10.3	<p>Tiêu chuẩn: Kế hoạch rõ ràng, với các hành động và khung thời gian xử lý, được phát triển để giải quyết các khiếu nại và tuân thủ theo.</p> <p>Yêu cầu: Danh sách các khiếu nại, kế hoạch hành động phản hồi và khung thời gian để giải quyết thì sẵn có.</p> <p>Áp dụng: Tất cả các trang trại với > 5 công nhân</p>	a. Duy trì một sổ ghi chép các vấn đề phát sinh bởi các công nhân và bao gồm kế hoạch (bao gồm các hành động và khung thời gian) để xử lý các xung đột chưa giải quyết thành các xung đột đã được giải quyết.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		b. Bảo đảm kế hoạch được tuân thủ.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
4.10.4	<p>Tiêu chuẩn: Tỷ lệ phần trăm của các khiếu nại được giải quyết trong vòng 3 tháng sau khi nhận được khiếu nại.</p> <p>Yêu cầu: 90%, theo khung thời gian của 4.10.3.</p> <p>Áp dụng: Tất cả các trang trại với > 5 công nhân</p>	a. Duy trì bằng chứng về các vấn đề phát sinh bởi các công nhân và đang được giải quyết. Bằng chứng có thể bao gồm các thư được ký bởi các nhân viên hoặc các đại diện của họ.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		b. Ghi chép các vấn đề được giải quyết trong sổ ghi chép như đối với phần 4.10.2.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
		c. Duy trì các tóm tắt và tính toán hàng tháng về tỷ lệ phần trăm các vấn đề được giải quyết trong vòng 1 tháng.				NA	NA. Trang trại là nông hộ, trang trại không sử dụng lao động bên ngoài.
Ghi chú	[83] Áp dụng đối với tất cả các trang trại với > 5 công nhân						

Tiêu chí 4.11: Các điều kiện sống cho công nhân được cấp chỗ ở tại trang trại		Tiêu chí Tuần thủ (Yêu cầu Hành động của Khách hàng):				
4.11.1	<p>Tiêu chuẩn: Các điều kiện sống cho công nhân được cấp chỗ ở tại trang trại phải tương tất và an toàn.</p> <p>Yêu cầu: Tất cả các tiện nghi được sạch sẽ, vệ sinh, không thấm nước mưa, an toàn và phù hợp để ở. Các khu chung cần phải bao gồm các đồ đạc cho phép có tầm nhìn, sự riêng tư, như tường, rèm cửa hoặc màn che mây/tre có thể di chuyển được. Các tiện nghi nấu ăn và nước uống hoặc các tiện nghi phục vụ thì sẵn có cho tất cả các công nhân được cấp chỗ ở tại cơ sở trang trại.</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về 4.11.1 và 4.11.2 Đây là tiêu chí về việc cung cấp cho công nhân cư trú các tiện nghi cơ bản nhưng tương tất cho cuộc sống. Tiêu chí này không dành cho những nơi trú ngụ tạm thời được sử dụng tại trang trại để cho phép các công nhân thỉnh thoảng trú mưa hoặc ngủ chợp mắt nhanh trong lúc giữa các ca. Các điều kiện sống được dành cho ăn, ngủ, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí trong nhà và chăm sóc vệ sinh cá nhân thường xuyên hoặc bán thường xuyên. Bộ luật lao động quốc tế (ILO, SA8000) cũng nhắc đến sự sẵn có của ánh sáng, và không gian riêng tư tối thiểu cho mỗi người là 4m2 trong khu ngủ chung. > xác minh tại chỗ về vị trí, điều kiện, và kích thước của chỗ ở. > Xác minh rằng nó có đang được sử dụng bởi các công nhân (không chỉ là quản lý); rằng nó không chỉ là được sử dụng tạm thời.</p>				
		<p>a. Đảm bảo rằng các nhân viên được cung cấp chỗ ở tại trang trại được tiếp cận với nơi cư ngụ tương tất và phù hợp với các tiện nghi sạch sẽ, vệ sinh và không bị thấm nước mưa.</p>	C			Đánh giá quan sát, lao động của trang trại có điều kiện sống tốt và cơ sở hạ tầng sạch sẽ, vệ sinh và có thể che mưa
		<p>b. Đảm bảo rằng các khu chung bao gồm các đồ cung cấp cho phép có tầm nhìn, sự riêng tư, chẳng hạn như tường, rèm cửa hoặc màn che mây/tre có thể di chuyển được.</p>				Đánh giá quan sát, nhà ở công nhân được chia thành từng phòng, đảm bảo kín đáo
	<p>c. Đảm bảo rằng tất cả nhân viên được cấp chỗ ở tiếp cận được các tiện nghi nấu ăn và nước uống hoặc sự sẵn có các tiện nghi phục vụ.</p>	C			Nhà ở công nhân có bếp ăn, căn tin có bếp và nước uống	
4.11.2	<p>Tiêu chuẩn: Các tiện nghi đầy đủ cho phụ nữ.</p> <p>Yêu cầu: Thiết bị vệ sinh và nhà vệ sinh riêng biệt và phù hợp dành cho nam giới và phụ nữ, có thể có ngoại lệ đối với các cặp vợ chồng kết hôn được cấp chỗ ở cùng với nhau.</p> <p>Áp dụng: Tất cả các trang trại với > 5 công nhân</p>	<p>a. Cung cấp Thiết bị vệ sinh và nhà vệ sinh riêng biệt và phù hợp dành cho nam giới và phụ nữ, có thể có ngoại lệ đối với các cặp vợ chồng kết hôn được cấp chỗ ở cùng với nhau. > Nếu phụ nữ có mặt trong lực lượng công nhân (các hồ sơ công nhân và phiếu trả lương): xác minh sự tồn tại và điều kiện của các tiện nghi vệ sinh riêng biệt.</p>	C			Chỉ có chủ trang trại và gia đình sống tại trại. Nhà ở có điều kiện tốt để sinh sống.

PHỤ LỤC 2: Phục hồi rừng ngập mặn

Điều này có nghĩa là công nhân được cấp chỗ ở phải phục hồi rừng ngập mặn tương đương được chuyển đổi để cho cá người nuôi và đánh bắt cá biển sử dụng.

Ý nghĩa của phục hồi này là để giúp cho người nuôi và các công ty tôm hiểu được 'phục hồi rừng ngập mặn' nghĩa là gì, để mô tả cho người nuôi các lợi ích của việc phục hồi, để phác thảo các bước cơ bản liên quan đến việc phục hồi rừng ngập mặn, và rừng ngập mặn có thể đóng vai trò gì trong quy hoạch và quản lý trang trại. Phụ lục cũng đưa ra một tổng quan ngắn gọn về các loại chuyên môn cần thiết khi tiến hành phục hồi rừng ngập mặn, và các loại hình tổ chức có thể giúp làm nhiệm vụ này. Nó cũng bao gồm một danh sách kiểm tra cho người nuôi và đánh giá viên để họ có thể hoàn thành các yêu cầu tiêu chuẩn ASC Tôm, và để cho đánh giá viên xác minh điều này.

Bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái được nêu rõ trong một số tiêu chí của Tiêu chuẩn ASC Tôm, đặc biệt là Tiêu chí 2.2, yêu cầu những người nuôi "khôi phục các khu vực tương đương được chuyển đổi đối với các trạm bơm và kênh cấp/hoạt nước". Đối với "các trang trại được xây dựng hoặc được phép trước tháng 5 năm 1999 trong khu vực rừng ngập mặn, người nuôi được yêu cầu phải bồi thường / đền bù cho các tác động thông qua việc phục hồi theo quyết định của B- EIA, các kế hoạch/danh sách có thẩm quyền quốc gia / tỉnh thành / địa phương, hoặc 50% của hệ sinh thái bị ảnh hưởng (tùy điều kiện nào lớn hơn)". Người nuôi cũng được yêu cầu theo Tiêu chí 2.4 để "duy trì vùng đệm, các rào cản và hành lang sinh thái". Điều này cũng có thể yêu cầu công việc phục hồi để tuân thủ theo các tiêu chuẩn.

Các định nghĩa

Các hệ sinh thái rừng ngập mặn: Các rừng ngập mặn là một trong những hệ sinh thái có năng suất thu hoạch hàng đầu thế giới. Chúng thường được gọi là "rừng vùng thủy triều", " vùng rừng ven biển", hoặc là "rừng rậm nhiệt đới ven biển". Rừng ngập mặn là các loại cây thân gỗ mọc ở khu vực nhiệt đới hoặc cận nhiệt đới dọc theo nơi tiếp giáp giữa lục địa và biển, các vịnh, cửa sông, đầm, phá, dọc dòng sông theo thượng nguồn chảy đến nơi nước vẫn còn mặn (Qasim, 1998). Các loài cây này và các sinh vật sống liên quan (Vi khuẩn, nấm, thực vật và động vật khác) hợp thành quần thể rừng ngập mặn hay là sinh vật rừng ngập mặn (xem Tomlinson PB (1986) The Botany of Mangroves (Thực vật học của Rừng ngập mặn). Cambridge, UK: Cambridge University Press. trang 413 để có danh sách đầy đủ các loài thực vật ngập mặn thực sự và liên quan. Sinh vật vùng ngập mặn và các nhân tố phi sinh vật liên quan cấu thành hệ sinh thái rừng ngập mặn (Kathiresan and Bingham, 2001).

Phục hồi rừng ngập mặn là sự tái giới thiệu và tái thiết lập tập hợp của các loài cây ngập mặn đối với những địa điểm có thể hỗ trợ chúng được phát triển thành các hệ sinh thái rừng ngập mặn mà thực hiện các chức năng tương tự như những gì có ban đầu. Mục tiêu của việc phục hồi rừng ngập mặn là tái lập các môi trường sống (cấu trúc) và các chức năng như bảo vệ bờ biển, đóng góp cho sản xuất thủy sản và nâng cao chất lượng thẩm mỹ của cảnh quan đã bị mất .

¹ Thuật ngữ "khôi phục" (restoration) đã được áp dụng có nghĩa cụ thể là bất kỳ hoạt động nhằm mục đích trả lại hệ thống về một điều kiện tồn tại từ trước (cho dù đây có phải là nguyên sơ hay không) (sensu Lewis 1990b). Thuật ngữ "phục hồi" (rehabilitation) cũng thường được sử dụng, và được áp dụng rộng hơn và được sử dụng để biểu thị bất kỳ hoạt động (bao gồm khôi phục và tạo ra môi trường sống) nhằm mục đích để chuyển đổi một hệ thống bị suy thoái thành một thay thế ổn định.

Phục hồi rừng ngập mặn: các lợi ích đối với người nuôi

Rừng ngập mặn khỏe mạnh có thể tạo ra thu nhập và nguồn lực cho người nuôi và cũng cung cấp sự bảo vệ đối với các sự kiện cực đoan, ví dụ như: bão, và các quá trình tăng lên dần dần như xâm nhập nước mặn và xói mòn bờ biển miễn là chúng có mặt trong các khu vực đủ lớn.

Đánh bắt cá và tôm gần và xa bờ gia tăng và đa dạng hóa với sự hiện diện ngày càng tăng của rừng ngập mặn trong vùng triều. Chúng cũng cung cấp các môi trường sống và là đất đai nuôi dưỡng cho các loài chưa trưởng thành của sinh vật dưới nước nơi mà thủy sản gần và xa bờ sống dựa vào đó. Việc đánh bắt cá và tôm được gia tăng gần đó có chức năng như một thu nhập phụ trợ cho chính người nuôi hoặc thông qua một chương trình thanh toán địa phương có thể tạo ra thu nhập cho chủ đất, người khôi phục rừng ngập mặn trong đó ngư dân địa phương được hưởng lợi.

Rừng ngập mặn được sử dụng chủ yếu cho các yêu cầu gỗ và củi. Các sản phẩm không phải gỗ, vỏ cây (cho chất tanin), lá (có khô và rau quả), trái cây (để làm đồ uống), mật ong, sáp và chất liệu lợp nhà cũng như cá lớn và động vật có vỏ cũng được thu thập từ các hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Hệ sinh thái rừng ngập mặn cũng có lập một số lượng lớn carbon, cái gọi là carbon xanh này có thể được bán trên thị trường. Các nông dân có thể bán các tín dụng carbon (CO2-credit) trên thị trường khí thải tự nguyện.

Các phương pháp khôi phục rừng ngập mặn

Năm nguyên tắc, cần nhắc và đề xuất thực tế sau đây được dựa trên một quá trình được thiết lập tốt được gọi là "Khôi phục Rừng ngập mặn Sinh thái"², xây dựng trên các bài học kinh nghiệm từ những nỗ lực phục hồi trên toàn thế giới³.

1. Hiểu biết về sinh thái học của các loài cây ngập mặn tại khu vực, đặc biệt là các mô hình sinh sản, phân phối cây con, và tạo cây giống từ hạt thành công.
2. Hiểu các mô hình thủy văn (đặc biệt là độ sâu, thời gian tồn tại và tần suất ngập triều) kiểm soát việc phân phối và tạo cây giống thành công và sự phát triển của các loài cây ngập mặn (được đặt mục tiêu).
3. Đánh giá những thay đổi của môi trường rừng ngập mặn ban đầu mà hiện nay ngăn chặn sự tái sinh tự nhiên (phục hồi sau khi thiệt hại).
4. Khôi phục thủy văn và các điều kiện môi trường khác nhằm khuyến khích thiết lập tự nhiên các cây con ngập mặn và tạo cây trồng thành công. Ví dụ thông qua phục hồi các vùng lạch hoặc loại bỏ các đập nhỏ sâu trong nội địa, để đảm bảo các đặc điểm tình trạng ngập nước thủy triều thích hợp và dòng chảy nước ngọt đối với cây trồng ngập mặn đang mọc (Lewis, 2005). Nơi mà những cải biến của con người đối với bờ biển bao gồm chuyển đổi quy mô lớn các rừng ngập mặn thành các ao nuôi trồng thủy sản, khôi phục các ao này trở lại rừng ngập mặn - thông qua khôi phục thủy văn, ví dụ như bằng cách loại bỏ một phần đê ao - cần được xem xét, điều này cũng sẽ hỗ trợ việc ổn định bờ biển, với điều kiện là bảo vệ khỏi bị xói mòn do sóng bão (Stevenson et al., 1999; Lewis et al., 2006, Winterwerp 2013);
5. Chỉ xem xét thực tế việc trồng cây con, cây giống con thu thập được, hoặc cây giống con được canh tác sau khi xác định (thông qua các bước 1-4) rằng việc thiết lập tự nhiên sẽ không cung cấp số lượng cây giống được tạo thành công, tỷ lệ ổn định, hoặc tốc độ tăng trưởng của cây non được tạo thành như là các mục tiêu cho dự án phục hồi.

Tài liệu hướng dẫn thực tế này đưa ra hướng dẫn về trồng rừng ngập mặn: <http://www.wetlands.org/LinkClick.aspx?fileticket=EaD3s%2Bil5Mw%3D&tabid=56>

Tài liệu này gần đây đã được cập nhật với một bước thứ sáu, kết hợp các khía cạnh kinh tế - xã hội và các yêu cầu giám sát (Lewis, 2009).

Những thách thức của phục hồi rừng ngập mặn thành công:

Nhiều nỗ lực sau sóng thần để khôi phục lại vành đai xanh ven biển liên quan đến trồng rừng đơn giản của các cây giống trồng từ hạt và cây con ngập mặn. Đã có nhiều thất bại xảy ra do trồng các loài cây không phù hợp, và tại các địa điểm không phù hợp.

Nhìn chung, sự thất bại xảy ra do thiếu hiểu biết về chính vùng khôi phục.

- Lịch sử của nó là gì?
- Các loài cây ngập mặn nào đã sinh trưởng ở đó?
- Chúng đã phát triển ở đâu?
- Điều gì đã dẫn đến phá hủy hoặc suy thoái của các rừng ngập mặn?
- Các yếu cầu thủy văn của chúng là gì?
- Lớp nền sâu bao nhiêu để chúng lớn lên trong đó?
- Các nguồn cấp nước ngọt vào khu vực là gì?
- Nơi đã diễn ra sự trao đổi của nước triều và nước biển?

² Stevenson et al. 1999; Lewis, 2005
³ Erttemejer & Lewis, 2000; Lewis, 2001; Primavera & Esteban, 2008

Các khu vực ưu tiên cho phục hồi rừng ngập mặn

Người nuôi nên tập trung các nỗ lực phục hồi rừng ngập mặn của họ theo thứ tự ưu tiên:

1) Các khu vực được quy định bởi các quy định địa phương hoặc quốc gia - vành đai xanh hoặc dải ven sông tiềm năng gần nhất

Khi các chức năng vành đai xanh rừng ngập mặn được phục hồi và các chức năng rừng ngập mặn ven sông được khôi phục:

2) Tích hợp với các hệ thống nuôi trồng thủy sản truyền thống và mở rộng, thông qua phương pháp tiếp cận canh tác lâm ngư kết hợp (silvofisheries).

Trong khi trang trại chuyên sâu có thể tích hợp rừng ngập mặn trong khu vực của họ bao gồm chỗ thoát nước, và các khu vực nhà máy xử lý chất thải.


Trong trường hợp một số nhà sản xuất nhỏ cùng khôi phục lại một khu vực, họ cần phải cố gắng để kết nối tối đa giữa các lô rừng ngập mặn để tối đa hóa các chức năng của hệ sinh thái.


Danh sách kiểm tra được đề nghị cho những người nuôi tôm và hướng dẫn các đánh giá viên về một quá trình và báo cáo khôi phục rừng ngập mặn toàn bộ


	Hợp lệ	Được cải tiến
Hiểu biết về sinh thái học của các loài cây ngập mặn tại khu vực, đặc biệt là các mô hình sinh sản, phân phối cây con, và tạo cây giống con từ hạt thành công.		
Hiểu các mô hình thủy văn (đặc biệt là độ sâu, thời gian tồn tại và tần suất ngập triều) kiểm soát việc phân phối và tạo cây giống thành công và sự phát triển của các loài cây ngập mặn (được đặt mục tiêu).		
Đánh giá những thay đổi của môi trường rừng ngập mặn ban đầu mà hiện nay ngăn chặn sự tái sinh tự nhiên (phục hồi sau khi thiệt hại).		
Khôi phục thủy văn và các điều kiện môi trường khác nhằm khuyến khích thiết lập tự nhiên các cây con ngập mặn và tạo cây trồng thành công.		
Chỉ xem xét thực tế việc trồng cây con, cây giống con thu thập được, hoặc cây giống con được canh tác sau khi xác định (thông qua các bước 1-4) rằng việc thiết lập tự nhiên sẽ không cung cấp số lượng cây giống được tạo thành công, tỷ lệ ổn định, hoặc tốc độ tăng trưởng của cây non được tạo thành như là các mục tiêu cho dự án phục hồi.		


Các tổ chức, các chương trình có liên quan - quốc tế và quốc gia:


Các vùng ngập mặn Quốc tế
IUCN - Mangroves for the Future program / Chương trình Rừng ngập mặn cho Tương lai
IUCN - Commission on Ecosystem Management (CEM): Restoration Thematic group / Hội đồng Quản lý Hệ sinh thái: nhóm Phục hồi Chuyên đề (http://www.iucn.org/about/union/commissions/cem/cem_work/cem_restoration/)
Society for Ecological Restoration / Xã hội cho Khôi phục Sinh thái
GIZ C2M SocTrang (<http://czm-soctrang.org.vn/en/Home.aspx>)
Mangrove Action Project / Dự án Hành động Rừng ngập mặn


		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: THADIMEXCO - THANH DOAN FARM 2&3 Tên Công ty: THADIMEXCO - TRANG TRẠI THANH ĐOÀN 2&3		Non Conformity No. 01 Điểm không phù hợp số 01	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 2.1.1 Điều khoản: 2.1.1	TEAM LEADER: Mr. NGUYEN HUY TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh NGUYỄN HUY	
Date: 31-Jul-2014 Ngày: 31-07-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh LÝ VĨ CƯỜNG		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / ĐIỂN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: BIEA has identified irreparable biodiversity damage, but has not clear defined that these damages are caused by what activity of the farm. BEIA có nhận diện các tác động nào không thể phục hồi, nhưng chưa nêu rõ các tác động đó do hoạt động cụ thể nào của trang trại.			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		31-jul-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BAO CAO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: Ngày khắc phục thực tế:		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân The BIEA audit team had mistake, did not clear define the irreparable impact to biodiversity 'Nhóm đánh giá BEIA thiếu sót chưa nêu rõ các tác động không thể phục hồi đến trại như thế nào?'			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / ĐIỂN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
- Corrective action / hành động khắc phục: Farm request the BIEA audit team to check and edit this part following the standards Yêu cầu bên đánh giá BEIA chỉnh sửa, bổ sung lại phần này cho phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn			
- Preventive action / hành động ngăn ngừa: Give recommendations to the BIEA audit team to define clearly irreparable impact for the next audit report. Khuyến cáo bên tổ chức đánh giá BEIA chi tiết rõ nội dung này cho những lần đánh giá sau này.			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾT THÚC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Corrective action evidence has not been submitted yet, BVC will checked evidences in next surveillance audit and closed NCs before deadline. Bằng chứng hành động khắc phục chưa được cung cấp, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng phức tạp trong lần đánh giá định kỳ kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định.			
AUDITOR: ĐÁNH GIÁ VIÊN: CLOSED / ĐÓNG	SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: DD/MM/YYYY NGÀY:	
		NO / KHÔNG	


		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: THADIMEXCO - THANH DOAN FARM 2&3 Tên Công ty: THADIMEXCO - TRANG TRẠI THANH ĐOÀN 2&3		Non Conformity No. 02 Điểm không phù hợp số 02	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 2.3.2 Điều khoản: 2.3.2	TEAM LEADER: Mr. NGUYEN HUY TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh NGUYỄN HUY	
Date: 31-Jul-2014 Ngày: 31-07-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh LÝ VĨ CƯỜNG		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / ĐIỂN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP:			
Compared some species in the List of engagered species of the farm, found that the search result from IUCN redlist was not correct (ex. the Tyto alba has result: EN, but on IUCN was: LC) Đối chiếu một số loài trong Danh sách các loài bị đe dọa trong của trang trại, nhận thấy kết quả tìm kiếm trên IUCN chưa chính xác. (vd. loài Cú Heo kết quả tìm là: EN, nhưng trên IUCN là: LC)			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		31-jul-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BAO CAO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: Ngày khắc phục thực tế:		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân			
BEIA audit team had mistake in reference information from threatened species in farm with IUCN list Nhóm đánh giá BEIA sai sót trong việc đối chiếu chéo thông tin các loài bị đe dọa trong trại với danh sách IUCN.			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / ĐIỂN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
- Corrective action / hành động khắc phục: Farm requested the BEIA audit team to update the list of endangered species with correct information. Trại yêu cầu Nhóm đánh giá BEIA chỉnh sửa danh sách các loài bị đe dọa với thông tin chính xác			
- Preventive action / hành động ngăn ngừa: Give recommendations to the BEIA audit team to be careful for the next audit. Khuyến cáo bên tổ chức đánh giá BEIA cẩn thận và không để thiếu sót cho những lần đánh giá sau này.			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾT THÚC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT			
Corrective action evidence has not been submitted yet, BVC will checked evidences in next surveillance audit and closed NCs before deadline. Bằng chứng hành động khắc phục chưa được cung cấp, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng phức phục trong lần đánh giá định kì kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định.			
AUDITOR: ĐÁNH GIÁ VIÊN:	SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: DD/MM/YYYY NGÀY:	
CLOSED / ĐÓNG		NO/ KHÔNG	


		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: THADIMEXCO - THANH DOAN FARM 2&3 Tên Công ty: THADIMEXCO - TRANG TRẠI THANH ĐOÀN 2&3		Non Conformity No. 03 Điểm không phù hợp số 03	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 2.4.2 Điều khoản: 2.4.2	TEAM LEADER: Mr. NGUYEN HUY TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh NGUYỄN HUY	
Date: 31-Jul-2014 Ngày: 31-07-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh LÝ VÍ CƯỜNG		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / ĐIỂN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: Farm has no river buffer between the farm and Ong Bai Canal and has no evidence showing that this is man-made canal Trang trại chưa có vùng đệm ven Rạch Ông Bái và chưa có bằng chứng là rạch này là rạch nhân tạo			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		31-jul-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BAO CAO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: Ngày khắc phục thực tế:		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Ong Bai Canal is human - made canal, however farm had mistake in requesting local authority to have an documented statement for this issue. Rạch Ông Bái là rạch nhân tạo, tuy nhiên trại thiếu sót trong việc yêu cầu chính quyền địa phương có một tuyên bố bằng văn bản về vấn đề này			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / ĐIỂN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
- Corrective action / hành động khắc phục - Preventive action / hành động ngăn ngừa: Farm asked local authority to have official statement about that Ong Bai Canal is human-made canal Trại đề nghị chính quyền địa phương có tuyên bố chính thức về việc rạch Ông Bái là rạch nhân tạo			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾT THÚC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Corrective action evidence has not been submitted yet, BVC will checked evidences in next surveillance audit and closed NCs before deadline. Bằng chứng hành động khắc phục chưa được cung cấp, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng khắc phục trong lần đánh giá định kì kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định .			
AUDITOR: ĐÁNH GIÁ VIÊN:	SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: DD/MM/YYYY NGÀY:	
CLOSED / ĐÓNG		NO/ KHÔNG	


		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: THADIMEXCO - THANH DOAN FARM 2&3 Tên Công ty: THADIMEXCO - TRANG TRẠI THANH ĐOÀN 2&3		Non Conformity No. 04 Điểm không phù hợp số 04	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 2.5.4 Điều khoản: 2.5.4	TEAM LEADER: Mr. NGUYEN HUY TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh NGUYỄN HUY	
Date: 31-Jul-2014 Ngày: 31-07-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh LÝ VĨ CƯỜNG		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / ĐIỂN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: The soil conductance records only has result for the last time measuring, could not show that there is net increase or not Hồ sơ theo dõi độ dẫn điện đất xung quanh trại, chỉ mới có kết quả của 1 lần cuối, chưa cho thấy có sự gia tăng ròng hay không			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		31-juil-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BAO CAO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: Ngày khắc phục thực tế:		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Farm's equipment could not measure the value of conductance over 1,999ms/cm, so that farm could not have the specific result. Thiết bị của trại không thể đo giá trị độ dẫn điện vượt quá 1,999ms.cm, do đó trại không có giá trị đo cụ thể			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / ĐIỂN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty) - Corrective action / hành động khắc phục: & - Preventive action / hành động ngăn ngừa: QA Department of Thanh Doan instructs the farmer to mix more water for lowering conductance of mesure liquid and multiply the measure result to diltion ratio to have specific result Phòng QA của Thanh Đoàn hướng dẫn nông dân pha thêm nước nhằm giảm nồng độ dẫn điện của dung dịch đo và nhân kết quả đo với tỷ lệ pha loãng để có giá trị cụ thể			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Corrective action evidence has not been submitted yet, BVC will checked evidences in next surveillance audit and closed NCs before deadline. Bảng chứng hành động khắc phục chưa được cung cấp, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng phức phục trong lần đánh giá định kì kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định .			
AUDITOR: ĐÁNH GIÁ VIÊN:	SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: DD/MM/YYYY NGÀY:	
CLOSED / ĐÓNG		NO/ KHÔNG	


		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: THADIMEXCO - THANH DOAN FARM 2&3 Tên Công ty: THADIMEXCO - TRANG TRẠI THANH ĐOÀN 2&3		Non Conformity No. 05 Điểm không phù hợp số 05	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 5.1.1 Điều khoản: 5.1.1	TEAM LEADER: Mr. NGUYEN HUY TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh NGUYỄN HUY	
Date: 31-Jul-2014 Ngày: 31-07-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh LÝ VĨ CƯỜNG		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / ĐIỂN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: Onsite observation, found that the outlet canal was leaked to receiving water body, could not ensure to prevent spreading pathogen to environment when disease happening. Đánh giá thực tế ở trại TD2&3, cống thoát nước có rò rỉ, chưa đảm bảo ngăn chặn bùng phát dịch bệnh ra môi trường xung quanh khi có dịch.			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		31-jul-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BAO CAO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: Ngày khắc phục thực tế:		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Farm did not identify the risk from leaking of discharged water canal Trại không nhận diện được mối nguy từ việc nước rò rỉ ở các cống thoát nước.			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / ĐIỂN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
- Corrective action / hành động khắc phục: Farm repair the outlet water canal, to ensure no leaking from pond water to receiving water body. Trại sửa chữa kênh thoát nước, nhằm đảm bảo không có rò rỉ từ ao ra thủy vực nhận			
- Preventive action / hành động ngăn ngừa: QA Department of Thanh Doan conducts meeting with farmer about checking and repairing outlet canal door to ensure no leaking. Phòng QA của Thanh Doan thực hiện họp với nông dân về kiểm tra và sửa chữa cống thải nhằm đảm bảo không có rò rỉ.			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CO	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Checked the photos of outlet canal door, and meeting minute of QA department with farmer, show compliance. Kiểm tra hình của cửa cống xả thải, và biên bản họp của phòng QA với người nuôi, cho thấy phù hợp			
AUDITOR: Mr. NGUYEN HUY ĐÁNH GIÁ VIÊN: Mr. NGUYỄN HUY		SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: 08/08/2014 NGÀY:
CLOSED / ĐÓNG		YES / CO	


		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: THADIMEXCO - THANH DOAN FARM 2&3 Tên Công ty: THADIMEXCO - TRANG TRẠI THANH ĐOÀN 2&3		Non Conformity No. 06 Điểm không phù hợp số 06	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 5.1.4 Điều khoản: 5.1.4	TEAM LEADER: Mr. NGUYEN HUY TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh NGUYỄN HUY	
Date: 31-Jul-2014 Ngày: 31-07-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh LÝ VĨ CƯỜNG		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / ĐIỂN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP:			
Farm has tested for each lot of PL about OIE diseases, however, there was no testing for NHP <i>Mỗi lô tôm giống nhập vào trại đều được kiểm tra về các bệnh theo OIE, tuy nhiên, trang trại chưa kiểm tra bệnh NHP</i>			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		31-juil-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BAO CAO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: Ngày khắc phục thực tế:		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân			
Farm did not request seeding supplier to supply testing result for all OIE listed pathogen for crustacean applicable to P. monodon <i>Trang trại chưa yêu cầu nhà cung ứng giống cung cấp đầy đủ kết quả kiểm tra cho tất cả các mầm bệnh liệt kê trong OIE cho giáp xác áp dụng cho tôm sú</i>			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / ĐIỂN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
- Corrective action / hành động khắc phục: & - Preventive action / hành động ngăn ngừa: QA Departmen has meeting with farmer about requesting seedling supplier to supply tesing analytical result of all listed OIE pathogens for P. monodon for any purchasing batch of seedling. <i>Phòng QA có buổi họp với người nuôi về việc yêu cầu nhà cung ứng giống cung cấp kết quả kiểm tất cả các bệnh của tôm sú trong danh mục OIE cho bất kỳ lô giống nào mua vào trại.</i>			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾT THÚC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT			
Corrective actionn evidence has not been submitted yet, BVC will checked evidences in next surveillance audit and closed NCs before deadline. <i>Bảng chứng hành động khắc phục chưa được cung cấp, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng phắc phục trong lần đánh giá định kì kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định .</i>			
AUDITOR: ĐÁNH GIÁ VIÊN:		SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: DD/MM/YYYY NGÀY:
CLOSED / ĐÓNG		NO/ KHÔNG	

		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: THADIMEXCO - THANH DOAN FARM 2&3 Tên Công ty: THADIMEXCO - TRANG TRẠI THANH ĐOÀN 2&3		Non Conformity No. 07 Điểm không phù hợp số 07	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 6.1.2 Điều khoản: 6.1.2	TEAM LEADER: Mr. NGUYEN HUY TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh NGUYỄN HUY	
Date: 31-Jul-2014 Ngày: 31-07-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh LÝ VĨ CƯỜNG		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / ĐIỂN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: Farm contracted contractor to measure farm's lowest point. However, there was no evidence of competence of this subcontractor for measuring. <i>Trang trại hợp đồng với nhà thầu để đo điểm thấp nhất trong trang trại, nhưng hồ sơ về năng lực của đơn vị này về đo đạc.</i>			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		31-jul-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: Ngày khắc phục thực tế:		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Farm had mistake of without knowing professional ability of the person who measured the height of farm's banks <i>'Khi thuê nhà thầu đo độ cao bờ trại thiếu sót trong việc đề nghị nhà thầu cung cấp hồ sơ về năng lực của họ.</i>			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / ĐIỂN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty) - Corrective action / hành động khắc phục - Preventive action / hành động ngăn ngừa: Asking for the documents to prove professional ability from the person who will take the responsibility to measure the height of farm's banks <i>Đề nghị bên nhà thầu đo độ cao bờ cung cấp tài liệu và hồ sơ về năng lực của họ để chứng minh họ có đủ năng lực thực hiện đo độ cao bờ.</i>			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Corrective action evidence has not been submitted yet, BVC will checked evidences in next surveillance audit and closed NCs before deadline. <i>Bảng chứng hành động khắc phục chưa được cung cấp, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng phức phục trong lần đánh giá định kì kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định .</i>			
AUDITOR: ĐÁNH GIÁ VIÊN:		SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: DD/MM/YYYY NGÀY:
CLOSED / ĐÓNG		NO/ KHÔNG	

		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: THADIMEXCO - THANH DOAN FARM 2&3 Tên Công ty: THADIMEXCO - TRANG TRẠI THANH ĐOÀN 2&3		Non Conformity No. 08 Điểm không phù hợp số 08	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 7.5.2 Điều khoản: 7.5.2	TEAM LEADER: Mr. NGUYEN HUY TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh NGUYỄN HUY	
Date: 31-Jul-2014 Ngày: 31-07-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh LÝ VĨ CƯỜNG		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / ĐIỂN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP:			
Farm has TP testing result in place, however this was not a specific result because the detectable limit of testing method is higher than TP value in water sample (0.1mg/L) Trang trại sẵn có kết quả kiểm TP, tuy nhiên kết quả kiểm không cụ thể do ngưỡng phát hiện của phương pháp kiểm cao hơn hàm lượng TP trong nước (0.1mg/L)			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		31-juil-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BAO CAO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: Ngày khắc phục thực tế:		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân			
Farm has mistake in checking the ability of laboratory in testing TP. Trại thiếu sót trong việc kiểm tra năng lực phòng Lab để phân tích TP.			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / ĐIỂN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
- Corrective action / hành động khắc phục - Preventive action / hành động ngăn ngừa:			
Farm ask the laboratory to measure with another method to get the accurate TP result. If the laboratory cannot do as request, the farm will send sample to another laboratory for testing Trại đề nghị phòng Lab đo bằng phương pháp khác để có thể xác định được kết quả TP cụ thể. Nếu phòng Lab không đáp ứng được, trại sẽ tìm phòng Lab khác để kiểm.			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT			
Corrective action evidence has not been submitted yet, BVC will checked evidences in next surveillance audit and closed NCs before deadline. Bằng chứng hành động khắc phục chưa được cung cấp, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng khắc phục trong lần đánh giá định kì kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định.			
AUDITOR: ĐÁNH GIÁ VIÊN:		SIGNED: KÝ TÊN:	
CLOSED / ĐÓNG		NO/ KHÔNG	
		DATE: DD/MM/YYYY NGÀY:	

		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: THADIMEXCO - THANH DOAN FARM 2&3 Tên Công ty: THADIMEXCO - TRANG TRẠI THANH ĐOÀN 2&3		Non Conformity No. 09 Điểm không phù hợp số 09	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 7.5.3 Điều khoản: 7.5.3	TEAM LEADER: Mr. NGUYEN HUY TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh NGUYỄN HUY	
Date: 31-Jul-2014 Ngày: 31-07-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh LÝ VĨ CƯỜNG		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / ĐIỂN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: Onsite observation, found that farm used sludge to strenthen pond's bund, this activity has potential risk of polluting pond water and adjacent environment when having rain Đánh giá quan sát, trại có một đoạn bờ ao đắp bùn ướt, có rủi ro về nhiễm bẩn môi trường ao nuôi và khu vực lân cận khi trời mưa.			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		31-jul-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: Ngày khắc phục thực tế:		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân The sludge on farm's bund is of nearby house-hold, they collect sludge onto farm's bund without informing the farm owner. Bùn đắp trên bờ ao là của hộ bên cạnh, họ thu gom bùn trên bờ ao mà không có thông báo với chủ trang trại			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / ĐIỂN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
- Corrective action / hành động khắc phục: Farm request nearby house hole to remove the sludge on farm's bund, to ensure no contamination for the pond. Trại yêu cầu hộ bên cạnh di dời bùn trên bờ ao, nhằm đảm bảo không có nhiễm cbe63n đến ao nuôi.			
- Preventive action / hành động ngăn ngừa: Farm conducts meeting with nearby house hold about sludge treatment, to ensure they do not cause contamination to the farm. Trại họp với hộ dân lân cận về xử lý bùn, nhằm đảm bảo không gây nhiễm bẩn đến ao nuôi của trại			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CO	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Corrective action evidence has not been submitted yet, BVC will checked evidences in next surveillance audit and closed NCs before deadline. Bằng chứng hành động khắc phục chưa được cung cấp, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng khắc phục trong lần đánh giá định kì kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định.			
AUDITOR: ĐÁNH GIÁ VIÊN:		SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: DD/MM/YYYY NGÀY:
CLOSED / ĐÓNG			NO/ KHÔNG

		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: THADIMEXCO - THANH DOAN FARM 2&3 Tên Công ty: THADIMEXCO - TRANG TRẠI THANH ĐOÀN 2&3		Non Conformity No. 10 Điểm không phù hợp số 10	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 7.6.2 Điều khoản: 7.6.2	TEAM LEADER: Mr. NGUYEN HUY TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh NGUYỄN HUY	
Date: 31-Jul-2014 Ngày: 31-07-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh LÝ VĨ CƯỜNG		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / ĐIỂN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: Farm did not calculate the electricity consumption for lighting activity of the farm yet <i>Trang trại chưa tính toán năng lượng điện tiêu thụ của hoạt động thắp sáng trong trang trại</i>			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		31-jul-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BAO CAO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: Ngày khắc phục thực tế:		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ỨT	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Farm did not recognize all of energy source use in the farm <i>Trại chưa nhận diện hết các năng lượng tiêu thụ ở trại</i>			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / ĐIỂN GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
- Corrective action / hành động khắc phục - Preventive action / hành động ngăn ngừa: Farm identifies and calculates all energy sources for lighting: harvesting, checking the farm in night, light in lime storage <i>Trại nhận diện và tính toán thêm tất cả năng lượng thắp sáng phục vụ cho các hoạt động ở trang trại như: thu hoạch, kiểm tra trang trại ban đêm, thắp sáng kho vôi.</i>			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT Corrective action evidence has not been submitted yet, BVC will checked evidences in next surveillance audit and closed NCs before deadline. <i>Bảng chứng hành động khắc phục chưa được cung cấp, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng khắc phục trong lần đánh giá định kỳ kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định .</i>			
AUDITOR: ĐÁNH GIÁ VIÊN:		SIGNED: KÝ TÊN:	DATE: DD/MM/YYYY NGÀY:
CLOSED / ĐÓNG		NO/ KHÔNG	

		ASC NON-CONFORMITY REPORT BÁO CÁO KHÔNG PHÙ HỢP ASC	
Company: THADIMEXCO - THANH DOAN FARM 2&3 Tên Công ty: THADIMEXCO - TRANG TRẠI THANH ĐOÀN 2&3		Non Conformity No. 11 Điểm không phù hợp số 11	
File Number: Hồ sơ số:	CLAUSE: 7.7.2 Điều khoản: 7.7.2	TEAM LEADER: Mr. NGUYEN HUY TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: Anh NGUYỄN HUY	
Date: 31-Jul-2014 Ngày: 31-07-2014	OTHER TEAM MEMBERS: Mr. LY VI CUONG ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: Anh LÝ VĨ CƯỜNG		
Major non-conformity: Điểm không phù hợp nặng:	Minor non-conformity: X Điểm không phù hợp Nhẹ: X	Observation: Điểm khuyến cáo:	COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ÚT
DESCRIPTION OF THE NON CONFORMITY: / ĐIỂM GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP: Visual assessment, found some living rubbish discharging to environment and around the farm. 'Đánh giá quan sát, có một số rác sinh hoạt thải ra môi trường trong và xung quanh trại nuôi.			
Deadline for clearance: Hạn cuối khắc phục:		31-jul-15	
Audit Comments: Nhận xét của chuyên gia:			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / BAO CAO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Actual Clearance Date: Ngày khắc phục thực tế:		COMPANY REPRESENTATIVE: Mr. DANG VAN UT ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Anh ĐẶNG VĂN ÚT	
Root Cause Analysis / Phân tích nguyên nhân Farmer did not follow farm's regulation in waste management. Người nuôi chưa tuân thủ theo quy định của trang trại về quản lý chất thải			
CORRECTIVE ACTION REPORT (to be completed by the Company) / ĐIỂM GIẢI HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (được hoàn thành bởi Công ty)			
- Corrective action / hành động khắc phục: Farm clear up and collect rubbish around the farm Trại tiến hành vệ sinh rác xung quanh trại.			
- Preventive action / hành động ngăn ngừa: QA Department of Thanh Doan conduct training again for farmer about farm's regulation of waste management. Phòng QA của Thanh Đoàn thực hiện tập huấn lại cho người nuôi về quy định trang trại về quản lý rác thải			
CLEARANCE REPORT (to be completed by BVCertification) / KẾ THỨC BÁO CÁO (được hoàn thành bởi BVCertification)			
ACCEPTED / CHẤP NHẬN		YES / CÓ	
FOLLOW-UP COMMENTS / CÁC NHẬN XÉT			
Corrective action evidence has not been submitted yet, BVC will check evidences in next surveillance audit and closed NCs before deadline. Bằng chứng hành động khắc phục chưa được cung cấp, BVC sẽ kiểm tra các bằng chứng khắc phục trong lần đánh giá định kỳ kế tiếp và đóng các điểm NC trước ngày thời hạn khắc phục đã xác định.			
AUDITOR: ĐÁNH GIÁ VIÊN: CLOSED / ĐÓNG		SIGNED: KÝ TÊN:	
		DATE: DD/MM/YYYY NGÀY: NO/ KHÔNG	

Các dữ liệu cần bảo mật đối với thông tin thương mại nhạy cảm

Không có

Aquaculture Stewardship Council Farm Audit Report
Stakeholders Submissions

Bao gồm văn bản của các thông tin khác được ghi chép lại và Bureau Veritas Certification phản hồi đối với các thông tin đệ trình đó

Nếu không có đệ trình, ghi rõ là "không nhận được đệ trình"

Giai đoạn góp ý của cộng đồng	Các đệ trình của bên liên quan	Phản hồi của BV
Thông báo đánh giá (30 ngày trước đánh giá)	Không nhận được đệ trình	
Công bố báo cáo nhập (10 ngày từ ngày công bố)	Không nhận được đệ trình	

Danh sách kiểm tra chuẩn bị đánh giá (cho tiêu chuẩn ASC tôm):

Mục Đích:

Tài liệu này được lập ra nhằm hỗ trợ các trang trại chuẩn bị cho đánh giá ASC lần đầu tiên tại trang trại của họ. Tài liệu này không áp dụng cho đánh giá giám sát hay/và đánh giá tái chứng nhận (!).

Nếu trang trại không sẵn có các tài liệu/sự chuẩn bị cần thiết vào (các) ngày đánh giá, điều này có thể dẫn tới việc hoãn tiến trình đánh giá & có thể dẫn tới việc chi phí cao (cụ thể, các đánh giá viên cần thêm thời gian để làm việc với tài liệu).

Reference:

Thông tin trong tài liệu này được trích từ Hướng Dẫn Đánh giá ASC Tôm.

Tài liệu này không thay thế cho Hướng Dẫn Đánh giá. Trong trường hợp nội dung trong danh sách đánh giá này khác với Hướng Dẫn Đánh giá, thì Hướng Dẫn Đánh giá có giá trị tiên quyết.

Khả năng áp dụng	Tham khảo trong Hướng dẫn đánh giá	Mô tả	Khung thời gian	Kiểm tra Có/Không	Ghi chú
Tất cả nước giếng. Tiêu chí này áp dụng chỉ với nước giếng và không áp dụng với nước mặt. Các trang trại nằm gần các giếng nước ngọt hay lấy nước ngọt từ lòng đất.	2.5.3a	Duy trì các hồ sơ hàng tháng về độ dẫn riêng được đo trong một giếng nước ngọt ở tại hoặc ở gần bên trang trại (trong vòng bán kính 1km hoặc giếng gần nhất), hoặc bất kỳ giếng nước nào được sử dụng bởi các trang trại bất kể nằm cách trang trại bao xa. Tiếp tục ít nhất sáu tháng một lần sau buổi đánh giá đầu tiên vào các thời điểm của các giá trị cao nhất và thấp nhất, như đã được xác định trong quá trình giám sát hàng tháng ban đầu.	Ít nhất 6 tháng sau khi đánh giá	Y	
Tất cả các trang trại	2.5.4a	Duy trì các hồ sơ cho mỗi sáu tháng dẫn về độ dẫn riêng được đo trong các cánh đồng nông nghiệp và các hệ sinh thái đất lân cận. B-EIA phải xác định các điểm gốc lấy mẫu và tần suất giám sát. Đánh giá viên phải tham khảo Ghi chú [48] để được hướng dẫn cụ thể về tiêu chí giám sát.	Bắt đầu trước khi đánh giá; tiếp tục mỗi 6 tháng sau khi đánh giá	Y	
Tất cả các trang trại	3.1.1a	Cung cấp một p-SIA bao gồm tất cả các mục được báo cáo tại Phụ lục II. Đối với các trang trại quy mô lớn (ví dụ như các doanh nghiệp hợp nhất theo chiều dọc), p-SIA phải được ủy thác cho các chuyên gia chuyên nghiệp. Một p-SIA mới cần được tiến hành ít nhất 3 năm một lần. > Chuẩn bị trước đánh giá bao gồm việc liên lạc với các bên liên quan được cung cấp bởi trang trại và cả tổ chức phi chính phủ hoặc công đoàn và chính quyền địa phương. > Phép đo tam giác được áp dụng như kỹ thuật đánh giá: việc xác minh các báo cáo và quá trình p-SIA bao gồm ít nhất một người được phỏng vấn chọn ngẫu nhiên từ danh sách các bên liên quan cộng đồng do trang trại cung cấp, và một người từ tổ chức địa phương mà trang trại bao gồm trong quá trình p-SIA, và một người do cơ quan đánh giá xác định là tổ chức địa phương mà có thể được cho rằng biết về khu vực.	N/A; sau p-SIA đầu tiên được thực hiện, xem xét lại mỗi 3 năm	Y	
Tất cả các trang trại	3.2.1c	Duy trì các ghi chép của cuộc họp (ít nhất hai lần mỗi năm) được tổ chức với các cộng đồng địa phương để xác định và giải quyết xung đột. Các ghi chép phải bao gồm danh sách các thành viên tham gia, chương trình cuộc họp và kế hoạch hành động được thống nhất và biên bản tóm tắt. Đối với các đánh giá lần đầu, các hồ sơ phải bao gồm ít nhất một cuộc họp (điều này có thể là một phần của quy trình p-SIA nếu p-SIA được tiến hành dưới 6 tháng trước khi đánh giá).	Ít nhất có một cuộc họp trước ngày đánh giá đầu tiên (không quá 6 tháng trước ngày đánh giá đầu tiên)	Y	
Tất cả các trang trại	4.3.3a	Duy trì các hồ sơ về các thay đổi lương bổng, thăng chức và cơ hội đào tạo của nhân viên. Đối với các đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥6 tháng trước đánh giá đầu tiên	NA	
Tất cả các trang trại	4.4.2a	Duy trì các hồ sơ của tất cả các tai nạn và các hành động khắc phục được thực hiện. Đối với các đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥6 tháng trước đánh giá đầu tiên	Y	
Tất cả các trang trại	4.5.1c	Duy trì các biên nhận thanh toán lương có chữ ký của công nhân. Đối với đánh giá lần đầu, các biên nhận phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥6 tháng trước đánh giá đầu tiên	NA	

Tất cả các trang trại	4.8.1a	Duy trì bảng chấm công hoặc tài liệu danh sách tham gia làm việc có chữ ký của công nhân. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥6 tháng trước đánh giá đầu tiên	NA	
Tất cả các trang trại	4.8.3b	Duy trì bảng chấm công cho tất cả các nhân viên. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥6 tháng trước đánh giá đầu tiên	NA	
Tất cả các trang trại	4.8.6d	Duy trì các bảng chấm công cho tất cả các nhân viên. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng. Kiểm tra ngẫu nhiên về tính chính xác của bảng chấm công.	≥6 tháng trước đánh giá đầu tiên	NA	
Tất cả các trang trại	4.10.1c	Duy trì các ghi chép cuộc họp (tối thiểu 2 năm một lần) được tổ chức với các lực lượng công nhân. Các ghi chép phải bao gồm danh sách những người tham dự, chương trình cuộc họp và kế hoạch hành động được thống nhất và các tóm tắt. Đối với các đánh giá đầu tiên, các ghi chép phải bao gồm tối thiểu 1 cuộc họp.	Đối với đánh giá đầu tiên hồ sơ bao gồm ít nhất 1 cuộc họp	NA	
Tất cả các trang trại	4.10.2a	Duy trì một số ghi chép các vấn đề phát sinh bởi các công nhân (bao gồm các mẫu đơn khiếu nại), ngày và phản hồi được thực hiện. Đối với đánh giá đầu tiên, số ghi chép phải bao gồm tất cả các ghi chép của ≥ 6 tháng trước.	≥6 tháng trước đánh giá đầu tiên	NA	
Tất cả các trang trại	5.1.3a	Trang trại cần chứng minh thực tế trang trại trong bảng đếm của trang trại và chúng có thể có hay không có tương quan với các biên nhận mua hàng. Duy trì các hồ sơ cho thấy tổng số lượng tôm được thả nuôi vào trong mỗi khu nuôi trong suốt 12 tháng. Đối với các đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và các hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu). Trong trường hợp trại giống cung cấp cho trang trại là hợp nhất với trang trại, số lượng con giống ra khỏi trại giống có thể được dùng để thay thế.	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥6 tháng và hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	5.1.3b	Duy trì các hồ sơ thu hoạch cho mỗi vụ nuôi (vd. các biên nhận bán hay các biên nhận của các nhà máy chế biến) để có khả năng cho thấy tổng số lượng tôm được thu hoạch trong mỗi khu nuôi. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	5.1.4a	Có sở hữu các biên nhận và/hay các tuyên bố từ nhà cung ứng hậu ấu trùng chỉ ra tình trạng SPF và SPR của con bố mẹ của trại giống và các hậu ấu trùng đã kiểm tra các bệnh nào. Duy trì các hồ sơ trong suốt 12 tháng. Đối với các đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥6 tháng trước đánh giá đầu tiên	Y	
Tất cả các trang trại	5.3.1a	Trang trại cần chuẩn bị một danh sách tất cả các thuốc thú y, các hóa chất và các chế phẩm sinh học được dùng trong trang trại trong vòng 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	5.3.1b	Cung cấp các hồ sơ chi tiết việc sử dụng bất kỳ thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học nào cho mỗi khu nuôi trong trang trại trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	5.3.2a	Duy trì một danh sách tất cả các kháng sinh được sử dụng tại trang trại trong vòng 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	5.3.3b	Cung cấp các hồ sơ chi tiết việc sử dụng bất kỳ thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học cho mỗi ao trong trang trại trong vòng 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	5.3.5a	Duy trì một danh sách tất cả các sản phẩm được dùng trong trang trại (như trong 5.3.1a) trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	5.3.7a	Cung cấp các hồ sơ chi tiết việc sử dụng bất kỳ các chế phẩm sinh học nào tại trang trại trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	

Tất cả các trang trại	6.1.1a	Các đánh giá viên kiểm tra bằng cách đánh giá các tài liệu của trang trại rằng nhà cung ứng hậu ấu trùng có nhận diện các loài (tên Latin) tôm được nuôi. Duy trì các hồ sơ về mua hậu ấu trùng trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ của trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	6.1.2Aa	Cung cấp các hồ sơ của trang trại chỉ ra kích cỡ của tôm (vd..trung bình trọng lượng được ghi hàng tháng). Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
	6.1.2Ab	Duy trì các hồ sơ chỉ ra kích cỡ của mắc lưới hay tấm chắn của toàn bộ trang trại, và hồ sơ cho thấy vì sao kích cỡ mắc lưới được lựa chọn là phù hợp nhất với vật nuôi nhỏ nhất có trong trang trại tại thời điểm sử dụng. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ của trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	6.1.2Da	Lưu các hồ sơ về làm thông thoáng và sửa chữa trong một sổ cố định. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	6.1.3a	Khi xống thoát được phát hiện, ghi chép bất cứ hành động nào được thực hiện nhằm ngăn ngừa xống thoát lặp lại. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh ở mỗi vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	6.2.1a	Cung cấp bằng chứng tài liệu chứng minh việc kiểm tra hậu ấu trùng đối với tất cả các mầm bệnh liên quan (xem danh sách trong 5.1.4b và các bằng chứng bổ sung trong 5.1.4c) trừ khi các mầm bệnh không xuất hiện tại quốc gia. Duy trì các hồ sơ về mua hay tiếp nhận hậu ấu trùng trong 12 tháng. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥ 6 tháng trước đánh giá đầu tiên	Y	
	6.2.1b	Đối với tôm bố mẹ trang trại sử dụng không phải là tôm sú tự nhiên và đối với hậu ấu trùng thả nuôi bắt nguồn từ tôm sú bố mẹ hoang dã từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi. Cung cấp bằng chứng tài liệu chứng minh việc kiểm tra tôm bố mẹ đối với tất cả các mầm bệnh liên quan (xem danh sách trong 5.1.4b và các bằng chứng bổ sung trong 5.1.4c). Duy trì các hồ sơ về hậu ấu trùng mua vào trong suốt 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥ 6 tháng trước đánh giá đầu tiên	Y	
Tất cả các trang trại	6.2.2a	Cung cấp một khai báo từ nhà cung ứng hậu ấu trùng nhận dạng tên các loài (tên Latin) của tôm nuôi và nguồn gốc tôm bố mẹ (bao gồm cá tôm bắt hoang dã hay tôm nuôi nhốt). Duy trì các hồ sơ về hậu ấu trùng mua vào trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥ 6 tháng trước đánh giá đầu tiên	Y	
Các trang trại dùng giống sản xuất từ Tôm sú bắt tự hoang dã	6.2.3a	Cung cấp một khai báo từ nhà cung ứng hậu ấu trùng nhận dạng nguồn gốc (bờ biển nơi thu hoạch và quốc gia thu hoạch) của tôm bố mẹ. Duy trì các hồ sơ về hậu ấu trùng mua vào trong 12 tháng qua. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥ 6 tháng trước đánh giá đầu tiên	Y	
Tất cả các trang trại	6.2.4b	Duy trì các biên nhận giống đối với tất cả các sự kiện thả nuôi. Đối với đánh giá lần đầu, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥ 6 tháng trước đánh giá đầu tiên	Y	
Tất cả các trang trại	7.2.1Aa	Sở hữu một bản tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn xác định nguồn gốc của tất cả các sản phẩm bột và dầu từ biển được sử dụng như thành phần thức ăn (để xác định giống, loài và khu vực thu hoạch). Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho các sản phẩm bột và dầu có nguồn gốc từ biển tại trang trại.	≥ 6 tháng trước đánh giá đầu tiên	NA	
	7.2.1Ba	Sở hữu bản tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn như đối với tiêu chuẩn 7.2.1a. Nếu các sản phẩm cá bao gồm các sản phẩm không tuân thủ các điểm FS đặt trong yêu cầu này hoặc không là một phần của một Chương trình Cải tiến (IP) theo quy định tại yêu cầu này, bản tuyên bố cũng phải nêu rõ mức tối đa bao gồm các sản phẩm cá không tuân thủ (các tính toán cân bằng khối lượng có thể được sử dụng). Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại trang trại.	≥ 6 tháng trước đánh giá đầu tiên	NA	

Tất cả các trang trại	7.2.1Bb	Đối với các trang trại không sử dụng thức ăn có chứa bột cá và dầu cá từ một phần nhà sản xuất của một Chương trình Cải tiến (IP). Cung cấp một điểm FS cho từng loài được sử dụng như một thành phần thức ăn (hoặc cho tất cả các loài ghi trong 7.1.1b.b) trong tất cả các thức ăn được sử dụng bởi các trang trại trong vòng 12 tháng qua. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chăn nuôi chỉ áp dụng cho cá tại trang trại.	≥6 tháng trước đánh giá đầu tiên	NA	
Tất cả các trang trại	7.4.1a	Sở hữu (các) bản tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn cho biết tỷ lệ trung bình của bột cá và dầu cá trong từng loại thức ăn được sử dụng. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	≥6 tháng trước đánh giá đầu tiên	NA	
	7.4.1b	Duy trì các hồ sơ (ví dụ như các biên nhận) cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 chu kỳ sản xuất đầy đủ trên một vùng nuôi (Xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
Tất cả các trang trại	7.4.2Aa	Sở hữu các biên nhận và/hoặc tuyên bố từ nhà cung cấp thức ăn cho thấy khối lượng thức ăn được mua. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	NA	
Tất cả các trang trại	7.4.2Ac	Duy trì các hồ sơ (ví dụ như các biên nhận) cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch theo các ao. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
	7.4.2Ad	Tính toán eFCR và sản lượng cho từng vụ thu hoạch trong 12 tháng qua bằng cách sử dụng các công thức được đưa ra trong tiêu chuẩn. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	NA	
Tất cả các trang trại	7.4.2Ba	Duy trì các hồ sơ cho thấy loại thức ăn và số lượng được sử dụng. Yêu cầu này áp dụng cho tất cả các thức ăn được sử dụng trong các vụ nuôi được bao gồm trong tính toán. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	NA	
	7.4.2Bb	Sở hữu các tài liệu liên quan của % hàm lượng protein từ các nhà cung cấp thức ăn cho tất cả thức ăn được sử dụng trong các vụ nuôi được bao gồm trong tính toán. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	NA	
Tất cả các trang trại	7.5.1a	Duy trì các hồ sơ cho tỷ lệ thay nước hàng ngày, bao gồm cả sơ đồ cho thấy dòng chảy chung qua trang trại. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
	7.5.1b	Duy trì hồ sơ cho thấy loại thức ăn và phân bón và số lượng được sử dụng. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
	7.5.1c	Duy trì hồ sơ (ví dụ như biên nhận) cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
	7.5.1f	Các trang trại KHÔNG hoạt động các ao đất với tỷ lệ thay nước hàng ngày là 10% hoặc thấp hơn: Duy trì các ghi chép về lượng nước lấy vào. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
	7.5.1h	Trong tình huống mà nó không thực tế cho các trang trại để đo chính xác lượng nước thải (ví dụ như do ngập lụt không thường xuyên theo mùa), trang các trại phải cung cấp một hồ sơ của các sự kiện thả nuôi và thu hoạch trong mỗi đơn vị nuôi và tính toán số trung bình của các chu kỳ sản xuất trên mỗi ao trong 12 tháng	Đối với đánh giá đầu tiên; các sự kiện thả giống & thu hoạch và trung bình chu kỳ nuôi của mỗi ao ≥ tháng	Y	
	7.5.2a	Duy trì các hồ sơ cho tỷ lệ thay nước hàng ngày, bao gồm cả sơ đồ cho thấy dòng chảy chung qua trang trại. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	

Tất cả các trang trại	7.5.2b	Duy trì hồ sơ cho thấy loại thức ăn và phân bón và số lượng được sử dụng. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
	7.5.2c	Duy trì hồ sơ (ví dụ như biên nhận) cho thấy trọng lượng của tôm được thu hoạch. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
	7.5.2f	Các trang trại KHÔNG hoạt động các ao đất với tỷ lệ thay nước hàng ngày là 10% hoặc thấp hơn: Duy trì các ghi chép về lượng nước lấy vào. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ phải bao gồm tối thiểu 1 vụ nuôi đầy đủ trên một vùng nuôi (xem phần mở đầu).	Đối với đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ít nhất 1 vụ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi đơn vị	Y	
	7.5.2h	Trong tình huống mà nó không thực tế cho các trang trại để đo chính xác lượng nước thải (ví dụ như do ngập lụt không thường xuyên theo mùa), trang các trại phải cung cấp một hồ sơ của các sự kiện thả nuôi và thu hoạch trong mỗi đơn vị nuôi và tính toán số trung bình của các chu kỳ sản xuất trên mỗi ao trong 12 tháng	Đối với đánh giá đầu tiên; các sự kiện thả giống & thu hoạch và trung bình chu kỳ nuôi của mỗi ao \geq tháng	Y	
Tất cả các trang trại	7.5.3b	Duy trì các hồ sơ của việc thải bỏ và/hoặc di dời bùn và các trầm tích. Đối với các kiểm toán đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 3 tháng.	≥ 3 tháng trước đánh giá đầu tiên	Y	
Tất cả các trang trại	7.5.4c	Duy trì các hồ sơ xả nước từ bể lắng hoặc một lựa chọn thay thế phù hợp. Đối với các đánh giá đầu tiên, các hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 3 tháng.	≥ 3 tháng trước đánh giá đầu tiên	Y	
Tất cả các trang trại	7.5.5c	Tính phần trăm thay đổi trong DO cho từng ngày theo dõi bằng cách sử dụng phương trình trong Phụ lục D.	≥ 6 tháng trước đánh giá đầu tiên	Y	
Tất cả các trang trại	7.6.1b	Duy trì các hồ sơ (ví dụ như các biên nhận) của việc tiêu thụ năng lượng trang trại. Tính toán số lượng nhiên liệu và điện năng được sử dụng bởi trang trại trong 12 tháng vừa qua.	≥ 6 tháng trước đánh giá đầu tiên	Y	